

Phụ lục số 14.51

KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND phường Tùng Thiện

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó						
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ					
1	TỔNG CỘNG	3				570.609	160.973	98.400	133.713	138.000	104.000	34.000	2			
A	DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ	2				437.478	105.573	43.000	75.000	104.000	104.000		1			
I	Đầu tư xây dựng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thực hiện trước sắp xếp	1				140.074	85.573	23.000	55.000	54.000	54.000		1			
I.1	Lĩnh vực Giao thông	1				140.074	85.573	23.000	55.000	54.000	54.000		1			
1	Đường nối từ tỉnh lộ 414 (Điểm ngã ba Vy Thủy) đi tỉnh lộ 416	1	2024-2026	1138- 27/10/2022; 738/QĐ-UBND ngày 25/11/2025		140.074	85.573	23.000	55.000	54.000	54.000		1		UBND phường Tùng Thiện	
II	Dự án sử dụng 100% NS Huyện trước sắp xếp	1				297.404	20.000	20.000	20.000	50.000	50.000					
II.1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1				297.404	20.000	20.000	20.000	50.000	50.000					
1	Xây dựng Trường THPT Tùng Thiện	1	2025-2028	11/NQ-HĐND ngày 21/7/2025; 1641/QĐ-UBND ngày 23/6/2025		297.404	20.000	20.000	20.000	50.000	50.000				UBND phường Tùng Thiện	
B	DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NSTP HỖ TRỢ MỤC TIÊU	1				133.131	55.400	55.400	58.713	34.000		34.000	1			
I	Đầu tư sử dụng NSTP hỗ trợ mục tiêu cấp huyện thực hiện trước sắp xếp	1				133.131	55.400	55.400	58.713	34.000		34.000	1			
I.1	Lĩnh vực Giáo dục	1				133.131	55.400	55.400	58.713	34.000		34.000	1			
1	Xây dựng trường mầm non Trung Sơn Trầm	1	2024-2027	08/NQ-HĐND ngày 21/7/2022; 794/QĐ-UBND ngày 05/6/2024		133.131	55.400	55.400	58.713	34.000		34.000	1		UBND phường Tùng Thiện	

Phụ lục số 14.52

KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND xã Sóc Sơn

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHIV trung hạn 5 năm 2021-2025	KHIV năm 2025	Tỷ lệ tỷ lệ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHIV	Trung đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG	21			3.802.592	652.971	499.044	649.237	1.174.700	1.069.000	105.700	7			
A	DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ	11			3.383.084	507.991	366.230	504.258	1.069.000	1.069.000		1			
I	ĐA đầu tư công cấp Thành phố do cấp huyện thực hiện trước mắt	6			2.954.699	384.300	267.300	380.568	907.000	907.000		1			
I.1	Lĩnh vực giao thông	5			2.771.654	287.300	248.300	287.300	832.000	832.000					
1	Đường Vành đai thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn	1	2025-2027	1592/10/11/2025	139.114	150	150	150	53.000	53.000					UBND xã Sóc Sơn
2	Xây dựng đường nối Khu công nghiệp CH2 đi Quốc lộ 3, huyện Sóc Sơn	1	2025-2027	1788/19/11/2025	222.400	150	150	150	94.000	94.000					UBND xã Sóc Sơn
3	Xây dựng đường nối Tỉnh lộ 131 đi khu TĐC Tiên Dược - Mai Đình, huyện Sóc Sơn	1	2025-2027	1692/18/11/2025	429.673	300	300	300	185.000	185.000					UBND xã Sóc Sơn
4	Mở rộng Quốc lộ 3 theo quy hoạch (Đoạn từ nút giao đường 18 đến Nhà tù đèo và Đền Sóc), huyện Sóc Sơn, Hà Nội	1	2024-2027	3520/05/7/2024	1.482.131	284.500	237.500	284.500	400.000	400.000					UBND xã Sóc Sơn
5	Xây dựng đoạn 2 đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến Khu đô thị vệ tinh Sóc Sơn (đoạn từ nút giao tỉnh lộ 131 đến đường nối Quốc lộ 3 với đền Sóc)	1	2026-2029	42/NQ-HĐND 04/10/2024; 5727/QĐ-UBND ngày 20/11/2025	409.336	2.300	2.300	2.300	100.000	100.000					UBND xã Sóc Sơn
I.2	Lĩnh vực di tích	1			183.045	97.000	27.000	93.268	75.000	75.000		1			UBND xã Sóc Sơn
1	Khu bảo tồn thuộc khu vực IV khu du lịch - văn hóa Sóc Sơn	1	2011-2026	559 28/01/2011; 3571 12/7/2023; 5267 09/10/2024	183.045	97.000	27.000	93.268	75.000	75.000		1			UBND xã Sóc Sơn
II	ĐA sử dụng NSTP hỗ trợ mục tiêu cấp huyện thực hiện trước mắt	2			315.107	76.222	75.030	76.222	115.000	115.000					
II.1	Lĩnh vực giáo dục	2			315.107	76.222	75.030	76.222	115.000	115.000					
1	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Sóc Sơn	1	2023-2027	6249/02/8/2024	60.107	40.100	39.630	40.100	15.000	15.000					UBND xã Sóc Sơn
2	Xây dựng trường THPT Trung tâm đô thị vệ tinh Sóc Sơn	1	2024-2027	3901/28/5/2025	255.000	36.122	35.400	36.122	100.000	100.000					UBND xã Sóc Sơn
III	DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH HUYỆN TRƯỚC SÁP XẾP	3			113.278	47.469	23.900	47.468	47.000	47.000		3			
III.1	Lĩnh vực giao thông	3			113.278	47.469	23.900	47.468	47.000	47.000		3			
1	Cải tạo, nâng cấp đường QL đi chùa Dược Thượng	1	2022-2026	6394/QĐ-UBND ngày 15/8/2024; 1738/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	34.747	7.293	4.000	7.293	20.000	20.000		1			UBND xã Sóc Sơn
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ QL3 đi thôn Công Hòa đi Đền Sóc	1	2022-2026	8160/QĐ-UBND ngày 24/11/2023; 1737/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	38.301	14.676	5.400	14.675	18.000	18.000		1			UBND xã Sóc Sơn
3	Xây dựng tuyến đường từ đường Quốc lộ 3 đi Tỉnh lộ 16 (phục vụ giao thông đi lại qua trường Tiểu học và trường THCS trên địa bàn xã Phú Lãm)	1	2022-2026	8159/QĐ-UBND ngày 24/11/2023; 1740/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	40.230	25.500	14.500	25.500	9.000	9.000		1			UBND xã Sóc Sơn
B	DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NSTP HỖ TRỢ MỤC TIÊU	10			419.508	144.980	132.814	144.979	105.700		105.700	6			
V	DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH HUYỆN TRƯỚC SÁP XẾP	10			419.508	144.980	132.814	144.979	105.700		105.700	6			
V.1.1	Lĩnh vực giáo dục	1			22.237	18.300	18.000	18.300	2.200		2.200	1			UBND xã Sóc Sơn
1	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non Tiên Dược A	1	2023-2026	6856/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	22.237	18.300	18.000	18.300	2.200		2.200	1			UBND xã Sóc Sơn

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHXV trung hạn 5 năm 2021-2025	KHXV năm 2025	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận vốn dài thời gian bố trí vốn	Chức đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHXV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
V.1.2	Lĩnh vực giao thông	1	-	-	100.420	100	50	100	10.000		10.000		-		
1	Xây dựng đường nối từ đường Quốc lộ 3 - Lương Châu - khu dân cư xã Tô 1 - Đường Nội Đồi	1	2026 - 2028	14/NQ-HĐND ngày 20/7/2021; 1741/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	100.420	100	50	100	10.000		10.000			UBND xã Sóc Sơn	
V.1.3	Lĩnh vực di tích, nhà văn hoá	2			46.439	23.470	23.000	23.470	16.500		16.500	2			
1	Tu bổ, tôn tạo đền, chùa Lương Châu, xã Tiên Dược	1	2023-2026	6462/QĐ-UBND ngày 21/8/2024	27.527	11.370	11.000	11.370	12.500		12.500	1		UBND xã Sóc Sơn	
2	Tu bổ, tôn tạo Đình Liên Lý, xã Phú Lỗ	1	2023-2026	2698/QĐ-UBND ngày 10/4/2025; Đ/c TG 1743/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	18.912	12.100	12.000	12.100	4.000		4.000	1		UBND xã Sóc Sơn	
V.1.4	Lĩnh vực thủy lợi	1			14.710	200	200	200	10.000		10.000				
1	Cải tạo, nạo vét, nâng cấp hồ Đục Đục, thôn Vệ Linh, xã Phú Linh, huyện Sóc Sơn	1	2026-2028	27/NQ-HĐND ngày 30/9/2024; 1742/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	14.710	200	200	200	10.000		10.000			UBND xã Sóc Sơn	
V.1.7	Lĩnh vực trụ sở	2			49.179	43.700	33.000	43.700	3.000		3.000	2			
1	Cải tạo, sửa chữa hội trường UBND huyện Sóc Sơn	1	2024-2026	7771/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	20.332	18.400	13.000	18.400	1.000		1.000	1		UBND xã Sóc Sơn	
2	Xây dựng nhà truyền thống và thư viện huyện Sóc Sơn	1	2023-2026	6964/QĐ-UBND ngày 23/9/2024	28.847	25.300	20.000	23.300	2.000		2.000	1		UBND xã Sóc Sơn	
V.1.8	Lĩnh vực HTKT	3			186.523	59.210	58.564	59.209	64.000		64.000	1			
1	Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Sóc Sơn	1	2024-2026	8668/QĐ-UBND ngày 05/12/2024; 1739/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	36.425	27.574	27.374	27.574	4.000		4.000	1		UBND xã Sóc Sơn	
2	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Cà, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn	1	2024-2027	3875/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	59.965	14.892	14.690	14.891	25.000		25.000			UBND xã Sóc Sơn	
3	Xây dựng HTKT khu dân cư tại thôn Lương Châu, xã Tiên Dược huyện Sóc Sơn	1	2024-2028	3874/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	90.133	16.744	16.600	16.744	35.000		35.000			UBND xã Sóc Sơn	



Phụ lục số 14.53
KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)
Đơn vị: UBND xã Đa Phúc

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025	Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
*	TỔNG CỘNG	27			1.246.560	555.865	379.712	555.426	380.262	119.000	261.262	13			
A	DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ	3			515.335	286.340	179.640	286.340	119.000	119.000		1			
I	ĐÀ ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ DO CẤP HUYỆN THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	2			425.841	220.000	138.000	220.000	104.000	104.000					
II.1	Lĩnh vực đề điều	2			425.841	220.000	138.000	220.000	104.000	104.000					
1	Cải tạo, nâng cấp đê hữu Cầu đoạn từ K17+000 đến K28+828 và kê bờ hữu sông Cầu từ K25+350 đến K26+00, xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1	2023-2027	5843/QĐ-UBND ngày 15/11/2023; 2945/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	175.622	117.000	45.000	117.000	34.000	34.000				UBND xã Đa Phúc	
2	Cải tạo, nâng cấp đê tả Cà Lồ đoạn từ K0+00 đến K20+252, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1	2024-2027	1422/QĐ-UBND ngày 13/3/2024	250.219	103.000	93.000	103.000	70.000	70.000				UBND xã Đa Phúc	
II	DỰ ÁN SỬ DỤNG NSTP MỤC TIÊU THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	1			89.494	66.340	41.640	66.340	15.000	15.000		1			
II.1	THPT	1			89.494	66.340	41.640	66.340	15.000	15.000		1			
1	Nâng cấp, mở rộng trường THPT Xuân Giang	1	2023-2026	8250/QĐ-UBND ngày 29/11/2025; 6287/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	89.494	66.340	41.640	66.340	15.000	15.000		1		UBND xã Đa Phúc	
II	DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NSTP HỖ TRỢ MỤC TIÊU TRƯỚC SẮP XẾP	24			731.225	269.525	200.072	269.086	261.262		261.262	11			
I	DỰ ÁN SỬ DỤNG NSTP MỤC TIÊU THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	3			60.971	44.955	24.170	44.955	4.100		4.100	1			
II.1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1			18.732	14.900	14.715	14.900	3.300		3.300	1			
1	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Xuân Thu	1	2024-2026	7796/QĐ-UBND ngày 05/11/2024; đ/c TG 2952/QĐ-UBND ngày 22/11/2025	18.732	14.900	14.715	14.900	3.300		3.300	1		UBND xã Đa Phúc	
II.2	Di tích	2			42.239	30.055	9.455	30.055	800		800				
1	Tu bổ, tôn tạo đền Bà, xã Xuân Thu	1	2022-2026	9914/QĐ-UBND ngày 12/12/2022; 8356/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	22.000	15.966	5.666	15.966	500		500			UBND xã Đa Phúc	
2	Tu bổ, tôn tạo đình thôn Trung, xã Đức Hòa	1	2023-2026	880/QĐ-UBND ngày 07/2/2024; 233/QĐ-UBND ngày 17.4.2025	20.239	14.089	3.789	14.089	300		300			UBND xã Đa Phúc	
II	DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP	20			661.154	217.093	172.425	216.654	255.539		255.539	9			
II.1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	6			119.933	23.750	15.600	23.700	61.100		61.100	2			
1	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Kim Lũ	1	2024-2026	3013/QĐ-UBND ngày 04/05/2024; 6704/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	11.000	10.000	10.000	10.000	700		700	1		UBND xã Đa Phúc	
2	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Bắc Phú	1	2024-2026	6703/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	7.000	6.300	3.300	6.300	400		400	1		UBND xã Đa Phúc	
3	Cải tạo, sửa chữa trường Tiểu học Xuân Thu	1	2024-2027	27/NQ-HĐND ngày 30/9/2024; 2808/QĐ-UBND 21/10/2025	26.976	100	100	100	21.000		21.000			UBND xã Đa Phúc	
4	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Bắc Phú	1	2025-2028	2791/QĐ-UBND ngày 29/10/2025	44.122	100	100	100	20.000		20.000			UBND xã Đa Phúc	

Handwritten signature and initials

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025	Ước lượng lễ giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Tân Hưng	1	2025-2028	2799/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	20.370	100	100	100	16.000		16.000			UBND xã Đa Phúc	
6	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Kim Lũ khu trung tâm	1	2023-2026	3764/QĐ-UBND ngày 27/5/2024; đ/c TG 2925/QĐ-UBND ngày 18/11/2025	10.465	7.150	2.000	7.100	3.000		3.000			UBND xã Đa Phúc	
II.2	Lĩnh vực giao thông	3			180.396	61.638	40.000	61.638	75.000		75.000				
1	Xây dựng tuyến đường trục chính xã Tân Hưng	1	2023-2026	61/NQ-HĐND ngày 25/4/2023 2814/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	74.162	200		200	35.000		35.000			UBND xã Đa Phúc	
2	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã 3 thôn Bắc Vọng xã Bắc Phú đi thôn Tăng Long xã Việt Long	1	2023-2025	8450/QĐ-UBND ngày 04/12/2023; QĐ 2947/QĐ-UBND ngày 22/11/2025	59.817	40.500	20.000	40.500	18.000		18.000			UBND xã Đa Phúc	
3	Xây dựng tuyến đường trục chính xã Xuân Giang	1	2023-2026	5369/QĐ-UBND ngày 08/7/2024;	46.417	20.938	20.000	20.938	22.000		22.000			UBND xã Đa Phúc	
II.3	Lĩnh vực khác	2			127.434	31.122	30.213	30.933	52.000		52.000	1			
1	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại khu Đồng Trĩn (khu phía Bắc) thôn Yên Tăng, xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn	1	2023-2027	2807/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	75.648	339	150	150	35.000		35.000	1		UBND xã Đa Phúc	
2	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại khu Đồng Kếp, thôn Lương Phúc, xã Việt Long, huyện Sóc Sơn	1	2023-2026	QĐ số 1096/QĐ-UBND ngày 07/03/2025; QĐ 2950/QĐ-UBND ngày 22/11/2025	51.786	30.783	30.063	30.783	17.000		17.000			UBND xã Đa Phúc	
II.4	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Nhà văn hóa thôn	1			13.105	9.100	6.000	9.100	2.800		2.800	1			
1	Tu bổ, tôn tạo đình thôn Thượng, xã Đức Hòa	1	2023-2026	3016/QĐ-UBND ngày 04/5/2024; 2903/QĐ-UBND 12/11/2025	13.105	9.100	6.000	9.100	2.800		2.800	1		UBND xã Đa Phúc	
II.5	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực di tích	4			93.298	54.083	48.612	54.083	27.500		27.500	4			
1	Tu bổ, tôn tạo đình, chùa Tiên Tào, xã Việt Long	1	2023-2026	3328/QĐ-UBND ngày 09/5/2024	18.470	15.100	10.000	15.100	1.500		1.500	1		UBND xã Đa Phúc	
2	Tu bổ, tôn tạo chùa Xuân Dương, xã Kim Lũ	1	2023-2026	136/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	23.297	11.583	11.512	11.583	8.000		8.000	1		UBND xã Đa Phúc	
3	Tu bổ, tôn tạo đình, đền Xuân Dương, xã Kim Lũ	1	2024-2027	8717/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	34.186	18.200	18.100	18.200	12.000		12.000	1		UBND xã Đa Phúc	
4	Tu bổ, tôn tạo Đình Yên Phú, xã Xuân Thu	1	2024-2026	6707/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	16.845	9.200	9.000	9.200	6.000		6.000	1		UBND xã Đa Phúc	
II.6	Lĩnh vực đê điều	2			40.551	36.400	31.000	36.200	3.139		3.139				
46	Củng cố mặt tuyến đê bao Đồng Hào xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn	1	2024-2026	8633/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	8.400	6.600	6.500	6.500	788		788			UBND xã Đa Phúc	
47	Xử lý, khắc phục tình trạng sạt lở mái, thân đê, bãi sông đê bồi thôn Xuân Tào, xã Xuân Giang	1	2024-2026	6998/QĐ-UBND ngày 24/9/2024	32.151	29.800	24.500	29.700	2.351		2.351			UBND xã Đa Phúc	
II.7	Lĩnh vực thủy lợi	2			86.437	1.000	1.000	1.000	34.000		34.000	1			
1	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm chợ Điện, thôn Ngô Đạo, xã Tân Hưng	1	2025-2027	2797/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	14.532	200	200	200	13.000		13.000	1		UBND xã Đa Phúc	
2	Cải tạo, nâng cấp đâm Mỏ và hệ thống kênh tiêu xã Xuân Thu	1	2024-2027	2798/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	71.905	800	800	800	21.000		21.000			UBND xã Đa Phúc	
III	DỰ ÁN NGÂN SÁCH THANH PHỐ HỖ TRỢ XÃ (DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN HỖ TRỢ MỤC TIÊU TRƯỚC SẮP XẾP)	1			9.100	7.477	3.477	7.477	1.623		1.623	1			
III.1	Lĩnh vực thủy lợi	1			9.100	7.477	3.477	7.477	1.623		1.623	1			

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025	Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tưới và đường nội đồng khu vực nuôi dự án Cơm công nghiệp làm nghề Xuân Thu	1	2024-2026	135/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	9.100	7.477	3.477	7.477	1.623		1.623	1		UBND xã Đa Phúc	

Phụ lục số 14.54
KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND xã Nội Bài

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ưu tiên kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trung đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
I	TỔNG SỐ	10			245.935	64.707	53.760	64.707	121.000		121.000	7	1		
A	DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ														
B	DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NSTP HỖ TRỢ MỤC TIÊU	10	-	-	245.935	64.707	53.760	64.707	121.000	-	121.000	7	1		
1	Dự án sử dụng ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu thực hiện trước sắp xếp	1			20.900	12.100	2.000	12.100	6.500	-	6.500	1	1		
-	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực di tích	1			20.900	12.100	2.000	12.100	6.500	-	6.500	1	1		
1	Tu bổ, tôn tạo chùa Phú Xá Đoài, xã Phú Minh	1	2023-2026	6872/QĐ-UBND ngày 12/10/2023; điều chỉnh DA 1052/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	20.900	12.100	2.000	12.100	6.500	-	6.500	1	1	UBND xã Nội Bài	
II	Dự án sử dụng 100% ngân sách huyện trước sắp xếp	8	-	-	209.391	44.907	44.000	44.907	107.000	-	107.000	5	-		
-	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực đê điều	1			36.952	200	200	200	25.000	-	25.000				
1	Xử lý các đoạn sụt lún xung yếu điểm dân cư thuộc địa phận xã Thanh Xuân	1	2025-2027	37/NQ-HĐND ngày 19/12/2024; QĐ 873/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	36.952	200	200	200	25.000	-	25.000			UBND xã Nội Bài	
-	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	1			52.420	355	200	355	25.200	-	25.200				
1	Xây dựng HTKT phát triển khu dân cư nông thôn tại khu Đồng Vương, thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân	1	2022-2026	1257/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 30/NQ-HĐND ngày 12/5/2022; 65/NQ-HĐND ngày 04/7/2023	52.420	355	200	355	25.200	-	25.200			UBND xã Nội Bài	
-	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1			14.997	100	100	100	12.000	-	12.000	1			
1	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Phú Minh	1	2025-2027	03/NQ-HĐND ngày 31/5/2024; 872/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	14.997	100	100	100	12.000	-	12.000	1		UBND xã Nội Bài	
-	Lĩnh vực khác	1			11.281	5.435	5.250	5.435	4.500	-	4.500	1			
1	Chính trang các khu đất xen kẹt để đầu giá QSD đất tại xã Hiền Ninh	1	2024-2026	4936/QĐ-UBND ngày 24/6/2025; 1084/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	11.281	5.435	5.250	5.435	4.500	-	4.500	1		UBND xã Nội Bài	
-	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực di tích	4			92.741	38.817	38.310	38.817	40.300	-	40.300	3			
1	Tu bổ, tôn tạo chùa Thanh Nhân, xã Thanh Xuân	1	2024-2026	8683/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	23.196	13.157	13.000	13.157	8.000	-	8.000	1		UBND xã Nội Bài	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước tũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Tu bổ, tôn tạo đình Hiền Lương, xã Hiền Ninh	1	2023-2026	7605/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	25.001	10.700	10.550	10.700	12.000	-	12.000	1		UBND xã Nội Bài	
3	Tu bổ, tôn tạo đền Thanh Nhân, xã Thanh Xuân	1	2024-2027	7800/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	25.573	14.860	14.660	14.860	8.000	-	8.000	1		UBND xã Nội Bài	
4	Tu bổ, tôn tạo chùa Thụy Hương, xã Phú Cường	1	2025-2027	27/NQ-HĐND ngày 30/9/2024; 857/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	18.971	100	100	100	12.300	-	12.300			UBND xã Nội Bài	
III	Dự án cấp xã sử dụng ngân sách cấp huyện hỗ trợ mục tiêu trước sáp nhập	1			16.644	7.700	7.700	7.700	7.500	-	7.500	1			
-	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể (bao gồm trụ sở)	1			16.644	7.700	7.700	7.700	7.500	-	7.500	1			
1	Cải tạo, nâng cấp điểm phục vụ hành chính công, hội trường UBND xã Nội Bài	1	2022-2026	451/QĐ-UBND ngày 11/11/2024; 855/QĐ-UBND ngày 31/10/2025; 1105/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	16.644	7.700	7.700	7.700	7.500	-	7.500	1		UBND xã Nội Bài	

Phụ lục số 14.55

KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND xã Trung Giã

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lầy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kết dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP bổ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
*	TỔNG CỘNG	17			4.467.128	1.856.373	657.441	3.000.769	511.500	315.000	196.500	9	1		
A	DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ	4			3.818.631	1.464.980	293.350	2.609.496	315.000	315.000		1			
I	ĐÀ ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ DO CẤP HUYỆN THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	3			3.628.443	1.301.900	201.950	2.446.496	298.000	298.000					
I.1	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	1			79.577	150	150	150	40.000	40.000					
1	Xây dựng tuyến đường Tỉnh lộ 35 (Đoạn từ Quốc lộ 3 đến vị trí giao với điểm đầu dự án Cải tạo, xây dựng đường nối Quốc lộ 3 - Hồng Kỳ - Đò Tân)	1	2025-2027	1236/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	79.577	150	150	150	40.000	40.000				UBND xã Trung Giã	
I.2	Lĩnh vực khác - Lĩnh vực HTKT tái định cư	1			3.470.000	1.300.000	200.000	2.444.596	200.000	200.000					
1	Dự án di dân vùng ảnh hưởng môi trường (bán kính 500m từ Khu XLCT Sóc Sơn) kết hợp trồng cây xanh	1	2021-2026	2354/QĐ-UBND ngày 21/4/2023; 6315/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	3.470.000	1.300.000	200.000	2.444.596	200.000	200.000				UBND xã Trung Giã	
I.3	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực di tích	1			70.866	1.750	900	1.750	58.000	58.000					
1	Tu bổ, tôn tạo di tích cách mạng kháng chiến Trung Giã, xã Trung Giã	1	2024-2027	2136/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	70.866	1.750	900	1.750	58.000	58.000				UBND xã Trung Giã	
II	DỰ ÁN SỬ DỤNG NSTP MỤC TIÊU THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	1			198.188	163.000	92.300	163.000	17.000	17.000		1			
II.1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1			198.188	163.000	92.300	163.000	17.000	17.000		1			
1	Xây dựng trường THPT Trung Giã	1	2023-2026	6392/QĐ-UBND ngày 15/8/2024	198.188	163.000	92.300	163.000	17.000	17.000		1		UBND xã Trung Giã	
B	DỰ ÁN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ HỖ TRỢ	13			648.497	391.473	364.091	391.273	196.500		196.500	8	1		
I	DỰ ÁN SỬ DỤNG NSTP MỤC TIÊU THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	2			84.352	53.900	38.550	53.900	22.000		22.000	1	1		
I.1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	2			84.352	53.900	38.550	53.900	22.000		22.000	1	1		
1	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Bắc Sơn	1	2022-2026	3190/QĐ-UBND ngày 31/5/23	41.219	33.900	18.700	33.900	2.000		2.000		1	UBND xã Trung Giã	
2	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Hồng Kỳ	1	2024-2026	7797/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	43.133	20.000	19.850	20.000	20.000		20.000	1		UBND xã Trung Giã	
II	DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP	11			564.145	337.573	325.541	337.373	174.500		174.500	7			
II.1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	2			46.323	450	250	250	39.000		39.000	2			

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Bắc Sơn C	1	2025-2027	1516/QĐ-UBND ngày 13/10/2025	19.227	250	50	50	15.000		15.000	1		UBND xã Trung Giã	
2	Nâng cấp, mở rộng trường mầm non Bắc Sơn B	1	2025-2026	01/NQ-HĐND ngày 09/4/2024; 1519/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	27.096	200	200	200	24.000		24.000	1		UBND xã Trung Giã	
II.2	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	4			370.730	255.091	243.991	255.091	90.000		90.000	3			
1	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Hồng Kỳ (giai đoạn 4)	1	2022-2026	6399/QĐ-UBND ngày 16/8/2024; 6883/QĐ-UBND ngày 19/9/2024	65.900	62.550	52.300	62.550	2.000		2.000	1		UBND xã Trung Giã	
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Nam Sơn (giai đoạn 4)	1	2022-2026	6506/QĐ-UBND ngày 04/8/2022; 9312/QĐ-UBND ngày 31/12/2024; 3430/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	104.814	76.961	76.711	76.961	23.000		23.000	1		UBND xã Trung Giã	
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Bắc Sơn (giai đoạn 4)	1	2022-2026	3171/QĐ-UBND ngày 30/5/2023; 3429/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	186.501	112.280	111.980	112.280	55.000		55.000	1		UBND xã Trung Giã	
4	Xây dựng tuyến đường từ thôn Phong Mỹ đến trạm y tế xã Trung Giã	1	2024-2026	1780/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	14.415	3.300	3.000	3.300	10.000		10.000			UBND xã Trung Giã	
II.3	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực đất đai	1			24.796	3.500	3.500	3.500	6.500		6.500				
1	Xử lý các đoạn sạt lở xung yếu điểm dân cư thuộc địa phận xã Bắc Sơn	1	2025-2027	37/NQ-HĐND ngày 19/12/2024; 1525/QĐ-UBND ngày 15/10/2025	24.796	3.500	3.500	3.500	6.500		6.500			UBND xã Trung Giã	
II.4	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực thủy lợi	1			45.801	35.200	35.000	35.200	10.000		10.000				
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới trên địa bàn xã Bắc Sơn	1	2023-2026	3192/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	45.801	35.200	35.000	35.200	10.000		10.000			UBND xã Trung Giã	
II.5	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực di tích	1			8.383	4.932	4.800	4.932	2.000		2.000	1			
1	Tu bổ, tôn tạo Đình Đò Tân	1	2023-2026	6261/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	8.383	4.932	4.800	4.932	2.000		2.000	1		UBND xã Trung Giã	
II.6	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	1			57.112	35.200	35.000	35.200	20.000		20.000				
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống rãnh thoát nước và đường giao thông trên địa bàn xã Bắc Sơn	1	2023-2026	3171/QĐ-UBND ngày 30/5/2023; 3429/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	57.112	35.200	35.000	35.200	20.000		20.000			UBND xã Trung Giã	
II.7	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	1			11.000	3.200	3.000	3.200	7.000		7.000	1			
1	Xây mới trạm y tế xã Trung Giã	1	2024-2026	2099/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	11.000	3.200	3.000	3.200	7.000		7.000	1		UBND xã Trung Giã	

11/11/2014

11/11/2014

11/11/2014



Phụ lục số 14.56

KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND xã Kim Anh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
TỔNG CỘNG (A+B)		7	-	-	231.214	186.831	94.500	106.080	72.300	-	72.300	7			
A DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ															
B DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NSTP HỖ TRỢ															
I DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP		7	-	-	231.214	186.831	94.500	106.080	72.300	-	72.300	7			
1	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn	1	2022-2026	8810/QĐ-UBND ngày 09/11/2022; 1717/QĐ-UBND ngày 19/11/2023	36.000	15.250	4.000	15.250	14.000	-	14.000	1		UBND xã Kim Anh	
2	Cải tạo, mở rộng trường tiểu học Tân Dân B	1	2023-2026	2105/QĐ-UBND ngày 10/4/2025; số 3479/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	24.929	16.200	16.000	16.200	7.000	-	7.000	1		UBND xã Kim Anh	
3	Tu bổ, tôn tạo đình Xuân Ấp, xã Tân Dân	1	2024-2026	8701/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	13.931	10.900	10.800	10.900	300	-	300	1		UBND xã Kim Anh	
4	Xây dựng đường nối từ đường Quốc lộ 2 - Minh Trí - Xuân Hòa đi Khu Công nghiệp sạch Sóc Sơn với đường Nội Bài - 35 - Minh Phú	1	2025-2027	1032/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	57.526	20.651	20.500	20.500	13.500	-	13.500	1		UBND xã Kim Anh	
5	Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại thôn Xuân Ấp, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn	1	2023-2026	8645/QĐ-UBND ngày 04/12/2024; 1716/QĐ-UBND ngày 19/11/2025	36529	43600	43000	43000	7500		7500	1		UBND xã Kim Anh	
6	Tu bổ, tôn tạo đình Vụ Bàn, xã Minh Trí	1	2024-2026	1620/QĐ-UBND ngày 04/11/2025	21.032	30		30	15.000	-	15.000	1		UBND xã Kim Anh	
7	Xử lý các đoạn sạt lở xung yếu điểm dân cư thuộc địa phận xã Tân Dân	1	2025-2027	37/NQ-HĐND ngày 19/12/2024; 1718/QĐ-UBND ngày 19/11/2025	21.267	200	200	200	15.000	-	15.000	1		UBND xã Kim Anh	



Phụ lục số 14.57

KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND xã Minh Châu

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trung địa					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG	3			39.770	35.700	35.700	35.700	3.730	-	3.730	3			
	A DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ														
	B CÁC DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ MỤC TIÊU	3			39.770	35.700	35.700	35.700	3.730	-	3.730	3			
	I Dự án sử dụng 100% ngân sách huyện trước sắp xếp	3			39.770	35.700	35.700	35.700	3.730	-	3.730	3			
	I.1 Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	3			39.770	35.700	35.700	35.700	3.730	-	3.730	3			
	I.1.1 Lĩnh vực thủy lợi	2			25.420	23.200	23.200	23.200	2.000	-	2.000	2			
1	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng xã Minh Châu	1	2024-2026	6883/QĐ-UBND ngày 10/12/2024, 129/QĐ-HQL ngày 20/2/2025	10.500	9.200	9.200	9.200	1.100	-	1.100	1		UBND xã Minh Châu	
2	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu trực chính kết hợp đường giao thông nội đồng xã Minh Châu	1	2024-2026	6876/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	14.920	14.000	14.000	14.000	900	-	900	1		UBND xã Minh Châu	
	I.1.2 Lĩnh vực giao thông	1			14.350	12.500	12.500	12.500	1.730	-	1.730	1			
1	Xây dựng hệ thống đường giao thông liên thôn xã Minh Châu	1	2024-2026	6882/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	14.350	12.500	12.500	12.500	1.730	-	1.730	1		UBND xã Minh Châu	

Phụ lục số 14.58

KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND xã Quảng Oai

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó	Ngân sách TP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG	30			1.133.236	536.500	191.000	450.250	357.700	35.000	322.700	12	4		
A	DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ	1			200.000	81.000	15.000	71.000	35.000	35.000					
I	Dự án đầu tư công cấp Thành phố do cấp huyện thực hiện trước sắp xếp	1			200.000	81.000	15.000	71.000	35.000	35.000					
I.1	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	1			200.000	81.000	15.000	71.000	35.000	35.000					
I.1.1	Lĩnh vực thủy lợi	1			200.000	81.000	15.000	71.000	35.000	35.000					
1	Kiên cố hóa hệ thống kênh tưới N12 kết hợp làm đường giao thông huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	1	2024-2026	03/NQ-HĐND 08/4/2022; 1251/QĐ-UBND 06/3/2024	200.000	81.000	15.000	71.000	35.000	35.000				UBND xã Quảng Oai	
B	DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ HỖ TRỢ MỤC TIÊU	29			933.236	455.500	176.000	379.250	322.700		322.700	12	4		
I	Dự án đầu tư xây dựng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thực hiện trước sắp xếp	1			108.820	65.000	10.000	65.000	30.000		30.000	1			
I.1	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	1			108.820	65.000	10.000	65.000	30.000		30.000	1			
I.1.1	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	1			108.820	65.000	10.000	65.000	30.000		30.000	1			
1	Cải tạo cảnh quan hạ tầng kỹ thuật xây dựng hệ thống nước thải khu vực hồ điều hòa đường vào khu di tích lịch sử Quốc gia đình Tây Đằng	1	2022-2026	7764/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 1992/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	108.820	65.000	10.000	65.000	30.000		30.000	1		UBND xã Quảng Oai	
II	Dự án sử dụng NSTP mục tiêu thực hiện trước sắp xếp	1			30.000	11.000	11.000	17.000	4.000		4.000	1			
II.1	Lĩnh vực văn hóa thông tin (đồ lịch)	1			30.000	11.000	11.000	17.000	4.000		4.000	1			
II.1.1	Lĩnh vực di tích	1			30.000	11.000	11.000	17.000	4.000		4.000	1			
1	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Phúc Lâm, Miếu, Văn chỉ thôn Đông Viên (giai đoạn 2)	1	2023-2026	Số 1998/QĐ-UBND ngày 08/5/2024 1991/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	30.000	11.000	11.000	17.000	4.000		4.000	1		UBND xã Quảng Oai	
III	Dự án sử dụng 100% ngân sách huyện trước sắp xếp	26			633.416	229.500	155.000	221.666	278.700		278.700	9	3		
III.1	Lĩnh vực văn hóa thông tin (đồ lịch)	7			166.420	26.700	26.700	26.700	98.700		98.700	1			
III.1.1	Lĩnh vực di tích	7			166.420	26.700	26.700	26.700	98.700		98.700	1			
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thụy Phiêu	1	2025-2027	691/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	35.000	8.000	8.000	8.000	15.000		15.000			UBND xã Quảng Oai	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Thịnh thôn, xã Cam Thượng	1	2025-2027	2361/QĐ-UBND ngày 23/4/2025	45.000	1.300	1.300	1.300	25.000		25.000			UBND xã Quảng Oai	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Tu bổ tôn tạo di tích chùa thôn Bắc	1	2023-2026	6157/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 1994/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	20.000	5.200	5.200	5.200	14.000		14.000			UBND xã Quảng Oai	
2	Tu bổ tôn tạo di tích đền Cao	1	2023-2026	6158/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 1995/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	25.000	6.500	6.500	6.500	16.000		16.000			UBND xã Quảng Oai	
3	Tu bổ tôn tạo di tích Nhà thờ họ Lê, xã Đông Quang	1	2023-2026	5862/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 1996/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	9.300	2.200	2.200	2.200	4.000		4.000			UBND xã Quảng Oai	
4	Tu bổ tôn tạo di tích Nhà thờ họ Trần, xã Đông Quang	1	2023-2026	2541/QĐ-UBND ngày 28/4/2025 1997/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	9.000	2.200	2.200	2.200	5.000		5.000			UBND xã Quảng Oai	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phỏ, thị trấn Tây Đằng	1	2025-2027	828/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	23.120	1.300	1.300	1.300	19.700		19.700	1		UBND xã Quảng Oai	
III.2	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	19			466.996	202.800	128.300	194.966	180.000		180.000	8	3		
III.2.1	Lĩnh vực thủy lợi	3			44.300	35.500	35.500	35.500	6.500		6.500	3			
1	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng xã Chu Minh	1	2024-2026	QĐ số 6854/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	14.900	12.000	12.000	12.000	2.000		2.000	1		UBND xã Quảng Oai	
2	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng xã Tiên Phong	1	2024-2026	6863/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	14.900	12.000	12.000	12.000	2.000		2.000	1		UBND xã Quảng Oai	
3	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng xã Thụy An	1	2025-2026	6784/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	14.500	11.500	11.500	11.500	2.500		2.500	1		UBND xã Quảng Oai	
III.2.2	Lĩnh vực nông nghiệp	1			31.000	9.300	9.300	9.300	20.000		20.000	1			
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng xã Cam Thượng	1	2023-2025	588/QĐ-UBND ngày 18/02/2025	31.000	9.300	9.300	9.300	20.000		20.000	1		UBND xã Quảng Oai	
III.2.3	Lĩnh vực giao thông	8			236.034	59.000	59.000	59.000	112.500		112.500				
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông, kết hợp giao thông nội đồng thị trấn Tây Đằng	1	2025-2027	830/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	35.000	9.300	9.300	9.300	20.000		20.000			UBND xã Quảng Oai	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông thị trấn Tây Đằng từ đường TL412 đi xã Tiên Phong	1	2024-2026	676/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	42.000	10.000	10.000	10.000	18.000		18.000			UBND xã Quảng Oai	
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi nội đồng kết hợp đường giao thông xã Đông Quang	1	2023-2026	3517/QĐ-UBND ngày 17/7/2023; 1993/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	38.000	10.000	10.000	10.000	16.000		16.000			UBND xã Quảng Oai	
4	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông xã Đông Quang	1	2023-2026	3961/QĐ-UBND ngày 03/8/2023; 1978/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	11.198	3.000	3.000	3.000	7.500		7.500			UBND xã Quảng Oai	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lầy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	Nâng cấp, cải tạo đường trục chính thôn Kim Bí, xã Tiên Phong	1	2023-2026	1606/QĐ-UBND ngày 18/4/2023; 1976/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	14.990	4.000	4.000	4.000	8.000		8.000			UBND xã Quảng Oai	
6	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính thôn Bằng Lũng, xã Tiên Phong đi đường Tiên Phong - Thụy An	1	2023-2026	1616/QĐ-UBND ngày 19/4/2023; 1977/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	14.950	4.000	4.000	4.000	8.000		8.000			UBND xã Quảng Oai	
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Tiên Phong - Cam Thượng	1	2024-2026	6212/QĐ-UBND ngày 13/11/2024	49.896	9.400	9.400	9.400	20.000		20.000			UBND xã Quảng Oai	
8	Cải tạo sửa chữa mặt đường và hệ thống tiêu thoát nước giao thông đường trục liên thôn Duyên Lâm - Thụy Phiếu, xã Thụy An	1	2025-2027	831/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	30.000	9.300	9.300	9.300	15.000		15.000			UBND xã Quảng Oai	
III.2.4	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	7			155.662	99.000	24.500	91.166	41.000		41.000	4	3		
1	Cải tạo, nâng cấp đập Giếng Dị, đập Mái Sau xã Thụy An	1	2024 - 2026	QĐ số 6613/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	14.500	11.500	11.500	11.500	2.000		2.000	1		UBND xã Quảng Oai	
2	Cải tạo, chỉnh trang hồ điều hòa Đình Thanh Lũng, xã Tiên Phong	1	2024-2026	1121/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	14.000	4.000	4.000	4.000	5.000		5.000			UBND xã Quảng Oai	
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá QSD đất tại khu Cây Dẻ, thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì.	1	2023-2026	11022/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 1986/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	6.100	4.700		2.932	2.500		2.500		1	UBND xã Quảng Oai	
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá QSD đất ở tại khu Đồng Đình 1, thôn Chu Quyến 1, xã Chu Minh	1	2022-2026	Số 10273/QĐ-UBND ngày 30/11/2022; 6604/QĐ-UBND ngày 02/12/2024; 1975/QĐ-UBND này 30/10/2025	20.385	15.393	2.000	10.848	9.000		9.000		1	UBND xã Quảng Oai	
5	GPMB phục vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất khu đồng Xénh, Vườn Gán, xã Đông Quang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	1	2023-2026	QĐ số 1380/QĐ-UBND ngày 17/4/2023; 1974/QĐ-UBND này 30/10/2025	53.052	38.400		36.879	1.500		1.500	1	1	UBND xã Quảng Oai	
6	GPMB phục vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất khu Gò Sóc, thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	1	2023-2026	1433/QĐ-UBND ngày 10/4/2023; 1973/QĐ-UBND này 30/10/2025	37.625	18.007		18.007	19.000		19.000	1		UBND xã Quảng Oai	
7	Cải tạo, nâng cấp hồ điều hòa thôn Vĩnh Phệ, xã Chu Minh	1	2024-2026	2214/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	10.000	7.000	7.000	7.000	2.000		2.000	1		UBND xã Quảng Oai	
IV	Dự án ngân sách quận hỗ trợ huyện trước sắp xếp	1			161.000	150.000		75.584	10.000		10.000	1	1		
IV.1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1			161.000	150.000		75.584	10.000		10.000	1	1		

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Trường THCS Tân Đà	1	2023-2026	6387/QĐ-UBND ngày 20/10/2023; 1990/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	161.000	150.000		75.584	10.000		10.000	1	1	UBND xã Quảng Oai	

Phụ lục số 14.59
KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)
Đơn vị: UBND xã Vật Lại



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó						
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
TỔNG CỘNG		6			360.332	43.496	32.164	154.690	196.900		196.900				-	
A DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ																
B DỰ ÁN SỬ DỤNG NSTP MỤC TIÊU THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP		6			360.332	43.496	32.164	154.690	196.900		196.900					
I DA sử dụng NSTP hỗ trợ mục tiêu cấp huyện thực hiện trước sắp xếp		1			35.000	26.332	15.000	26.000	7.000		7.000					
I.1 Lĩnh vực di tích		1			35.000	26.332	15.000	26.000	7.000		7.000					
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Và, thôn Yên Bả	1	2024-2026	Số 1033/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 872/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	35.000	26.332	15.000	26.000	7.000		7.000				-	-
II DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NS HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP		5			325.332	17.164	17.164	128.690	99.900		99.900					
II.1 Lĩnh vực các hoạt động kinh tế		2			126.000	10.364	10.364	10.364	70.000		70.000					
II.1.1 Lĩnh vực giao thông		2			126.000	10.364	10.364	10.364	70.000		70.000					
1	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nội đồng và kênh tưới, tiêu các thôn Phong Châu, Phú Xuyên 1, Phú Xuyên 2, Phú Xuyên 3 và Liêu Châu xã Phú Châu	1	2025-2027	586/QĐ-UBND ngày 18/02/2025	30.000	8.800	8.800	8.800	20.000		20.000					UBND xã Vật Lại
2	Nâng cấp, cải tạo hệ thống nền mặt đường, rãnh thoát nước xã Vật Lại	1	2025-2027	9895/QĐ-UBND ngày 15/11/2022; QĐ số 983/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	96.000	1.564	1.564	1.564	50.000		50.000					UBND xã Vật Lại
II.2 Lĩnh vực văn hóa thông tin (đồ lịch) - Lĩnh vực di tích		1			5.000	1.300	1.300	1.300	3.500		3.500					
1	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ Trần Thế Vinh	1	2025-2027	4573/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 868/QĐ-UBND ngày 30/11/2025	5.000	1.300	1.300	1.300	3.500		3.500					UBND xã Vật Lại
II.3 Lĩnh vực khác-ITKT Tái định cư		1			184.332			115.848	24.000		24.000					
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư X5 (xã Phú Sơn) phục vụ dự án đầu tư xây dựng công viên nghĩa trang Yên Kỳ (giai đoạn 1), xã Phú Sơn, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	1	2019-2027	3918/QĐ-UBND ngày 27/6/2017; 3537/QĐ-UBND ngày 08/7/2024; 868/QĐ-UBND 30/10/2025	184.332			115.848	24.000		24.000			1		UBND xã Vật Lại
II.4 Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể (bao gồm trụ sở)		1			10.000	5.500	5.500	1.178	2.400		2.400					
1	Xây dựng dãy nhà làm việc đoàn thể, nhà một cửa, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phòng làm việc UBND xã Đông Thái	1	2024-2026	6864/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 868/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	10.000	5.500	5.500	1.178	2.400		2.400					UBND xã Vật Lại

10

Phụ lục số 14.60
KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)
Đơn vị: UBND xã Cổ Đô



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước tầy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó	Ngân sách TP				
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
+	TỔNG SỐ	14			492.445	202.940	157.800	163.800	188.600		188.600	14			
A	DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ														
B	DỰ ÁN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ HỖ TRỢ	14			492.445	202.940	157.800	163.800	188.600		188.600	14			
I	DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	1			86.000	68.000	33.000	33.000	18.000		18.000	1			
I.1	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	1			86.000	68.000	33.000	33.000	18.000		18.000	1			
	Lĩnh vực thủy lợi	1			86.000	68.000	33.000	33.000	18.000		18.000	1			
I	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng xã Tân Hồng, Vạn Thắng, Phú Đông	1	2023-2026		86.000	68.000	33.000	33.000	18.000		18.000	1		UBND xã Cổ Đô	
II	DỰ ÁN SỬ DỤNG NSTP MỤC TIÊU THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	1			45.000	10.000	4.000	10.000	15.000		15.000	1			
	Lĩnh vực di tích	1			45.000	10.000	4.000	10.000	15.000		15.000	1			
	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Văn Su, Tân Hồng	1	2023-2026		45.000	10.000	4.000	10.000	15.000		15.000	1		UBND xã Cổ Đô	
III	DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP	12			361.445	124.940	120.800	120.800	155.600		155.600	12			
III.1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1			26.000	15.000	15.000	15.000	9.000		9.000	1			
	Trường Tiểu học Phú Đông	1	2023-2026		26.000	15.000	15.000	15.000	9.000		9.000	1		UBND xã Cổ Đô	
III.2	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	11			335.445	109.940	105.800	105.800	146.600		146.600	11			
	Lĩnh vực thủy lợi	5			171.000	47.740	43.600	43.600	86.500		86.500	5			
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng các thôn xã Phú Đông	1	2025-2027		20.000	5.300	5.300	5.300	12.500		12.500	1		UBND xã Cổ Đô	
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi kết hợp đường giao thông nội đồng xã Cổ Đô	1	2023-2027		40.000	10.300	10.300	10.300	15.000		15.000	1		UBND xã Cổ Đô	
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới, tiêu, giao thông thủy lợi nội đồng các thôn Đông Lâu, Đông Phú, Phú Nghĩa xã Phú Đông	1	2025-2027		20.000	5.300	5.300	5.300	12.000		12.000	1		UBND xã Cổ Đô	
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông và hệ thống tiêu thoát nước tuyến đường Phong Văn - Thái Hòa - Phú Đông	1	2023-2027		45.000	12.300	12.300	12.300	32.000		32.000	1		UBND xã Cổ Đô	

12

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước tỷ lệ giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
									Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ					
5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới, tiêu thoát nước khu dân cư trực chính kết hợp đường giao thông xã Phú Hồng (từ xã Phú Châu - Phú Phương - Châu Sơn - Tân Hồng)	1	2025-2027	749/QĐ-UBND ngày 09/10/2025	46.000	14.540	10.400	10.400	15.000		15.000	1		UBND xã Cổ Đô	
Lĩnh vực giao thông		3			114.900	31.200	31.200	31.200	42.100		42.100	3			
1	Cải tạo 02 hồ điều hòa kết hợp mở rộng đường giao thông xã Tân Hồng	1	2023-2026	1118/QĐ-UBND ngày 07/3/2022; 6867/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	22.000	10.000	10.000	10.000	10.500		10.500	1		UBND xã Cổ Đô	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng và kênh tưới tiêu xã Vạn Thắng	1	2025-2027	712/QĐ-UBND ngày 07/10/2025	30.000	8.800	8.800	8.800	12.000		12.000	1		UBND xã Cổ Đô	
3	Nâng cấp mặt đường và hệ thống thoát nước đường giao thông liên xã Cổ Đô - Phú Cường	1	2024-2026	6853/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	62.000	12.400	12.400	12.400	19.600		19.600	1		UBND xã Cổ Đô	
Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước		3			50445	31000	31000	31000	18000		18000	3			
1	Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật cảnh quan môi trường, rãnh thoát hồ điều hòa thôn Đông Lâu, xã Phú Đông	1	2024-2026	6872/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	14.451	10.000	10.000	10.000	4.000		4.000	1		UBND xã Cổ Đô	
2	Cải tạo môi trường, cảnh quan hồ điều hòa khu dân cư xã Phú Phương	1	2023-2026	6200/QĐ-UBND ngày 12/10/2023; 1551/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	21.000	15.000	15.000	15.000	5.500		5.500	1		UBND xã Cổ Đô	
3	Nâng cấp cải tạo hồ thôn Hạc Sơn và thôn Hoắc Châu, xã Châu Sơn	1	2024-2026	2145/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	14.994	6.000	6.000	6.000	8.500		8.500	1		UBND xã Cổ Đô	

11/11/2011
11/11/2011
11/11/2011



Phụ lục 14.61
KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND xã Bất Bạt

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lý kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian hỗ trợ vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG	12			315.373	138.832	108.532	138.832	136.860		136.860	9	1		
	A														
	NGUỒN TẬP TRUNG CẤP THÀNH PHỐ														
	B														
	DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NSTP HỖ TRỢ MỤC TIÊU	12			315.373	138.832	108.532	138.832	136.860		136.860	9	1		
	DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	1			68.000	35.500	13.500	35.500	28.000		28.000	1			
	I.1				68.000	35.500	13.500	35.500	28.000		28.000	1			
	I														
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và hệ thống tiêu thoát nước khu dân cư khu vực hồ Tây Ninh, xã Tổng Bạt	1	2023-2026	7468/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	68.000	35.500	13.500	35.500	28.000		28.000	1		UBND xã Bất Bạt	
	II														
	DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP	11			247.373	103.332	95.032	103.332	108.860		108.860	8	1		
	II.1				164.573	83.732	75.432	83.732	78.860		78.860	8	1		
	I														
1	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường từ đê Hữu Đà đi thôn Tổng Lệnh 1, xã Tổng Bạt	1	2024-2026	QĐ số 6811/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	14.900	13.300	13.300	13.300	1.360		1.360	1		UBND xã Bất Bạt	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Tổng Thái xã Tổng Bạt	1	2024-2026	7102/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	10.288	8.739	8.739	8.739	1.370		1.370	1		UBND xã Bất Bạt	
3	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước các thôn xã Thuận Mỹ	1	2024-2026	6751/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	14.985	13.993	13.993	13.993	890		890	1		UBND xã Bất Bạt	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Sơn Đà - Tổng Bạt	1	2025-2027	2259/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	7.000	6.200	6.200	6.200	700		700	1		UBND xã Bất Bạt	
5	Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan môi trường quần thể hồ Ngọc Nhũ, xã Cẩm Lĩnh	1	2024-2026	1136/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	14.450	12.500	12.500	12.500	1.530		1.530	1		UBND xã Bất Bạt	
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn Xã Sơn Đà	1	2025-2027	Số 278/QĐ-UBND ngày 14/8/2025	25.000	5.300	5.300	5.300	19.170		19.170	1		UBND xã Bất Bạt	
7	Nâng cấp cải tạo hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp đường giao thông nông thôn nội đồng xã Tổng Bạt	1	2025-2027	Số 279/QĐ-UBND ngày 14/8/2025; Số 558/QĐ-UBND ngày 07/10/2025	63.000	10.400	10.400	10.400	52.250		52.250	1		UBND xã Bất Bạt	
8	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng và đảm bảo ATGT các tuyến đường giao thông xã Tổng Bạt	1	2023-2026	3963/QĐ-UBND 03/8/2023; 151/QĐ-UBND 19/6/2025; QĐ 918/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	14.950	13.300	5.000	13.300	1.590		1.590	1	1	UBND xã Bất Bạt	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHIV	Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
II.2	Lĩnh vực Giáo Dục	1			43.800	10.000	10.000	10.000	15.000		15.000				
1	Trường mầm non Thuận Mỹ (Giai đoạn 2)	1	2023-2027	1349/QĐ-UBND ngày 21/3/2022; 9029/QĐ-UBND 30/12/2023 914/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	43.800	10.000	10.000	10.000	15.000		15.000			UBND xã Bất Bạt	
II.3	Lĩnh vực Di tích	2			39.000	9.600	9.600	9.600	15.000		15.000				
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Vô Khuy, xã Cẩm Lĩnh	1	2023-2027	5845/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 915/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	14.000	3.600	3.600	3.600	5.000		5.000			UBND xã Bất Bạt	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đan Thê, xã Sơn Đà	1	2023-2027	2360/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 916/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	25.000	6.000	6.000	6.000	10.000		10.000			UBND xã Bất Bạt	

Phụ lục số 14.62
KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
 (Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND xã Suối Hai

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	TỔNG CỘNG	6	-	-	639.405	141.100	138.100	141.190	169.000	110.000	59.000	4	-		
A	DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ	3	-	-	552.405	118.000	115.000	118.000	110.000	110.000		1	-		
I	ĐÀ ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ DO CẤP HUYỆN THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	3	-	-	552.405	118.000	115.000	118.000	110.000	110.000		1	-		
	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	1			346.285	68.000	65.000	68.000	50.000	50.000		1	-		
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ tỉnh lộ 414 đi vườn quốc gia Ba Vì, huyện Ba Vì	1	2024-2027	23/NQ-HĐND 23/9/2021; QĐ số 2645/QĐ-UBND ngày 21/5/2024; 1224/QĐ-UBND 19/11/2025	346.285	68.000	65.000	68.000	50.000	50.000		1		UBND xã Suối Hai	
	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	2			206.120	50.000	50.000	50.000	60.000	60.000					
1	Xây dựng mở rộng Trường THPT Ba Vì	1	2022-2027	9904/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 2474/QĐ-UBND ngày 25/04/2025	25.000	6.000	6.000	6.000	30.000	30.000				UBND xã Suối Hai	
2	Xây dựng, cải tạo trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Ba Vì	1	2024-2027	985/QĐ-UBND ngày 07/3/2025	181.120	44.000	44.000	44.000	30.000	30.000				UBND xã Suối Hai	
B	DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NSRF HỖ TRỢ MỤC TIÊU	3			87.000	23.100	23.100	23.100	59.000		59.000	3			
I	DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN ĐỒNG BÀO DÂN TỘC MIỀN NÚI THỰC HIỆN SẮP XẾP	1			25.000	6.000	6.000	6.000	17.000		17.000	1	-		
	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	1			25.000	6.000	6.000	6.000	17.000		17.000	1	-		
1	Đường TL414 đi trường THCS và trạm y tế xã Tân Lĩnh	1	2024-2026	396/QĐ-UBND ngày 17/9/2025	25.000	6.000	6.000	6.000	17.000		17.000	1		UBND xã Suối Hai	
II	DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP	2			62.000	17.100	17.100	17.100	42.000		42.000	2	-		
	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	1			35.000	9.800	9.800	9.800	23.500		23.500	1	-		
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông các thôn xã Tân Lĩnh	1	2025-2027	4677/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	35.000	9.800	9.800	9.800	23.500		23.500	1		UBND xã Suối Hai	
	Lĩnh vực khác	1			27.000	7.300	7.300	7.300	18.500		18.500	1	-		
1	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông xã Ba Trại, huyện Ba Vì.	1	2025-2027	4678/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 1175/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	27.000	7.300	7.300	7.300	18.500		18.500	1		UBND xã Suối Hai	

Phụ lục số 14.63
KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
 (Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)
 Đơn vị: UBND xã Ba Vì

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lỳ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				KHV đề xuất						
									Tổng KHV	Ngân sách TP	Ngân sách TP				
1	TỔNG CỘNG	3			143.083	76.503	28.503	76.503	60.500	36.000	24.500	3			
A	Dự án cấp Thành phố	1			105.083	63.903	15.903	63.903	36.000	36.000		1			
I	Dự án sử dụng ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu thực hiện trước sắp xếp	1			105.083	63.903	15.903	63.903	36.000	36.000		1			
1.1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1			105.083	63.903	15.903	63.903	36.000	36.000		1			
1	Xây dựng, mở rộng Trường THPT Minh Quang	1	2024-2026	7770/QĐ-UBND ngày 24/12/2024	105.083	63.903	15.903	63.903	36.000	36.000		1		UBND xã Ba Vì	
B	DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ MỤC TIÊU	2			38.000	12.600	12.600	12.600	24.500		24.500	2			
I	Dự án sử dụng 100% ngân sách huyện trước sắp xếp	2			38.000	12.600	12.600	12.600	24.500		24.500	2			
1.1	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	2			38.000	12.600	12.600	12.600	24.500		24.500	2			
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống rãnh thoát nước và mặt đường các thôn xã Ba Vì	1	2025-2027	4681/QĐ-UBND ngày 28/06/2025	25.500	6.300	6.300	6.300	18.500		18.500	1		UBND xã Ba Vì	
2	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông xã Minh Quang, huyện Ba Vì.	1	2025-2027	2280/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	12.500	6.300	6.300	6.300	6.000		6.000	1		UBND xã Ba Vì	

Phụ lục số 14.64

KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND xã Yên Bài

Đơn vị tính:

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lỳ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026		Công trình hoàn thành	Các DA xin gia hạn thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP					Ngân sách TP hỗ trợ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	6			206.000	63.600	63.600	63.600	137.500		137.500	6			
A	DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ														
B	DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NSTP HỖ TRỢ MỨC TIỂU	6			206.000	63.600	63.600	63.600	137.500		137.500	6			
I	Dự án sử dụng 100% NS Huyện trước sắp xếp	6			206.000	63.600	63.600	63.600	137.500		137.500	6			
I.1	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	1			25.000	7.800	7.800	7.800	16.500		16.500	1			
I.1.1	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực thủy lợi	1			25.000	7.800	7.800	7.800	16.500		16.500	1			
1	Cải tạo, nâng cấp các vai, đập xã Yên Bài	1	2025-2027	499/QĐ-UBND ngày 10/02/2025	25.000	7.800	7.800	7.800	16.500		16.500	1		UBND xã Yên Bài	
I.2	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	3			131.000	40.200	40.200	40.200	88.000		88.000	3			
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông, thủy lợi nội đồng xã Yên Bài	1	2025-2027	497/QĐ-UBND ngày 10/02/2025	45.000	13.800	13.800	13.800	30.000		30.000	1		UBND xã Yên Bài	
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông, kết hợp giao thông nội đồng xã Văn Hòa	1	2025-2027	498/QĐ-UBND ngày 10/02/2025	43.000	13.200	13.200	13.200	29.000		29.000	1		UBND xã Yên Bài	
3	Cải tạo, nâng cấp đường trục giao thông thôn Quyết xã Yên Bài	1	2025-2027	1823/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	43.000	13.200	13.200	13.200	29.000		29.000	1		UBND xã Yên Bài	
I.3	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	2			50.000	15.600	15.600	15.600	33.800		33.800	2			
1	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông xã Yên Bài, huyện Ba Vì.	1	2025-2027	2882/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	30.000	9.300	9.300	9.300	20.000		20.000	1		UBND xã Yên Bài	
2	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông xã Văn Hòa, huyện Ba Vì.	1	2025-2027	2883/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	20.000	6.300	6.300	6.300	13.000		13.000	1		UBND xã Yên Bài	

Phụ lục số 14.65

KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND xã Vân Đình

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lầy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG	25			1.363.781	471.950	232.490	471.950	278.715	40.015	238.700	11	1		
	A DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ	2			413.448	307.001	80.001	307.001	40.015	40.015		1			
	I DA sử dụng NSTP hỗ trợ mục tiêu thực hiện trước sắp xếp	2			413.448	307.001	80.001	307.001	40.015	40.015		1			
	I.1 Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1			146.068	101.000	43.800	101.000	20.015	20.015		1			
1	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Ứng Hòa A, huyện Ứng Hòa	1	2023-2026	2624/QĐ-UBND ngày 18/5/2023; 912/QĐ-BQL ngày 03/11/2023; 190/QĐ-UBND ngày 04/8/2025	146.068	101.000	43.800	101.000	20.015	20.015		1		UBND xã Vân Đình	
	I.2 Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	1			267.380	206.001	36.201	206.001	20.000	20.000					
1	Đường trục kinh tế phía Bắc huyện Ứng Hòa	1	Hết năm 2027	827/QĐ-UBND 24/08/2021; 654/28/6/2022; 167-21/3/2023; 644/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	267.380	206.001	36.201	206.001	20.000	20.000				UBND xã Vân Đình	
	B DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ MỤC TIÊU	23			950.333	164.949	152.489	164.949	238.700		238.700	10	1		
	I DA sử dụng NSTP hỗ trợ mục tiêu thực hiện trước sắp xếp	1			27.906	7.839	7.839	7.839	6.000		6.000				
	I.1 Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1			27.906	7.839	7.839	7.839	6.000		6.000				
1	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Sơn Công đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2024-2026	447/QĐ-UBND ngày 23/01/2025	27.906	7.839	7.839	7.839	6.000		6.000			UBND xã Vân Đình	
	II Dự án sử dụng 100% NS Huyện trước sắp xếp	5			313.479	53.960	42.500	53.960	56.000		56.000		1		
	II.1 Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực văn hóa thông tin khác	1			120.311	1.000		1.000	10.000		10.000		1		
1	Xây dựng Khu trung tâm văn hóa - thể thao huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội (Giai đoạn 2)	1	2022-2027	998/QĐ-UBND ngày 07/10/2022; 650/QĐ-UBND ngày 06/11/2025	120.311	1.000		1.000	10.000		10.000		1	UBND xã Vân Đình	
	II.2 Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	4			193.168	52.960	42.500	52.960	46.000		46.000				
1	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu 2 - thôn Từ Dương, xã Cao Thành	1	2024-2026	QĐ 6718- 06/9/2024	26.637	22.960	12.500	22.960	1.000		1.000			UBND xã Vân Đình	
2	Xây dựng HTKT khu 1 - Trung tâm thương mại đất ở mới, thị trấn Vân Đình	1	2025-2027	1165-18/3/2025	53.738	10.000	10.000	10.000	15.000		15.000			UBND xã Vân Đình	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước tầy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó						
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
3	Xây dựng HTKT khu 2 - Trung tâm thương mại đất ở mới, thị trấn Văn Đình	1	2025-2027	1166-18/3/2025	52.800	10.000	10.000	10.000	15.000		15.000				UBND xã Văn Đình	
4	Xây dựng HTKT khu 3 - Trung tâm thương mại đất ở mới, thị trấn Văn Đình	1	2025-2027	1167-18/3/2025	59.993	10.000	10.000	10.000	15.000		15.000				UBND xã Văn Đình	
III	DỰ ÁN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ XÃ (DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN HỖ TRỢ MỤC TIÊU TRƯỚC SẮP XẾP)	17			608.948	103.150	102.150	103.150	176.700		176.700	10				
III.1	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực di tích	3			76.680	1.100	1.100	1.100	13.000		13.000					
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hậu Xá, xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2023-2027	3988/QĐ-UBND ngày 18/6/2024; 652/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	22.895	450	450	450	3.000		3.000				UBND xã Văn Đình	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Dương Khê, xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2023-2027	1718/QĐ-UBND ngày 26/3/2024; 653/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	27.342	500	500	500	5.000		5.000				UBND xã Văn Đình	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đình Hoàng Dương, xã Sơn Công, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2023-2027	Số 681/QĐ-UBND ngày 24/2/2025; 668/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	26.443	150	150	150	5.000		5.000				UBND xã Văn Đình	
III.2	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Nhà văn hóa thôn	2			3.000	1.450	1.450	1.450	1.300		1.300	2				
1	Xây dựng tường rào, công phụ, sân vườn, dịch chuyển đường điện hạ thế và các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa, thể thao phố Quang Trung, thị trấn Văn Đình	1	2024-2026	8512-09/12/2024	1.500	1.000	1.000	1.000	300		300	1			UBND xã Văn Đình	
2	Phụ trợ nhà văn hóa thôn Giang Lăng, xã Đông Tiến, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2024-2026	8719-10/12/2024	1.500	450	450	450	1.000		1.000	1			UBND xã Văn Đình	
III.3	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực thủy lợi	2			8.100	4.200	3.200	4.200	3.500		3.500	2				
1	Sửa chữa, cải tạo hệ thống tiêu thoát nước kết hợp giao thông nội đồng đoạn từ khu Tái định cư Gốm đến Trường THPT Ứng Hoà A thôn Thanh Âm, thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2024-2026	8610-10/12/2024	3.500	2.000	2.000	2.000	1.500		1.500	1			UBND xã Văn Đình	
2	Kênh Màng Soi tưới tiêu, thôn Đoàn Xá, xã Đông Tiến, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2024-2026	7464-30/10/2024	4.600	2.200	1.200	2.200	2.000		2.000	1			UBND xã Văn Đình	
III.4	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	8			511.226	91.200	91.200	91.200	155.100		155.100	4				
1	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Tảo Dương Văn, Phương Tú, Trung Tú từ đường Cầu Thơ - Xuân Quang ra tỉnh lộ 428, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	1	Đền bắt năm 2027	2637/QĐ-UBND ngày 19/5/2023	95.000	27.500	27.500	27.500	20.000		20.000				UBND xã Văn Đình	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lầy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trung đó						
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
2	Đường liên thôn Nghi Lộc - Vinh Hạ, xã Sơn Công, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	1	2024-2026	2519/QĐ-UBND ngày 24/12/2021; Số 6151/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	55.000	15.700	15.700	15.700	20.000		20.000				UBND xã Văn Đình	
3	Cải tạo đường giao thông liên xã nội Liên Bạt - Phương Tú (Từ Trạm bơm Lưu Khê đến Đường Giang)	1	2024-2027	2748-14/05/2024	172.277	40.000	40.000	40.000	57.500		57.500				UBND xã Văn Đình	
4	Đường ra vùng sản xuất lúa chất lượng cao thôn Động Phi (tuyến đồng Giữa - Đồng Trên), xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2024-2026	8543-09/12/2024	4.990	1.200	1.200	1.200	3.200		3.200	1			UBND xã Văn Đình	
5	Nâng cấp cải tạo đường trục chính thôn Văn Ông, xã Tào Dương Văn, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	Đến hết năm 2027	2579-27/12/2021; 8544-09/12/2024	7.059	1.700	1.700	1.700	4.300		4.300	1			UBND xã Văn Đình	
6	Chính trang đô thị, đường giao thông và rãnh thoát nước trên địa bàn thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2025-2027	2948/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	9.000	2.200	2.200	2.200	5.300		5.300	1			UBND xã Văn Đình	
7	Thảm bê tông nhựa, xây rãnh các tuyến đường ngõ, xóm trên địa bàn thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2025-2027	2949/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	7.900	1.900	1.900	1.900	4.800		4.800	1			UBND xã Văn Đình	
8	Đường giao thông kết hợp củng cố kênh l2 - VD9 từ cầu bệnh viện Văn Đình đến cầu Xuân Quang	1	2024-2026	2386/QĐ-UBND ngày 21/8/2024	160.000	1.000	1.000	1.000	40.000		40.000				UBND xã Văn Đình	
III.5	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	1			4.950	2.600	2.600	2.600	1.800		1.800	1				
1	Cải tạo chính trang khuôn viên sơ Đầm Đình thôn Văn Đình, thị trấn Văn Đình huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	1	2024-2026	8518-09/12/2024	4.950	2.600	2.600	2.600	1.800		1.800	1			UBND xã Văn Đình	
III.6	Lĩnh vực khác	1			4.992	2.600	2.600	2.600	2.000		2.000	1				
1	Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng các ngõ xóm Thị trấn Văn Đình, huyện ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2024-2026	8611-10/12/2024	4.992	2.600	2.600	2.600	2.000		2.000	1			UBND xã Văn Đình	

Phụ lục số 14.66

KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND xã Ứng Thiên

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lỳ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó						
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ					
1	TỔNG CỘNG	36				2.482.830	740.853	355.543	716.931	407.390	175.000	232.390	5	7		16
A	DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ	3				1.240.168	335.493	151.683	335.493	175.000	175.000					
1	Dự án đầu tư công cấp Thành phố do cấp huyện thực hiện trước sắp xếp	2				1.120.168	260.493	110.493	260.493	160.000	160.000					
+	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	2				1.120.168	260.493	110.493	260.493	160.000	160.000					
1	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ Cầu Xà Kiêu, xã Quảng Phú Cầu đến đường Cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa	1	2024-2027		3190/QĐ-UBND 21/6/2024; 7816/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	844.985	203.000	90.000	203.000	80.000	80.000				UBND xã Ứng Thiên	
2	Nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 429B (đoạn từ quốc lộ 21B đến đường trục phát triển phía Nam, huyện Ứng Hòa	1	2024-2026		6901/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	275.183	57.493	20.493	57.493	80.000	80.000				UBND xã Ứng Thiên	
11	Dự án sử dụng ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu thực hiện trước sắp xếp	1				120.000	75.000	41.190	75.000	15.000	15.000					
+	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1				120.000	75.000	41.190	75.000	15.000	15.000					
1	Xây dựng trường THPT Trần Đăng Ninh, xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	1	2023-2026		2753/QĐ-UBND ngày 26/5/2023; 1418/QĐ-BQL ngày 02/8/2024; 1435/QĐ-UBND 8/11/2025	120.000	75.000	41.190	75.000	15.000	15.000				UBND xã Ứng Thiên	
B	DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ HỖ TRỢ MỤC TIÊU	33				1.242.662	405.360	203.860	381.438	232.390		232.390	5	7		
1	Dự án sử dụng ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu thực hiện trước sắp xếp	9				390.291	328.596	127.096	304.674	27.340		27.340	4	7		
+	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	1				147.289	128.508	35.708	113.458	6.000		6.000		1		
1	Đường nối từ Tỉnh lộ 429A đến tỉnh lộ 429B, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2021-2026		1050/QĐ-UBND 25/10/2021; 1231/QĐ-UBND 31/10/2022; 2172/QĐ-BQL 05/11/2024; 1437-8/11/2025	147.289	128.508	35.708	113.458	6.000		6.000		1	UBND xã Ứng Thiên	
+	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	2				123.000	89.688	47.663	80.871	13.740		13.740		1		
1	Trường mầm non trung tâm xã Trường Thịnh huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	1	2023-2026		1130/QĐ-BQL 08/12/2023; 1414/QĐ-UBND ngày 06/11/2025	36.000	34.125	12.100	25.308	1.740		1.740		1	UBND xã Ứng Thiên	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước tầy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
2	Xây dựng trường tiểu học Quảng Phú Cầu chuẩn quốc gia – mức độ 2	1	2024-2026	4346/QĐ-UBND ngày 21/6/2024; 2071/QĐ-BQL ngày 25/10/2024	87.000	55.563	35.563	55.563	12.000	12.000				UBND xã Ứng Thiên	
+	Lĩnh vực văn hóa thông tin (dù lịch) - Lĩnh vực di tích	6			120.002	110.400	43.725	110.345	7.600	7.600	4	5			
1	Tu bổ tôn tạo di tích Chùa Bầu Bôi, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hoà, Hà Nội	1	2022-2026	815/QĐ-UBND ngày 22/8/2022; số 1439 ngày 8/11/2025	28.000	25.500	12.825	25.500	1.200	1.200	1	1		UBND xã Ứng Thiên	
2	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Trần Đăng, xã Hòa Sơn, huyện Ứng Hoà, Hà Nội	1	2022-2026	813/QĐ-UBND ngày 22/8/2022; 2119/QĐ-UBND ngày 28/4/2025; số 1434 ngày 8/11/2025	21.289	20.000	7.000	20.000	1.200	1.200	1	1		UBND xã Ứng Thiên	
3	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Bật Ngõ, Đình Chung Hạ thôn Bật, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hoà, Hà Nội	1	2022-2026	626/QĐ-UBND 20/6/2022; 7330/QĐ-UBND ngày 21/10/2024; 1411 ngày 05/11/2025	23.223	21.300	11.300	21.300	1.900	1.900		1		UBND xã Ứng Thiên	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Vũ Nội, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, Hà Nội	1	2023-2026	1144/QĐ-UBND 18/10/2022; 7615/QĐ-UBND ngày 08/11/2024; 1413/QĐ-UBND ngày 06/11/2025	13.084	12.000	5.000	11.945	1.080	1.080	1	1		UBND xã Ứng Thiên	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Lưu Khê, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, Hà Nội	1	2022-2026	625/QĐ-UBND ngày 20/6/2022; 1569/QĐ-UBND ngày 08/4/2025; 1412/QĐ-UBND ngày 05/11/2025	14.522	13.600	3.600	13.600	920	920		1		UBND xã Ứng Thiên	
6	Tu bổ tôn tạo Đền Miếng Hạ, xã Hòa Sơn, huyện Ứng Hoà, Hà Nội	1	2022-2026	1351/QĐ-UBND 24/11/2022; 2186/QĐ-UBND ngày 06/5/2025; số 1438 ngày 8/11/2025	19.884	18.000	4.000	18.000	1.300	1.300	1	1		UBND xã Ứng Thiên	
II	Dự án cấp xã sử dụng ngân sách cấp huyện hỗ trợ mục tiêu trước sắp xếp	2			9.948	4.869	4.869	4.869	5.050	5.050					
+	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	2			9.948	4.869	4.869	4.869	5.050	5.050					
1	Xây dựng, cải tạo đường giao thông nông thôn thôn Đông Vũ, xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hoà, TP Hà Nội	1	2025-2026	8573-09/12/2024	4.998	2.369	2.369	2.369	2.600	2.600				UBND xã Ứng Thiên	
2	Nâng cấp cải tạo đường ngõ xóm thôn Học Đông, Đông Vũ, xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hoà, TP Hà Nội	1	2025-2026	8517-9/12/2024	4.950	2.500	2.500	2.500	2.450	2.450				UBND xã Ứng Thiên	
III	Dự án sử dụng 100% ngân sách huyện trước sắp xếp	22			842.423	71.895	71.895	71.895	200.000	200.000	1				
+	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1			32.206	700	700	700	13.000	13.000					

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lầy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	Trường mầm non trung tâm xã Viên An đạt chuẩn mức độ 2, Huyện Ứng Hòa	1	2023-2026	3273/QĐ-UBND ngày 30/5/2024; 1524/QĐ-UBND 17/11/2025	32.206	700	700	700	13.000		13.000			UBND xã Ứng Hòa	
+	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	14			650.968	68.445	68.445	68.445	141.000		141.000	1			
1	Cải tạo đường trục thôn Xá Cầu, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2025-2027	2027/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	14.900	4.500	4.500	4.500	9.500		9.500	1		UBND xã Ứng Hòa	
2	Đường giao thông vành đai làng nghề Tuyến cầu Chì đến cầu Thờ kết nối Quốc lộ 21B, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	1	2023-2026	3878/QĐ-UBND ngày 13/06/2024	75.000	24.463	24.463	24.463	20.000		20.000			UBND xã Ứng Hòa	
3	Đường giao thông kết hợp kênh mương xã Quảng Phú Cầu từ Quốc lộ 21B đi xã Hồng Dương huyện Thanh Oai thành phố Hà Nội	1	2023-2026	2521/QĐ-UBND ngày 15/05/2023; 1285/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	76.000	24.482	24.482	24.482	20.000		20.000			UBND xã Ứng Hòa	
4	Đường liên xã Viên Nội đi Hoa Sơn, (Đoạn từ cây Sành Viên Nội đi đường Cà Miêng Thượng xã Hoa Sơn) huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2023-2026	3100/QĐ-UBND ngày 23/5/2024	27.700	200	200	200	7.000		7.000			UBND xã Ứng Hòa	
5	Đường liên thôn xã Viên Nội, từ đường 429B đi đường Bàn Đông thôn Tiên đến đường mương Cống Sen thôn Thượng xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	1	2023-2026	3384/QĐ-UBND ngày 6/6/2024	33.600	200	200	200	8.000		8.000			UBND xã Ứng Hòa	
6	Đường giao thông nông thôn thôn Thượng, xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2024-2026	8596/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	4.950	1.100	1.100	1.100	3.000		3.000			UBND xã Ứng Hòa	
7	Đường giao thông nông thôn thôn Tiên, xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2024-2026	8577/QĐ-UBND ngày 9/12/2024	4.750	1.100	1.100	1.100	3.000		3.000			UBND xã Ứng Hòa	
8	Đường giao thông liên xã từ Bật Chứa xã Liên Bạt đi Hoa Đường xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2023-2026	3274/QĐ-UBND ngày 30/5/2024	16.836	300	300	300	4.500		4.500			UBND xã Ứng Hòa	
9	Đường liên xã Liên Bạt - xã Phú Túc (huyện Phú Xuyên) huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2023-2026	3926/QĐ-UBND ngày 11/7/2023; 1514/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	64.277	300	300	300	18.000		18.000			UBND xã Ứng Hòa	
10	Cải tạo, nâng cấp hệ thống rãnh thoát nước thải sinh hoạt, kết hợp đường giao thông các thôn Vả Ngoại, Vả Nội, Lưu Khê và Lương Xá xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2023-2026	6476/QĐ-UBND ngày 22/8/2024; 1510/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	90.000	300	300	300	10.000		10.000			UBND xã Ứng Hòa	
11	Đường liên xã Trường Thịnh - Hoa Sơn - Cao Thành huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	1	2023-2026	280/QĐ-UBND ngày 18/01/2024	65.970	300	300	300	10.000		10.000			UBND xã Ứng Hòa	
12	Đường trục chính giao thông nội đồng kết hợp cứng hóa kênh mương tuyến trục liên xã mường Nam Hà xã Trường Thịnh đi Quảng Phú Cầu	1	2022-2026	1333/QĐ-UBND ngày 21/11/2022; 7796-15/11/2024	38.610	10.500	10.500	10.500	8.000		8.000			UBND xã Ứng Hòa	
13	Đường giao thông nội đồng kết hợp cứng hóa kênh mương tuyến trục liên xã Mao Mối Hoa Sơn đi Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2022-2026	711/QĐ-UBND ngày 19/7/2022; 7906-19/11/2024; 1517/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	48.875	300	300	300	10.000		10.000			UBND xã Ứng Hòa	
14	Đường giao thông kết hợp kênh tưới tiêu từ TL429C đi Phú Túc, Phú Xuyên và từ Liên Bạt đi Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2022-2026	695/QĐ-UBND ngày 11/7/2022; 1518/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	89.500	400	400	400	10.000		10.000			UBND xã Ứng Hòa	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước tầy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
+	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực di tích	7			159.249	2.750	2.750	2.750	46.000		46.000				
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền mẫu phù yên, xã Viên An, huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	1	2024-2026	3788-11/6/2024	21.197	300	300	300	5.000		5.000			UBND xã Ứng Thiên	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đình thôn Trung, xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	1	2023-2026	4986-9/7/2024; 1506/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	23.432	450	450	450	8.000		8.000			UBND xã Ứng Thiên	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa thôn Trung, xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	1	2024-2026	4986/QĐ-UBND ngày 09/7/2024	20.738	400	400	400	7.000		7.000			UBND xã Ứng Thiên	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình thôn Tiểu, xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	1	2023-2026	3989/QĐ-UBND ngày 18/6/2024; 1507/QĐ-UBND 17/11/2025	27.709	500	500	500	10.000		10.000			UBND xã Ứng Thiên	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Hợp Đồng, xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	1	2024-2026	663-21/2/2025	17.200	300	300	300	4.000		4.000			UBND xã Ứng Thiên	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Bật Chứa, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	1	2024-2026	664/QĐ-UBND ngày 21/2/2025	26.813	500	500	500	7.000		7.000			UBND xã Ứng Thiên	
9	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa thôn Thượng, xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2024-2026	496-24/1/2025	22.160	300	300	300	5.000		5.000			UBND xã Ứng Thiên	

Phụ lục số 14.67

KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND xã Hòa Xá

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng	31			1.902.765	599.792	182.222	599.557	433.500	130.000	303.500	11	5		
A	Dự án cấp Thành phố	2			941.349	489.658	114.288	489.558	130.000	130.000		2	2		
I	ĐA đầu tư cấp Thành phố do cấp Huyện thực hiện trước sắp xếp	2			941.349	489.658	114.288	489.558	130.000	130.000		2	2		
I.1	Lĩnh vực giao thông	2			941.349	489.658	114.288	489.558	130.000	130.000		2	2		
1	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Văn Đình đến đường tỉnh lộ 424 (76 cũ), địa phận huyện Ứng Hòa	1	2021-2026	2718/QĐ-UBND ngày 24/6/2021; QĐ điều chỉnh 5240/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	651.987	365.270	50.000	365.270	30.000	30.000		1	1	UBND xã Hòa Xá	
2	Dự án thành phần 1.1 Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện GPMB trên địa bàn huyện Ứng Hòa thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bãi Đình huyện Ứng Hòa	1	2023-2026	2963-07/6/2024	289.362	124.388	64.288	124.288	100.000	100.000		1	1	UBND xã Hòa Xá	
B	DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ HỖ TRỢ MỤC TIÊU	29			961.416	110.134	67.934	109.999	303.500		303.500	9	3		
I	ĐA sử dụng NSTP hỗ trợ mục tiêu cấp Huyện thực hiện trước sắp xếp	4			168.500	85.234	45.234	85.099	42.000		42.000	3	3		
*	Lĩnh vực Giáo dục	3			142.500	68.234	36.234	68.099	40.000		40.000	3	2		
1	Xây dựng mới Trường mầm non thôn Thái Bình, xã Văn Thái, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2021-2026	08/NQ-HĐND ngày 28/6/2024 3559/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	55.000	32.400	8.400	32.265	10.000		10.000	1	1	UBND xã Hòa Xá	
2	Xây dựng trường tiểu học Vạn Thái đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội	1	2023-2026	4969/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 2089/QĐ-BQL 26/4/2024; Số 798/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	33.500	16.674	8.674	16.674	10.000		10.000	1	1	UBND xã Hòa Xá	
3	Nâng cấp, cải tạo trường THCS xã Hòa Nam	1	2024-2026	7104/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	54.000	19.160	19.160	19.160	20.000		20.000	1		UBND xã Hòa Xá	
*	Lĩnh vực di tích	1			26.000	17.000	9.000	17.000	2.000		2.000		1		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đặng Giang, xã Hoà Phú, huyện Ứng Hoà, Hà Nội	1	2023-2026	7945/QĐ-UBND 08/12/2023; 823/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	26.000	17.000	9.000	17.000	2.000		2.000		1	UBND xã Hòa Xá	
II	Dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu cấp Xã	3			13.650	5.250	3.050	5.250	6.500		6.500	2			
*	Lĩnh vực nhà văn hóa	1			4.950	2.900	700	2.900	1.500		1.500	1			

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lý kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	Nhà Văn hóa thôn Triệu Khúc, xã Đội Bình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2024-2026	6129-07/8/2024	4.950	2.900	700	2.900	1.500		1.500	1		UBND xã Hòa Xá	
*	Lĩnh vực môi trường	2			8.700	2.350	2.350	2.350	5.000		5.000	1			
1	Cải tạo ao thôn Du Xá, xã Hòa Nam	1	2024-2026	8526-9/12/2024	3.800	1.150	1.150	1.150	2.000		2.000	1		UBND xã Hòa Xá	
2	Cải tạo ao Thượng Dải, xóm Chung, xóm Giếng, xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2024-2026	8585-09/12/2024	4.900	1.200	1.200	1.200	3.000		3.000			UBND xã Hòa Xá	
III	DỰ ÁN 100% NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP	22			779.266	19.650	19.650	19.650	255.000		255.000	4			
*	Lĩnh vực giao thông	12			408.802	13.200	13.200	13.200	173.000		173.000	4			
1	Đường giao thông kết hợp kênh tiêu liên xã Đội Bình, xã Lưu Hoàng huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội	1	2023-2026	8061/QĐ- UBND ngày 15/12/2023	17.732	500	500	500	4.500		4.500			UBND xã Hòa Xá	
2	Đường giao thông kết hợp kênh mương thoát nước từ Hà Phú đến đường Cầu Thụ Xuân Quang, xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2023-2027	3658/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	21.000	400	400	400	9.000		9.000			UBND xã Hòa Xá	
3	Đường giao thông kết hợp kiên cố hóa trục chính mương tiêu úng và ngăn lũ thôn Hữu Vinh, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2023-2026	4619/QĐ-UBND ngày 17/8/2023	14.960	4.000	4.000	4.000	3.000		3.000	1		UBND xã Hòa Xá	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Hòa Xá đi Hòa Nam từ UBND xã Hòa Xá đến Cầu Tế Tiêu, huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội	1	2023-2027	4369/QĐ-UBND ngày 10/8/2023; 796/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	32.000	700	700	700	10.000		10.000			UBND xã Hòa Xá	
5	Hạ tầng chiếu sáng công cộng tại các xã Đại Hùng, Đại Cường, Lưu Hoàng và Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2024-2026	200/QĐ-UBND ngày 07/01/2025	76.603	1.000	1.000	1.000	36.000		36.000			UBND xã Hòa Xá	
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên thôn Khu Bền thôn Phú Lưu Thượng đi Phú Lưu Hạ, xã Phú Lưu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2023-2027	3534/QĐ-UBND ngày 28/6/2023; 802/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	35.168	400	400	400	16.000		16.000			UBND xã Hòa Xá	
7	Đường giao thông liên xã Quán Xá - Hòa Phú đi Trạch Xá - Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa	1	2023-2027	3659/QĐ-UBND 30/6/2023	33.449	500	500	500	15.000		15.000			UBND xã Hòa Xá	
8	Đường kết hợp cứng hóa kênh tiêu liên thôn Kim Châm - Triệu Khê, xã Đội Bình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2024-2026	8590/QĐ-UBND 9/12/2024	4.950	1.300	1.300	1.300	1.500		1.500	1		UBND xã Hòa Xá	
9	Đường từ Cổ Ngựa lên Bài Mộ thôn Xuân Quang, xã Đội Bình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2024-2026	8591/QĐ-UBND 9/12/2024	4.990	1.300	1.300	1.300	1.500		1.500	1		UBND xã Hòa Xá	
10	Đường ngăn lũ từ phân nhiều xuống phân xe thôn Bài Lâm Hạ, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2025-2027	8516/QĐ-UBND 9/12/2024	4.950	1.300	1.300	1.300	1.500		1.500	1		UBND xã Hòa Xá	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
11	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên thôn An Phú - Động Giang - Dư Xá Hạ, xã Hoà Phú, huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội	1	2023-2027	6123/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	63.000	1.000	1.000	1.000	30.000		30.000			UBND xã Hòa Xá	
12	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Vạn Thái - Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2022-2027	2617/QĐ-UBND ngày 17/5/2023; số 775/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	100.000	800	800	800	45.000		45.000			UBND xã Hòa Xá	
*	Lĩnh vực Giáo dục	2			73.980	1.500	1.500	1.500	13.000		13.000				
1	Xây dựng trường trung học cơ sở Phù Lưu đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa	1	2023-2027	1199/QĐ-UBND ngày 14/3/2024; 807/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	59.000	1.200	1.200	1.200	10.000		10.000			UBND xã Hòa Xá	
2	Xây dựng trường THCS Đội Bình đạt chuẩn mức độ 2	1	2023-2026	31/5/2023; 808/QĐ-UBND ngày 10/11	14.980	300	300	300	3.000		3.000			UBND xã Hòa Xá	
*	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực di tích	8			296.484	4.950	4.950	4.950	69.000		69.000				
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa An Phú, xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2024-2026	661/QĐ-UBND ngày 21/02/2025	38.138	700	700	700	10.000		10.000			UBND xã Hòa Xá	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Phù Lưu Hạ, xã Phù Lưu, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	1	2023-2027	Số 1028/QĐ-UBND ngày 06/3/2024; 801/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	16.531	300	300	300	4.000		4.000			UBND xã Hòa Xá	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Kim Châm, thôn Kim Châm, xã Đội Bình	1	2023-2027	5990/QĐ-UBND 18/6/2024; 805/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	23.800	400	400	400	5.000		5.000			UBND xã Hòa Xá	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Đức Thánh Cả, thôn Hữu Vĩnh, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2023-2027	3489/QĐ-UBND ngày 10/6/2025; 806/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	66.800	1.000	1.000	1.000	15.000		15.000			UBND xã Hòa Xá	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Thái Bình, xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2024-2026	7458/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	57.522	1.000	1.000	1.000	14.000		14.000			UBND xã Hòa Xá	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phù Lưu Hạ, xã Phù Lưu, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2023-2027	2835/QĐ-UBND ngày 17/5/2024; 800/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	20.021	450	450	450	5.000		5.000			UBND xã Hòa Xá	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích đền, chùa Dư Xá Hạ, xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa	1	2024 - 2026	4823/QĐ-UBND ngày 02/7/2024	40.954	600	600	600	10.000		10.000			UBND xã Hòa Xá	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Động Giang, xã Hoà Phú, huyện Ứng Hoà	1	2024 - 2026	7532/ QĐ-UBND ngày 05/11/2024	32.718	500	500	500	6.000		6.000			UBND xã Hòa Xá	

Phụ lục số 14.68
KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)
Đơn vị: UBND xã Ứng Hòa

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lầy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
*	TỔNG CỘNG	47				3.580.742	998.596	548.135	996.607	558.620	155.500	403.120	4		
A	DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ	5				1.287.569	541.744	267.784	540.756	155.500	155.500		1		
I	ĐA đầu tư công cấp Thành phố do cấp huyện thực hiện trước sắp xếp	4				1.219.569	482.060	224.960	481.072	148.500	148.500				
I.1	Lĩnh vực giao thông	2				960.333	362.360	150.360	362.360	125.000	125.000				
1	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 426 Quận Xá đến Thái Bình, huyện Ứng Hòa	1	2024-2027	3128/QĐ-UBND ngày 07/6/2023	560.275	360.000	150.000	360.000	35.000	35.000				UBND xã Ứng Hòa	
2	Đường Đỗ Xá - Quan Sơn (từ Quốc lộ 21B đến đường trục kinh tế phía Nam) thuộc địa bàn huyện Ứng Hòa	1	2024-2027	3190/QĐ-UBND 21/6/2024	400.058	2.360	360	2.360	90.000	90.000				UBND xã Ứng Hòa	
I.2	Lĩnh vực thủy lợi	1				230.000	106.000	61.000	105.021	13.500	13.500				
1	Cải tạo, nâng cấp, kiến cố hệ thống kênh I2-VĐ7, kênh I2-10-10 kết hợp làm đường giao thông, huyện Ứng Hòa	1	2024-2027	07/NQ-HĐND 10/3/2023; 7974/QĐ-UBND 21/11/2024	230.000	106.000	61.000	105.021	13.500	13.500				UBND xã Ứng Hòa	
I.3	Lĩnh vực HTKT tái định cư	1				29.236	13.700	13.600	13.691	10.000	10.000				
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa phục vụ GPMH dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Ba Sao - Bãi Đình (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn), huyện Ứng Hòa, Mỹ Đức	1	2024-2026	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; 471/QĐ-UBND ngày 23/4/2024; 1676 04/7/2025; 2121/QĐ-UBND 12/11/2025	29.236	13.700	13.600	13.691	10.000	10.000				UBND xã Ứng Hòa	
II	ĐA sử dụng NSTP hỗ trợ mục tiêu thực hiện trước sắp xếp	1				68.000	59.684	42.824	59.684	7.000	7.000		1		
II.1	Các dự án trường THPT	1				68.000	59.684	42.824	59.684	7.000	7.000		1		
1	Xây dựng trường trung học phổ thông Đại Cường đạt chuẩn Quốc gia - mức độ 2, huyện Ứng Hòa	1	2023-2026	4683/QĐ-UBND 22/8/2023; 1229/QĐ-BQL 10/7/2024; 2102-12/11/2025	68.000	59.684	42.824	59.684	7.000	7.000			1	UBND xã Ứng Hòa	
B	DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ HỖ TRỢ MỤC TIÊU	42				2.293.173	456.852	280.351	455.851	403.120		403.120	3		
I	ĐA đầu tư xây dựng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thực hiện trước sắp xếp	2				207.219	154.500	64.500	153.500	23.000		23.000	1		
I.1	Các DA NTM được bố trí vốn trực tiếp	2				207.219	154.500	64.500	153.500	23.000		23.000	1		
I.1.1	Lĩnh vực giao thông	1				146.719	104.500	44.500	104.500	15.000		15.000			
1	Đường giao thông liên xã Đông Lỗ - Kim Đường, kết hợp cứng hóa kênh A2-12 (đoạn từ cầu Mạnh Tân xã Đông Lỗ đến đường Minh Đức - Ngàn), huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	1	2024-2027	1482/QĐ-BQL ngày 08/8/2024 309/QĐ-UBND ngày 25/1/2024	146.719	104.500	44.500	104.500	15.000		15.000			UBND xã Ứng Hòa	
I.1.2	Lĩnh vực thủy lợi	1				60.500	50.000	20.000	49.000	8.000		8.000	1		

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Đường trục thủy sản xã Đông Tân, huyện Ứng Hòa	1	2023-2026	1651/QĐ-BQL ngày 26/8/2024; 2106/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	60.500	50.000	20.000	49.000	8.000		8.000	1	1	UBND xã Ứng Hòa	
II	PL1.4 ĐA sử dụng NSTP hỗ trợ mục tiêu thực hiện trước sắp xếp	2			152.388	93.000	24.500	93.000	32.000		32.000				
II.1	CÁC DỰ ÁN TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS	1			44.000	22.500	22.500	22.500	15.000		15.000				
I	Xây dựng Trường THCS Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.	1	2023-2026	6827/QĐ-UBND ngày 16/9/2024; 2534/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	44.000	22.500	22.500	22.500	15.000		15.000			UBND xã Ứng Hòa	
II.2	CÁC DỰ ÁN LĨNH VỰC HTKT....	1			108.388	70.500	2.000	70.500	17.000		17.000				
I	Đường trục từ kinh tế phía Nam thành phố Hà Nội đi QL 38 tỉnh Hà Nam, huyện Ứng Hòa	1	2021-2026	930/QĐ-UBND 06/11/2020; 863/QĐ-UBND 13/9/2021; 05/QĐ-BQL 04/01/2023	108.388	70.500	2.000	70.500	17.000		17.000		1	UBND xã Ứng Hòa	
III	Dự án sử dụng 100% NS Huyện trước sắp xếp	33			1.851.696	148.632	147.131	148.631	331.720		331.720	1			
*	Lĩnh vực giao thông	14			1.288.332	62.350	62.350	62.350	246.220		246.220	1			
1	Đường giao thông liên xã Đại Cường đi Đại Hùng (kết nối thôn Giang Triều và thôn Du Đông) huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2024-2026	1303-25/3/2025	14.967	10.500	10.500	10.500	3.000		3.000	1		UBND xã Ứng Hòa	
2	Cải tạo đường giao thông liên xã núi Đông Tân Minh Đức (từ công Xuân Tinh đến công Thần)	1	2024-2027	2749/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	155.711	1.000	1.000	1.000	38.928		38.928			UBND xã Ứng Hòa	
3	Đường giao thông liên xã Kim Đường-Trầm Lộng-Đông Tân-Trung Tú (đoạn từ Minh Đức-Ngâm đến đường kênh A2-10)	1	2024-2027	2747/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	321.485	1.750	1.750	1.750	40.000		40.000			UBND xã Ứng Hòa	
4	Nâng cấp, mở rộng đường Minh Đức - Ngâm, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	1	2023-2026	2636/QĐ-UBND ngày 19/5/2023; 2110/QĐ-UBND 12/11/2025	220.000	1.300	1.300	1.300	55.000		55.000			UBND xã Ứng Hòa	
5	Đường giao thông liên xã Đông Lỗ kết nối Kim Đường - Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2023-2026	838/QĐ-UBND ngày 27/02/2023; 2130/QĐ-UBND 12/11/2025	176.368	40.000	40.000	40.000	44.092		44.092			UBND xã Ứng Hòa	
6	Đường giao thông liên xã Trung Tú kết nối Đông Tân - Phương Tú, huyện Ứng Hòa	1	2023-2027	2641/QĐ-UBND ngày 19/5/2023; 2114/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	121.811	1.200	1.200	1.200	10.000		10.000			UBND xã Ứng Hòa	
7	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ thôn Trung Thượng đấu nối với đường Cienco 5 xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	1	2023-2026	2616/QĐ-UBND ngày 17/5/2023; 2134/QĐ-UBND 12/11/2025	47.255	350	350	350	10.000		10.000			UBND xã Ứng Hòa	
8	Đường liên xã Đại Hùng đi Đại Cường, Đội Bình, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	1	2023-2027	805/QĐ-UBND ngày 07/02/2024; 2117/QĐ-UBND 12/11/2025	65.800	450	450	450	10.000		10.000			UBND xã Ứng Hòa	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
9	Đường giao thông liên xã Đông Tân đi Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	1	2023-2027	7898/QĐ-UBND ngày 05/12/2023; 2118/QĐ-UBND 12/11/2025	67.116	450	450	450	10.000		10.000			UBND xã Ứng Hòa	
10	Xây dựng đường giao thông nội đồng Hồng Tây thôn Xuân Đài, xã Trám Lộng, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	1	2024-2026	8487-05/12/2024	4.985	1.500	1.500	1.500	2.000		2.000			UBND xã Ứng Hòa	
11	Củng cố kênh mương kết hợp đường giao thông từ cánh Xạ Diêm đi kênh I2-14 xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	1	2025-2027	8545-09/12/2024	4.990	1.500	1.500	1.500	1.200		1.200			UBND xã Ứng Hòa	
12	Cải tạo, nâng cấp đường trục nội đồng thôn Du Đông, xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	1	2025-2027	8548-09/12/2024	4.965	1.500	1.500	1.500	2.000		2.000			UBND xã Ứng Hòa	
13	Đường nối từ Phương Viên - Kim Bông - I2.14B, xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2023-2027	6947/QĐ-UBND ngày 14/11/2023; 2108/QĐ-UBND 12/11/2025	40.000	400	400	400	10.000		10.000			UBND xã Ứng Hòa	
14	Đường trục nối từ I214A Trám Lộng tới cầu Khánh Vân xã Đông Tân, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2023-2027	2028/QĐ-UBND ngày 12/04/2024; 2101/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	42.879	450	450	450	10.000		10.000			UBND xã Ứng Hòa	
*	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	2			133.928	80.202	78.701	80.201	20.800		20.800				
1	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu Đồng Trươi Dưới, thôn Đồng Đình, xã Đại Cường	1	2024-2026	7953-21/11/2024; 2110/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	46.675	31.701	31.701	31.701	10.000		10.000			UBND xã Ứng Hòa	
2	Xây dựng HTKT khu đất ở mới - khu B, thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm	1	2024-2026	7906-06/12/2023; 2106/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	87.253	48.501	47.001	48.501	10.000		10.000			UBND xã Ứng Hòa	
*	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	2			127.066	1.450	1.450	1.450	20.000		20.000				
1	Xây mới, cải tạo, nâng cấp trường THCS Minh Đức đạt chuẩn quốc gia - Mức độ 2	1	2023-2027	1731/QĐ-UBND 27/3/2024; 2113/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	67.000	450	450	450	10.000		10.000			UBND xã Ứng Hòa	
2	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Đông Tân, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2024-2026	08/QĐ-UBND ngày 05/01/2023; số 2752/QĐ-UBND ngày 26/5/2023; 02/NQ-HĐND ngày 10/4/2024	60.066	1.000	1.000	1.000	10.000		10.000			UBND xã Ứng Hòa	
*	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực di tích	8			185.683	3.050	3.050	3.050	42.000		42.000				
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Kim Bông, xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2023-2027	6647/QĐ-UBND ngày 06/11/2023; 2126/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	21.380	400	400	400	5.000		5.000			UBND xã Ứng Hòa	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Cung Thuê, xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa	1	2024-2026	4330/QĐ-UBND ngày 20/6/2024	21.421	400	400	400	5.000		5.000			UBND xã Ứng Hòa	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đền, miếu Trung Thượng, xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa	1	2024-2026	682/QĐ-UBND ngày 24/2/2025	17.304	350	350	350	4.000		4.000			UBND xã Ứng Hòa	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lầy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Du Đông xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	1	2024-2026	4493/QĐ-UBND ngày 29/6/2024	23.000	350	350	350	5.000		5.000			UBND xã Ứng Hòa	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Ngũ Luân, xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội.	1	2024-2026	8452-04/12/2024	23.000	350	350	350	5.000		5.000			UBND xã Ứng Hòa	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Mỹ Lâm, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2023-2026	4684-26/6/2025; 2035/QĐ-UBND - 12/11/2025	30.000	400	400	400	7.000		7.000			UBND xã Ứng Hòa	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Dầy, xã Đại Cường, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2023-2026	4911/QĐ-UBND ngày 05/7/2024; 2127/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	25.000	400	400	400	6.000		6.000			UBND xã Ứng Hòa	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Ngũ Luân, xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2024-2026	7531/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	24.576	400	400	400	5.000		5.000			UBND xã Ứng Hòa	
*	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực nông nghiệp	7			116.687	1.580	1.580	1.580	3.500		3.500				
1	Kiến cơ hóa kênh Bá Vi; kênh Máng Lấp; kênh Hóp Dưới thôn Viên Đình; xã Đông Lỗ	1	2023-2026	902-07/9/2022; 3175-12/6/2023; 2116/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	24.057	150	150	150	900		900			UBND xã Ứng Hòa	
2	Củng cố 7 tuyến kênh nội đồng xã Đại Cường (kênh Cánh Mạ, kênh Bò Hồ, kênh Đường Đẻ - cùm Diên, kênh đồng Cùm, kênh đường Đò, kênh đống Gạo, kênh bến Bãi)	1	2024-2026	3080/QĐ-UBND Ngày 22/5/2024	27.108	350	350	350	900		900			UBND xã Ứng Hòa	
3	Kiến cơ hóa 7 tuyến kênh nội đồng xã Đại Hùng (kênh Đồng Dầy, kênh Gốc gạo, kênh đồng ngậy, kênh Đồng Lạc, kênh Xạ điện, kênh đường đường, Kênh Đồng Dờ)	1	2024-2026	3081/QĐ-UBND Ngày 22/5/2024	34.273	380	380	380	900		900			UBND xã Ứng Hòa	
4	Kiến cơ hóa tuyến kênh từ Rạch Khoui đến Đông Tranh xã Đông Tân	1	2023-2026	4711/QĐ-UBND ngày 25/8/2023; 2127/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	8.314	180	180	180	200		200			UBND xã Ứng Hòa	
5	Kiến cơ hóa kênh liên thôn Mỹ Cầu - Từ Xý - Khô Lạc, xã Đông Tân	1	2023-2026	3660/QĐ-UBND ngày 30/6/2023; 7806/QĐ-UBND ngày 15/11/2024; 2107/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	9.200	190	190	190	200		200			UBND xã Ứng Hòa	
6	Kiến cơ hóa tuyến kênh từ Rạch Khoui đến kênh Phồn Trâm, xã Đông Tân	1	2023-2026	4108/QĐ-UBND ngày 27/7/2023; 2101/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	8.745	180	180	180	200		200			UBND xã Ứng Hòa	
7	Củng cố kênh tiêu thoát nước khu dân cư thôn Tu Lễ từ nhà văn hóa đến nhà ông Tuyển Lương, thôn Tu Lễ, xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2024-2026	8563/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	4.990	150	150	150	200		200			UBND xã Ứng Hòa	
IV	ĐA ngân sách quận hỗ trợ ngân sách huyện trước sắp xếp	1			62.000	50.500	35.000	50.500	9.000		9.000	1			
IV.1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1			62.000	50.500	35.000	50.500	9.000		9.000	1			

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lầy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Xây dựng trường mầm non Đại Cường đạt chuẩn quốc gia - mức độ 2	1	2023-2026	4683/QĐ-UBND 22/8/2023; 4896/QĐ-UBND 8/9/2023; 1229/QĐ-BQL 10/7/2024; 2104-12/11/2025	62.000	50.500	35.000	50.500	9.000		9.000	1		UBND xã Ứng Hòa	
V	DỰ ÁN NGÂN SÁCH THANH PHỐ BỔ TRỢ XÃ (DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN HỖ TRỢ MỤC TIÊU TRƯỚC SẮP XẾP)	4			19.870	10.220	9.220	10.220	7.400		7.400				
V.1	Lĩnh vực văn hóa thông tin (đa lịch) - Nhà văn hóa thôn														
V.2	Lĩnh vực giao thông	4			19.870	10.220	9.220	10.220	7.400		7.400				
1	Đường giao thông nội đồng từ chôn Trạch Bãi đi Đội Bình, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2024-2026	8551, 09/12/2024	4.900	3.920	3.920	3.920	400		400			UBND xã Ứng Hòa	
2	Đường giao thông nội đồng từ Đồng Dành đi Đồng Muối, xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	2024-2026	8490, 05/12/2024	4.990	4.100	4.100	4.100	300		300			UBND xã Ứng Hòa	
3	Đường giao thông nội đồng thôn Thanh Hội (Tuyến đường đòng Ao Cỏ), xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2024-2026	5907-29/7/2024	4.990	2.000	1.000	2.000	2.500		2.500			UBND xã Ứng Hòa	
5	Đường nội đồng thôn Quang Tài, Cao Xá, Tỵ Chung (tuyến đường Giang đến kênh B, từ nghĩa trang thôn Tỵ Chung đến trạm bơm Cao Xá, từ thộp đạo đến đường trục, từ bãi rác thôn Tỵ Chung đến đường trục) xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	2024-2026	8559-09/12/2024	4.990	200	200	200	4.200		4.200			UBND xã Ứng Hòa	

Phụ lục số 14.69
KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND Xã Thư Lâm

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
*	TỔNG CỘNG (A+B)	54			8.201.866	2.589.794	1.595.565	2.526.267	1.628.102	448.590	1.179.512	5	4		
A	DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ	5			1.877.060	772.555	298.218	748.537	448.590	448.590			1		
I	ĐÀ ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ DO CẤP HUYỆN THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	4			1.685.951	711.955	238.218	687.937	368.590	368.590			1		
*	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	4			1.685.951	711.955	238.218	687.937	368.590	368.590			1		
**	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực thủy lợi	1			313.000	62.320	53.300	55.320	115.590	115.590					
I	Cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm bơm Mạnh Tân, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	1	2024-2027	4052/QĐ-UBND ngày 30/9/2020	313.000	75.320	53.300	55.320	115.590	115.590				UBND xã Thư Lâm	
**	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	3			1.372.951	649.635	184.918	632.617	253.000	253.000			1		
I	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã tư Nguyễn Khuê nối với đường bệnh viện Đông Anh đi đến Sái tại ngã ba Kim, huyện Đông Anh	1	2018-2026	QĐBCCT 3615/QĐ-UBND ngày 01/7/2025	382.407	203.350	33.350	195.350	48.000	48.000			1	UBND xã Thư Lâm	
2	Xây dựng 02 tuyến đường gom dọc theo Quốc lộ 3 mới (đoạn từ nút giao giữa đường Vành đai 3 với đường Quốc lộ 3 mới) đến hết địa phận huyện Đông Anh	1	2024-2027	QĐPDDA 6426/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	712.444	374.517	80.000	365.506	115.000	115.000				UBND xã Thư Lâm	
3	Xây dựng tuyến đường từ đường gom Quốc Lộ 3 (mới) qua Ủy ban nhân dân xã Văn Hà đến hết địa phận huyện Đông Anh	1	2025-2028	QĐPDDA 3624/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	278.100	71.768	71.568	71.761	90.000	90.000				UBND xã Thư Lâm	
II	DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP	1			191.109	60.600	60.000	60.600	80.000	80.000					
*	Lĩnh vực giáo dục	1			191.109	60.600	60.000	60.600	80.000	80.000					
I	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Liên Hà	1	2024-2027	DA-14381/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	191.109	60.600	60.000	60.600	80.000	80.000				UBND xã Thư Lâm	
B	DỰ ÁN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ HỖ TRỢ	49			6.324.806	1.817.239	1.297.347	1.777.730	1.179.512		1.179.512	5	3		
I	DỰ ÁN SỬ DỤNG NSTP MỤC TIÊU THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	2			116.037	51.500	40.500	51.000	29.392		29.392	1			
	Mầm non, Tiểu học, THCS	1			81.144	21.000	20.500	20.500	25.000		25.000				
I	Xây mới điểm trường mầm non thôn Kinh Nễ	1	2025-2028	7568/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	81.144	21.000	20.500	20.500	25.000		25.000			UBND xã Thư Lâm	
	Di tích	1			34.893	30.500	20.000	30.500	4.392		4.392	1			
I	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Xuân Nộn	1	2024-2026	1687/QĐ-UBND 05/3/2024	34.893	30.500	20.000	30.500	4.392		4.392	1		UBND xã Thư Lâm	
II	DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP	47			6.208.769	1.765.739	1.256.847	1.726.730	1.150.120		1.150.120	4	3		
*	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	6			445.236	181.281	80.372	180.636	137.000		137.000	2	1		

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước tỷ lệ giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận lưu dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó						
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1	Xây dựng trường tiểu học Thị trấn B	1	2024-2027	03/NQ-HĐND; 26/04/2022; DA-3509/QĐ-UBND ngày 19/04/2024; 24/NQ-HĐND ngày 28/6/2024; 8960/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	101.689	53.097	12.000	52.779	28.000		28.000				UBND xã Thụ Lâm	
2	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học thị trấn	1	2023-2026	7353/QĐ-UBND ngày 29/10/2020; 1942/QĐ-UBND 11/3/2024	49.810	38.900	22.000	38.834	5.000		5.000	1	1	UBND xã Thụ Lâm		
3	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Liên Hà A	1	2024-2026	3626/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	37.273	14.100	14.000	14.100	4.000		4.000	1		UBND xã Thụ Lâm		
4	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Liên Hà	1	2025-2028	5637/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	82.894	22.073	21.873	22.073	40.000		40.000			UBND xã Thụ Lâm		
5	Xây dựng Trường THCS Thị trấn 2	1	2024-2027	12512/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	94.619	50.012	8.000	50.009	20.000		20.000			UBND xã Thụ Lâm		
6	Xây dựng trường mầm non Thụ Lâm 2	1	2025-2028	10244/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	78.951	3.100	2.500	2.842	40.000		40.000			UBND xã Thụ Lâm		
**	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	14			1.138.307	336.472	235.647	310.237	336.620		336.620	1				
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Thụ Lâm đến cầu Cỏ Miêu, xã Thụ Lâm theo quy hoạch	1	2024-2026	DA-10090/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	15.501	7.600	7.000	7.468	6.000		6.000			UBND xã Thụ Lâm		
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom chân đê sông Cà Lồ từ Quốc lộ 3 cũ đến thôn Đào Thục, xã Thụ Lâm	1	2024-2027	11742/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	256.700	97.046	20.000	76.236	90.000		90.000			UBND xã Thụ Lâm		
3	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Cỏ Miêu, xã Thụ Lâm, huyện Đông Anh	1	2024-2026	DA-10089/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	28.667	12.409	12.000	12.381	4.000		4.000			UBND xã Thụ Lâm		
4	Đầu tư xây dựng tuyến đường qua phía Nam thôn Kinh Nỗ kết nối đường Uy Nỗ đến đường bệnh viện Đông Anh - Đền Sái theo quy hoạch	1	2024-2026	QĐ số 6234/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	45.656	34.200	22.000	30.536	8.000		8.000			UBND xã Thụ Lâm		
5	Cải tạo nâng cấp cầu Khu 5, xã Thụ Lâm	1	2024-2026	QĐ số 6239/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	14.558	14.260	8.000	14.108	875		875	1		UBND xã Thụ Lâm		
6	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đê sông Cà Lồ đến thôn Kim Tiên, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	2025-2027	13942/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	22.695	17.600	17.000	17.305	4.000		4.000			UBND xã Thụ Lâm		
7	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (NC-2) thôn Xuân Nộn đến thôn Đình Trung xã Xuân Nộn	1	2025-2028	DA-3625/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	183.099	34.900	34.000	34.308	40.000		40.000			UBND xã Thụ Lâm		
8	Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực (NC-4) phía Đông thôn Đào Thục, xã Thụ Lâm	1	2025-2028	DA-3626/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	87.882	16.920	16.500	16.814	19.000		19.000			UBND xã Thụ Lâm		
9	Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực (NC-3) phía Nam thôn Đào Thục, xã Thụ Lâm	1	2024-2027	DA-10184/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	35.709	16.246	16.000	16.218	10.745		10.745			UBND xã Thụ Lâm		
10	Xây dựng tuyến đường từ đê sông Cà Lồ qua thôn Xuân Nộn đến đường LK50 và nhánh kết nối ra đường từ Ngã 3 Lương Quy-Đê sông Cà Lồ	1	2025-2028	DA-3532/QĐ-UBND ngày 20/03/2025	143.385	15.813	15.000	15.175	37.000		37.000			UBND xã Thụ Lâm		

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lý kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chỉ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó						
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
11	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường số 1 thôn Văn Diêm, xã Văn Hà	1	2025-2027	DA-14537/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	54.565	10.520	10.000	10.000	22.000		22.000				UBND xã Thư Lâm	
12	Đầu tư xây dựng tuyến đường bao phía Tây thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn và đoạn nối từ chùa Kim Quy đến Trung tâm miền non nê Xuân Nộn	1	2025-2027	QDPDDA 5059/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	99.362	22.500	22.500	22.864	40.000		40.000				UBND xã Thư Lâm	
13	Đầu tư xây dựng tuyến đường bao phía Bắc thôn Kinh Nỗ, xã Uy Nỗ và nhánh qua phía Tây thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn theo quy hoạch	1	2025-2027	QDPDDA 5058/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	82.117	17.647	17.647	18.036	28.000		28.000				UBND xã Thư Lâm	
14	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ đê sông Cà Lồ đến đường gom Quốc lộ 3 (một) đoạn qua khu di tích Đền Sái, huyện Đông Anh	1	2025-2028	DA-5743/QĐ-UBND ngày 21/04/2025	68.411	18.811	18.000	18.588	21.000		21.000				UBND xã Thư Lâm	
**	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cầu, thoát nước	11			1.679.876	533.178	452.348	532.788	347.500		347.500					
1	Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Lỗ Giao 4, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh	1	2024-2027	QDPDDA 12004/QĐ-UBND ngày 20/11/2024	136.124	41.200	40.000	40.996	25.000		25.000				UBND xã Thư Lâm	
2	Xây dựng hoàn thiện HTKT tại Đồng thôn Hà Lâm 2, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh (đổi tên thành: Xây dựng hoàn thiện HTKT tại điểm C-2.1, xã Xuân Nộn và xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh)	1	2025-2028	QDPDDA 12396/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	250.367	62.300	61.000	62.199	55.000		55.000				UBND xã Thư Lâm	
3	Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Kim Tiên, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	2025-2028	QDPDDA 12938/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	266.964	74.350	73.000	74.272	50.000		50.000				UBND xã Thư Lâm	
4	Xây dựng hoàn thiện HTKT phía Tây và phía Nam thôn Đào Thục, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	1	2025-2028	QDPDDA 3594/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	172.396	51.800	51.500	51.800	45.000		45.000				UBND xã Thư Lâm	
5	Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Cổ Miếu, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	1	2025-2028	QDPDDA số: 3602/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	178.213	53.800	53.500	53.800	55.000		55.000				UBND xã Thư Lâm	
6	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch Xuân Nộn 4, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	2025-2027	QDPDDA số: 3603/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	151.090	45.800	45.500	45.800	29.000		29.000				UBND xã Thư Lâm	
7	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch XNS xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	2025-2028	QDPDDA số: 3604/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	123.607	37.800	37.500	37.800	27.000		27.000				UBND xã Thư Lâm	
8	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch Lương Quy 4, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	2025-2028	QDPDDA số: 3605/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	165.512	49.700	49.500	49.700	47.000		47.000				UBND xã Thư Lâm	
9	Xây dựng HTKT bãi đỗ xe kết hợp kê hồ cảnh quan dọc đường Quốc lộ 3, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh	1	2025-2027	2520/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 QDPDDA: 7379/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	34.661	10.280	10.200	10.273	5.000		5.000				UBND xã Thư Lâm	
10	Xây dựng hoàn thiện HTKT HL-1 tại xã Thụy Lâm và xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	2024-2027	Số 12266/QĐ-UBND ngày 5/10/2022; 11775/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	78.755	68.900	22.200	68.900	500		500				UBND xã Thư Lâm	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lý lẽ giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó						
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
11	Xây dựng hoàn thiện HTKT tại C-2, xã Thụy Lâm và xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	2024-2027	Số 697/QĐ-UBND ngày 08/3/2023; 197/QĐ-UBND 10/01/2024	122.187	37.248	8.448	37.248	9.000		9.000				UBND xã Thụy Lâm	
*	Lĩnh vực khác	16			2.945.350	714.808	488.480	703.070	335.000		335.000	1	2			
**	Lĩnh vực khác - Lĩnh vực HTKT tài định cư	16			2.945.350	714.808	488.480	703.070	335.000		335.000	1	2			
1	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất thôn Kim Tiến, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	2024-2027	5224/QĐ-UBND ngày 05/6/2024; 12937/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	93.926	29.900	29.000	29.806	13.000		13.000				UBND xã Thụy Lâm	
2	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất XN2, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	2025-2027	Số 10780/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	94.890	30.900	30.500	30.897	25.000		25.000				UBND xã Thụy Lâm	
3	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất thôn Đường Nhạn, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	2025-2028	5226/QĐ-UBND ngày 05/6/2024; 7374/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	60.625	10.661	10.111	10.661	20.000		20.000				UBND xã Thụy Lâm	
4	Xây dựng hoàn thiện HTKT và kết hợp đầu giá thôn Đường Nhạn, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	2025-2028	5227/QĐ-UBND ngày 05/6/2024; 7373/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	132.452	30.112	29.462	30.112	25.000		25.000				UBND xã Thụy Lâm	
5	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đầu giá QSD đất XN1 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	2025-2028	số 10745/QĐ-UBND ngày 23/10/2024; 7376/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	162.811	27.414	27.114	27.414	25.000		25.000				UBND xã Thụy Lâm	
6	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đầu giá QSD đất Lương Quy 3, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	Sau năm 2024	số 10742/QĐ-UBND ngày 23/10/2024; 7375/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	218.128	35.925	35.625	35.925	35.000		35.000				UBND xã Thụy Lâm	
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất Văn Diêm, xã Văn Hà, huyện Đông Anh	1	2025-2028	DA-3531/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	288.256	54.258	53.820	54.258	20.000		20.000				UBND xã Thụy Lâm	
8	Xây dựng HTKT khu tài định cư và đầu giá QSD đất NO-15 xã Văn Hà, huyện Đông Anh	1	2023-2026	Số 14766/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	61.569	33.280	7.200	33.280	3.000		3.000		1		UBND xã Thụy Lâm	
9	Xây dựng HTKT khu tài định cư và đầu giá QSD đất NO-16 xã Văn Hà, huyện Đông Anh	1	2023-2026	Số 14767/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	115.100	59.050	12.100	52.311	3.000		3.000		1		UBND xã Thụy Lâm	
10	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất thôn Lã Giao 3, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh	1	2024-2026	Số 334/QĐ-UBND ngày 15/02/2023	52.621	46.250	11.000	46.250	2.000		2.000	1			UBND xã Thụy Lâm	
11	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Thụy Lôi, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	1	2024-2027	Số 545/QĐ-UBND ngày 27/02/2023; 11777/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	106.255	35.950	6.350	31.096	8.000		8.000				UBND xã Thụy Lâm	
12	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất Xuân Nộn 1, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	2024-2027	QĐPDDA 8854/QĐ-UBND ngày 14/8/2024	83.450	48.700	27.200	48.700	12.000		12.000				UBND xã Thụy Lâm	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
13	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất Xuân Nộn 2, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	2024-2027	QĐPDDA 8855/QĐ-UBND ngày 14/8/2024	180.913	87.588	31.188	87.588	34.000		34.000			UBND xã Thu Lâm	
14	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất Xuân Nộn 3, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	1	2024-2027	QĐPDDA 9391/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	74.333	30.075	29.095	30.075	15.000		15.000			UBND xã Thu Lâm	
15	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất kết hợp hoàn thiện đồng bộ HTKT khu vực Bãi Kinh, thị trấn Đông Anh và xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	1	Sau năm 2023	Số 5189/QĐ-UBND ngày 27/7/2023; 10104/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	989.890	104.780	100.000	104.780	45.000		45.000			UBND xã Thu Lâm	
16	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Thiết Bình, xã Văn Hà, huyện Đông Anh	1	2025-2027	13640/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	230.131	49.964	48.714	49.916	50.000		50.000			UBND xã Thu Lâm	

Phụ lục số 14.70

KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND xã Đông Anh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó	Ngân sách TP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG (A+B)	50			14.212.042	3.660.159	1.895.934	3.438.243	2.237.400	1.232.500	1.004.900	33	1		
A	DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ	11			9.101.103	1.726.795	999.376	1.488.094	1.232.500	1.232.500		9			
1	ĐÀ ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ DO CẤP HUYỆN THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	9			8.595.773	1.437.628	746.376	1.226.835	1.162.500	1.162.500		8			
*	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	2			214.736	111.150	109.300	110.913	76.200	76.200		1			
**	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực di tích	2			214.736	111.150	109.300	110.913	76.200	76.200		1			
1	Dự án Thành phần 1: Xây dựng Đền thờ Đức vua Ngô Quyền thuộc dự án Xây dựng Đền thờ Đức vua Ngô Quyền tại khu di tích thành Cổ Loa, huyện Đông Anh	1	2025-2027	2117/QĐ-UBND ngày 19/4/2025; 3805/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	185.163	102.300	100.500	102.090	61.200	61.200		1		UBND xã Đông Anh	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Mạch Tráng tại khu di tích Thành Cổ Loa, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh	1	2025-2027	3541/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	29.573	8.850	8.800	8.823	15.000	15.000				UBND xã Đông Anh	
*	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	6			7.781.043	836.378	474.276	625.822	1.046.300	1.046.300		6			
**	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	6			7.781.043	836.378	474.276	625.822	1.046.300	1.046.300		6			
1	Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối cầu Từ Liên từ nút giao cầu Từ Liên với đường Trường Sa đến đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên	1	2025-2027	4110/QĐ-UBND ngày 04/8/2025	4.966.216	612.500	402.500	402.500	800.000	800.000		1		UBND xã Đông Anh	
2	Xây dựng tuyến đường LK53 đoạn từ đường kinh tế miền Đông (bốt cầu Tây) đến hết địa phận huyện Đông Anh theo quy hoạch	1	2025-2028	14/NQ-HĐND ngày 04/07/2023 của HĐND TP Hà Nội và QĐ PD ĐA 12439/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	261.149	1.720	1.000	1.292	15.000	15.000		1		UBND xã Đông Anh	
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường trục trung tâm (TC21) đoạn từ đường Trường Sa đến đường Vĩnh đại 3, huyện Đông Anh	1	2025-2028	11882/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	497.022	1.400	1.300	1.300	300	300		1		UBND xã Đông Anh	
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Trường Sa đến đường sắt Hà Nội - Lào Cai (TĐ8)	1	2025-2028	12441/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1.218.266	3.182	2.350	2.954	161.000	161.000		1		UBND xã Đông Anh	
5	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Dân Dị đến tuyến đường Võ Nguyên Giáp, huyện Đông Anh	1	2023-2026	CT-25/NQ-HĐND ngày 04/12/2019; DA-6386/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	709.870	177.089	27.126	177.289	50.000	50.000		1		UBND xã Đông Anh	
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Cao Lỗ đoạn từ UBND xã Uy Nỗ đến đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên, huyện Đông Anh (theo quy hoạch)	1	2024-2027	9995/QĐ-UBND; 03/10/2024	128.520	40.487	40.000	40.487	20.000	20.000		1		UBND xã Đông Anh	
*	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể (hạn gồm trừ số)	1			599.994	490.100	162.800	490.100	40.000	40.000		1			

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lầy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Xây dựng trung tâm hành chính huyện Đông Anh	1	2023-2026	12716/QĐ-UBND; 15/12/2023	599.994	490.100	162.800	490.100	40.000	40.000		1		UBND xã Đông Anh	
II	DỰ ÁN SỬ DỤNG NSTP MỤC TIÊU THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	1			270.663	158.170	130.000	130.764	40.000	40.000		1			
II.1	THPT	1			270.663	158.170	130.000	130.764	40.000	40.000		1			
*	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1			270.663	158.170	130.000	130.764	40.000	40.000		1			
I	Mở rộng, cải tạo trường THPT Cổ Loa	1	2025-2028	14383/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	270.663	158.170	130.000	130.764	40.000	40.000		1		UBND xã Đông Anh	
III	DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP	1			234.667	130.997	123.000	130.495	30.000	30.000					
III.1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1			234.667	130.997	123.000	130.495	30.000	30.000					
I	Xây dựng trường THPT Việt Hùng, huyện Đông Anh	1	2024-2027	1089/QĐ-UBND ngày 07/02/2024	234.667	130.997	123.000	130.495	30.000	30.000				UBND xã Đông Anh	
B	CÁC DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NSTP HỖ TRỢ MỤC TIÊU	39			5.110.940	1.933.364	896.558	1.950.149	1.004.900		1.004.900	24	1		
I	DỰ ÁN SỬ DỤNG NSTP MỤC TIÊU THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	1			63.238	42.850	25.500	42.850	8.000		8.000	1			
I.1	Di tích	1			63.238	42.850	25.500	42.850	8.000		8.000	1			
*	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	1			63.238	42.850	25.500	42.850	8.000		8.000	1			
**	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực di tích	1			63.238	42.850	25.500	42.850	8.000		8.000	1			
I	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đình, chùa, miếu thôn Lại Đà (GD2)	1	2024-2027	CT-15039/QĐ-UBND ngày 01/12/2021; DA-872/QĐ-UBND 02/02/2024	63.238	42.850	25.500	42.850	8.000		8.000	1		UBND xã Đông Anh	
II	DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP	38			5.047.702	1.890.514	871.058	1.907.299	996.900		996.900	23	1		
II.1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	11			1.012.429	532.081	349.471	516.846	196.300		196.300	4			
I	Xây dựng trường mầm non Đông Hội	1	2024-2027	9366/QĐ-UBND ngày 6/09/2024	79.816	38.810	30.000	35.437	20.000		20.000			UBND xã Đông Anh	
2	Xây dựng trường mầm non thôn Cầu Cá	1	2024-2026	DA-14377/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	57.261	17.800	17.250	17.800	38.000		38.000	1		UBND xã Đông Anh	
3	Xây dựng trường tiểu học Việt Hùng 2	1	2023-2026	296/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	108.137	86.800	40.700	86.586	11.000		11.000			UBND xã Đông Anh	
4	Xây dựng trường tiểu học Lại Đà	1	2023-2027	9448/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	135.640	45.510	35.110	37.364	20.000		20.000			UBND xã Đông Anh	
5	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Đông Hội	1	2024-2026	5504/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	43.043	34.100	19.000	34.100	8.900		8.900	1		UBND xã Đông Anh	
6	Xây dựng trường THCS Cổ Loa 2	1	2023-2026	7970/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	124.741	106.100	43.000	103.191	12.400		12.400			UBND xã Đông Anh	
7	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Đông Hội	1	2023-2026	12067/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	47.660	35.100	17.000	35.100	12.000		12.000	1		UBND xã Đông Anh	
8	Xây dựng trường trung học cơ sở Lại Đà	1	2024-2027	9399/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	118.160	58.850	40.000	58.427	20.000		20.000			UBND xã Đông Anh	
9	Đầu tư hoàn thiện trường THCS Nguyễn Huy Tường	1	2024-2027	3698/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	64.292	30.050	29.000	30.050	8.000		8.000			UBND xã Đông Anh	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lầy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
10	Xây dựng Trường tiểu học Dục Tú B	1	2025-2028	CT-1911/QĐ-UBND ngày 11/3/2024; 7572/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	160.751	48.550	48.500	48.500	26.000		26.000			UBND xã Đông Anh	
11	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Cổ Loa	1	2025-2028	7576/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	72.927	30.411	29.911	30.291	20.000		20.000	1		UBND xã Đông Anh	
II.2	Lĩnh vực văn hóa thông tin (dự lịch)	5			655.029	265.721	209.872	255.200	96.600		96.600	2			
**	Lĩnh vực văn hóa thông tin (dự lịch) - Nhà văn hóa thôn	2			303.613	112.371	56.872	101.900	38.600		38.600	1			
1	Xây dựng khu văn hóa cộng đồng thôn Lại Đá	1	2024-2027	ĐA-10969/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	280.369	101.606	55.672	92.819	30.000		30.000			UBND xã Đông Anh	
2	Xây dựng khu cây xanh, nhà văn hóa thôn Lại Đá	1	2023-2026	số 9426/QĐ-UBND ngày 11/9/2024	23.244	10.765	1.200	9.082	8.600		8.600	1		UBND xã Đông Anh	
**	Lĩnh vực văn hóa thông tin (dự lịch) - Lĩnh vực di tích	3			351.416	153.350	153.000	153.300	58.000		58.000	1			
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Cửa Sông thôn Xuân Canh, xã Xuân Canh	1	2025-2027	ĐA-14384/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	27.775	18.250	18.000	18.250	3.000		3.000	1		UBND xã Đông Anh	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Lạc Canh (Linh Thông Tự), thôn Lạc Canh, xã Xuân Canh	1	2025-2028	ĐA-14385/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	62.213	35.050	35.000	35.050	5.000		5.000			UBND xã Đông Anh	
3	Tu bổ, tôn tạo Chùa Phúc Lâm cổ (Hoa Lâm Viên), huyện Đông Anh	1	2025-2028	ĐA-3542/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	261.428	100.050	100.000	100.000	50.000		50.000			UBND xã Đông Anh	
II.3	Lĩnh vực môi trường	1			308.068	97.283	16.983	73.037	100.000		100.000	1			
1	Cải tạo, chỉnh trang hồ chõ T, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	1	2024-2026	QĐ số 6242/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	308.068	97.283	16.983	73.037	100.000		100.000	1		UBND xã Đông Anh	
II.4	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	2			88.887	63.538	30.000	63.438	2.000		2.000	1			
	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực thương mại	2			88.887	63.538	30.000	63.438	2.000		2.000	1			
1	Cải tạo, nâng cấp chợ Tú	1	2024-2027	12070/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	49.566	33.100	15.000	33.100	1.000		1.000	1		UBND xã Đông Anh	
2	Cải tạo, nâng cấp chợ Trung tâm	1	2024-2026	QĐ số 6243/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	39.321	30.438	15.000	30.338	1.000		1.000			UBND xã Đông Anh	
II.5	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	13			2.304.233	707.851	212.048	780.415	444.000		444.000	9	1		
**	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	8			843.389	112.661	41.001	102.901	155.000		155.000	8			
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường LK53 (ven sông Ngũ Huyện Khê) qua thôn Nghĩa Vũ đến hết địa phận Đông Anh theo quy hoạch	1	2024-2027	11187/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	64.623	37.110	40	36.785	15.000		15.000	1		UBND xã Đông Anh	
2	Xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ qua thôn Phan Xá đến đường Đền Di, huyện Đông Anh	1	2023-2026	7807/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	108.000	32.845	301	24.175	39.000		39.000	1		UBND xã Đông Anh	
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường bao phía Bắc thôn Dục Tú nối từ đường Gia Lương đến trường Mầm non Dục Tú	1	2024-2026	ĐA-11705/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	65.454	13.856	13.500	13.853	20.000		20.000	1		UBND xã Đông Anh	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4	ĐT XD Tuyến đường bao phía Đông Bắc và Đông Nam thôn Cầu Cá, xã Cổ Lũn theo quy hoạch	1	2025-2027	DA-13941/QĐ-QLDA ngày 10/12/2024	55.920	12.096	11.756	12.095	10.000		10.000	1		UBND xã Đông Anh	
5	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-18) từ Việt Hùng đến nhà máy gạch Vignacera	1	2025-2028	DA-14536/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	267.543	1.063	63	576	30.000		30.000	1		UBND xã Đông Anh	
6	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N(A)-5) từ Trường THPT Cổ Loa đến khu đô thị mới Đông Anh	1	2025-2027	DA-3623/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	63.253	11.100	11.000	11.031	8.000		8.000	1		UBND xã Đông Anh	
7	Đầu tư xây dựng tuyến đường bao quanh khu vực dân cư thôn Nghĩa Lại, xã Uy Nỗ theo quy hoạch	1	2025-2027	7615/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	76.505	1.726	1.476	1.521	13.000		13.000	1		UBND xã Đông Anh	
8	Đầu tư xây dựng tuyến đường bao thôn Lý Nhân, xã Dục Tú (từ cầu Đông đến đường trục kinh tế miền Đông)	1	2025-2027	DA-7619/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	142.091	2.865	2.865	2.865	20.000		20.000	1		UBND xã Đông Anh	
**	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực công trình công cộng tại các đô thị	5			1.460.844	595.190	171.047	677.514	289.000		289.000	1	1		
1	Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao huyện Đông Anh	1	2022-2027	15509/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	770.483	472.554	66.624	555.359	20.000		20.000		1	UBND xã Đông Anh	
2	Xây dựng, hoàn thiện HTKT khu cây xanh, công cộng phía Bắc thôn Lại Đà	1	2024-2026	DA-10970/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	186.479	48.674	32.473	48.674	45.000		45.000			UBND xã Đông Anh	
3	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu cây xanh phía Tây Nam thôn Lại Đà	1	2024-2026	DA-10182/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	247.244	42.799	41.833	42.398	128.000		128.000			UBND xã Đông Anh	
4	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu cây xanh phía Đông Nam thôn Lại Đà	1	2024-2026	DA-10183/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	135.106	16.396	15.650	16.317	76.000		76.000	1		UBND xã Đông Anh	
5	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch Xuân Canh 4, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	1	2025-2028	QĐPDDA số: 3597/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	121.532	14.766	14.466	14.766	20.000		20.000			UBND xã Đông Anh	
II.6	Lĩnh vực khác	6			679.055	224.041	52.685	218.363	158.000		158.000	6			
**	Lĩnh vực khác - Lĩnh vực HTKT tại định cư	6			679.055	224.041	52.685	218.363	158.000		158.000	6			
1	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Đông, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh	1	2023-2026	Số 7798/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	160.941	86.037	2.887	86.006	58.000		58.000	1		UBND xã Đông Anh	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất A7 xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	1	2024-2026	450/QĐ-UBND ngày 03/2/2021	198.221	102.148	22.872	96.551	40.000		40.000	1		UBND xã Đông Anh	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất X5, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	1	2025-2027	2031/QĐ-UBND ngày 17/9/2025	76.301	21.554	13.274	21.654	15.000		15.000	1		UBND xã Đông Anh	
4	Xây dựng khu đầu giá QSD đất thôn Vạn Lộc 1, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh	1	2025-2028	QĐPDDA số: 3595/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	151.453	1.903	1.803	1.903	25.000		25.000	1		UBND xã Đông Anh	
5	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đầu giá QSD đất Lý Nhân 1, xã Dục Tú, huyện Đông Anh	1	2025-2028	QĐPDDA số: 3607/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	73.888	10.940	10.740	10.940	15.000		15.000	1		UBND xã Đông Anh	
6	Xây dựng HTKT tại điểm VIII.2.4-1, thôn Văn Thượng, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh để đầu giá QSD đất	1	2025-2027	Số 7378/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	18.251	1.459	1.109	1.309	5.000		5.000	1		UBND xã Đông Anh	

12

Phụ lục số 14.71

KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND xã Phúc Thịnh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lỳ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG	46			14.799.992	2.277.346	1.390.989	1.840.935	2.411.841	1.296.700	1.115.141	15	4		
A	DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ	7			9.734.358	1.699.717	718.275	719.069	1.296.700	1.296.700		2			
I	ĐÀ ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ DO CẤP HUYỆN THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	5			9.451.593	959.923	659.281	659.281	1.221.500	1.221.500		1			
*	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	4			9.089.931	904.313	604.571	604.571	1.171.500	1.171.500		1			
**	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	4			9.089.931	904.313	604.571	604.571	1.171.500	1.171.500		1			
1	Dự án thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3 đoạn qua địa bàn huyện Đông Anh	1	2025-2028		2.277.000	238.995	135.924	135.924	450.000	450.000				UBND xã Phúc Thịnh	
2	Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3 đoạn qua địa bàn huyện Đông Anh	1	2025-2028		5.413.000	419.911	409.780	409.780	600.000	600.000				UBND xã Phúc Thịnh	
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường trục trung tâm (TC21) đoạn từ đường Vành đai 3 đến hết địa phận huyện Đông Anh	1	2025-2028		1.118.449	3.807	3.707	3.707	118.500	118.500				UBND xã Phúc Thịnh	
4	Xây dựng tuyến đường nối trục từ đường Quốc lộ 3 (cũ) đến tuyến đường Võ Nguyên Giáp, huyện Đông Anh	1	Hết quỹ IV/2026		281.482	221.600	55.160	55.160	3.000	3.000		1		UBND xã Phúc Thịnh	
*	Lĩnh vực khác	1			361.662	55.610	54.710	54.710	50.000	50.000					
**	Lĩnh vực khác - Lĩnh vực HTKT tái định cư	1			361.662	55.610	54.710	54.710	50.000	50.000					
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 05 khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3 đoạn qua địa bàn huyện Đông Anh	1	2025-2027		361.662	55.610	54.710	54.710	50.000	50.000				UBND xã Phúc Thịnh	
II	DỰ ÁN SỬ DỤNG NSTP MỤC TIÊU THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	1			280.568	139.744	58.944	59.738	75.000	75.000		1			
II.1	Lĩnh vực giáo dục	1			280.568	139.744	58.944	59.738	75.000	75.000		1			
1	Cải tạo, mở rộng trường THPT Văn Nội	1	2025-2028		280.568	139.744	58.944	59.738	75.000	75.000		1		UBND xã Phúc Thịnh	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trong hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lý kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHIV	Trong đó						
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ					
1	2	3	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
III	DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP	1			2.197	50	50	50	200	200						
**	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực quy hoạch	1			2.197	50	50	50	200	200						
I	Quy hoạch phân khu đô thị, tỷ lệ 1/2000 dự án: Xây dựng khu đô thị mới phía Tây Bắc đường Vành đai 3, huyện Đông Anh	1	2025-2026	Số 7144/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của UBND huyện Đông Anh	2.197	50	50	50	200	200					UBND xã Phúc Thịnh	
B	DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ MỤC TIÊU	39			5.065.634	1.177.629	672.714	1.121.866	1.115.141	1.115.141	13	4				
I	Sử dụng ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu thực hiện trước sắp xếp	1			190.674	3.281	58	2.765	18.200	18.200		1				
LI	HTKT và nhà văn hoá thôn	1			190.674	3.281	58	2.765	18.200	18.200		1				
I	Xây dựng khu cây xanh, bãi đỗ xe đường 23B, huyện Đông Anh	1	2021-2026	7993/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	190.674	3.281	58	2.765	18.200	18.200		1			UBND xã Phúc Thịnh	
II	DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP	38			4.874.960	1.174.348	672.656	1.119.101	1.096.941	1.096.941	13	3				
*	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	9			957.995	331.351	270.001	330.699	260.000	260.000	9	1				
1	Xây dựng trung tâm mầm non Nam Hồng giai đoạn 2	1	2024-2027	DA-10181/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	66.613	26.600	25.000	25.700	30.000	30.000	1				UBND xã Phúc Thịnh	
2	Xây dựng trường mầm non thị trấn 2	1	2025-2028	3983/QĐ-UBND ngày 18/5/2022; PDDA 14376/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	80.038	22.274	21.574	22.247	40.000	40.000	1				UBND xã Phúc Thịnh	
3	Xây dựng trường tiểu học Nam Hồng 2	1	Sau năm 2020	DA-2169/QĐ-UBND ngày 23/4/2020; ĐCDA-1943/QĐ-UBND ngày 13/03/2024	139.002	91.300	35.000	91.675	10.000	10.000	1	1			UBND xã Phúc Thịnh	
4	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Lê Hữu Tựu	1	2024-2027	14379/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	161.875	67.029	66.229	66.929	30.000	30.000	1				UBND xã Phúc Thịnh	
5	Cải tạo, mở rộng trường tiểu học Nam Hồng	1	2024-2027	DA-14378/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	96.843	30.500	30.000	30.500	30.000	30.000	1				UBND xã Phúc Thịnh	
6	Xây dựng trường mầm non Thôn Đoài xã Nam Hồng	1	2025-2028	9530/QĐ-UBND ngày 20/10/2023; PDDA 7569/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	74.302	18.078	17.878	18.078	30.000	30.000	1				UBND xã Phúc Thịnh	
7	Xây dựng trường tiểu học Nam Hồng B	1	2025-2028	GNV-8632/QĐ-UBND ngày 28/7/2021; CT-3990/QĐ-UBND ngày 18/5/2022; PDDA 7571/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	116.582	25.810	25.510	25.810	30.000	30.000	1				UBND xã Phúc Thịnh	
8	Xây dựng trường THCS Văn Nội	1	2025-2028	1913/QĐ-UBND ngày 11/03/2024; PDDA 7573/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	122.035	25.750	25.300	25.750	30.000	30.000	1				UBND xã Phúc Thịnh	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHIV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
9	Xây dựng trường THCS Nam Hồng 2	1	2025-2028	8632/QĐ-UBND ngày 28/7/2021; PDDA 7574/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	100.703	24.010	23.510	24.010	30.000		30.000	1		UBND xã Phúc Thịnh	
*	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	1			14.968	3.042	2.942	3.042	5.000		5.000				
1	Xây dựng trạm y tế xã Bắc Hồng	1	2025-2027	ĐA-3540/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	14.968	3.042	2.942	3.042	5.000		5.000			UBND xã Phúc Thịnh	
*	Lĩnh vực thể dục, thể thao	1			275.427	39.253	28.653	31.456	45.000		45.000	1			
1	Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	1	2023-2026	ĐA-12063/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	275.427	39.253	28.653	31.456	45.000		45.000	1		UBND xã Phúc Thịnh	
*	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	22			2.507.607	497.809	283.385	484.912	598.406		598.406	3	2		
**	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	22			2.507.607	497.809	283.385	484.912	598.406		598.406	3	2		
1	Xây dựng tuyến đường gom và lề sông Đào Nguyễn Khê đoạn từ đường sắt Hà Nội - Lào Cai đến Cầu Phú Lỗ, huyện Đông Anh	1	2021-2027	8051/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	449.555	144.888	12.373	145.143	20.000		20.000		1	UBND xã Phúc Thịnh	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ khu đô thị Nguyễn Khê qua phía Đông thôn Cán Khê và xóm Núi đến đường gom sông Đào Nguyễn Khê	1	2022-2026	11185/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 18596/QĐ-UBND 31/12/2024	66.709	39.958	3.500	39.403	2.000		2.000			UBND xã Phúc Thịnh	
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Văn Trí đến thôn Ba Chũ, xã Văn Nội theo quy hoạch	1	2024-2026	4211/QĐ-UBND ngày 3/6/2021; 1506/QĐ-UBND 13/11/2025	33.133	9.261	1.328	8.585	2.000		2.000		1	UBND xã Phúc Thịnh	
4	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ khu đầu giá quyền sử dụng đất Nguyễn Khê đến phía Đông thôn Khê Nữ, xã Nguyễn Khê theo quy hoạch	1	2024-2026	3822/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	31.282	9.731	354	6.377	10.830		10.830			UBND xã Phúc Thịnh	
5	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-09) từ thôn Mỹ Nội đến khu sinh thái Mefrimex	1	2024-2026	ĐA-3619/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	74.757	13.136	12.536	12.866	24.000		24.000			UBND xã Phúc Thịnh	
6	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (NS-12) từ Khu đất dịch vụ X2 Nguyễn Khê đến Khu đầu giá Nguyễn Khê	1	2024-2026	10472/QĐ-UBND ngày 18/7/2022	42.162	5.492	5.042	5.191	17.000		17.000			UBND xã Phúc Thịnh	
7	Chính trung, mở rộng tuyến đường cấp khu vực (NS-14) phía Đông thôn Khê Nữ	1	2024-2026	ĐA-3914/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	89.435	11.792	11.192	11.517	25.000		25.000			UBND xã Phúc Thịnh	
8	Đầu tư xây dựng tuyến đường phía Đông thôn Địa (N3-07) từ đường 23B đến UBND xã Nam Hồng	1	2024-2027	QĐ số 6237/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	97.418	33.970	14.570	28.776	16.000		16.000	1		UBND xã Phúc Thịnh	
9	Đầu tư xây dựng tuyến đường bao phía Bắc và phía Tây thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương theo quy hoạch	1	2024-2026	10007/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	53.368	8.527	7.352	8.014	19.000		19.000	1		UBND xã Phúc Thịnh	
10	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (NS-06) từ Bắc thôn Đoài đến hết địa phận huyện Đông Anh	1	2024-2026	ĐA-10185/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	40.969	5.841	5.542	5.835	18.000		18.000	1		UBND xã Phúc Thịnh	
11	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-11) phía Đông thôn Quam Âm đến hết thôn Bến Trung	1	2025-2028	ĐA-3620/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	138.883	25.714	25.114	25.645	49.000		49.000			UBND xã Phúc Thịnh	
12	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-12) phía Đông Dầm Sơn Du	1	2025-2027	3154/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	65.868	6.547	6.092	6.481	3.000		3.000			UBND xã Phúc Thịnh	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHIV	Trong đó	Ngân sách TP				
1	2	3	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
13	Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực (NC-1) phía Bắc thôn Cùn Khê đi thôn Tiên Hùng đến đường gom đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên	1	2025-2028	8024/QĐ-UBND ngày 04/7/2022	244.825	26.264	25.512	26.114	70.000		70.000			UBND xã Phúc Thịnh	
14	ĐTXD tuyến đường bao phía Bắc xóm Đầm và phía Tây xóm Tây xã Văn Nội theo quy hoạch	1	2025-2027	ĐA-751/QĐ-UBND ngày 10/2/2025	55.357	7.162	6.562	7.084	35.000		35.000			UBND xã Phúc Thịnh	
15	Chính trung mở rộng tuyến đường cấp khu vực (N7-10) từ đường 23B đến xóm Còi thôn Trung Oai xã Tiên Dharma	1	2025-2028	ĐA-2396/QĐ-UBND ngày 11/3/2025	94.091	17.112	16.712	17.016	41.151		41.151			UBND xã Phúc Thịnh	
16	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-11) từ Đường 23B đến đường Võ Nguyên Giáp	1	2025-2028	14534/QĐ-UBND ngày 13/12/2004	183.792	35.881	35.461	35.794	73.925		73.925			UBND xã Phúc Thịnh	
17	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-12) từ thôn Tiên Khu đến thôn Lương Nỗ	1	2025-2028	ĐA-3615/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	73.459	13.465	12.765	13.040	30.000		30.000			UBND xã Phúc Thịnh	
18	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-13) từ khu đầu giá Đông Nam Cổ Dương đến Khu đầu giá A4, xã Tiên Dương	1	2025-2027	ĐA-14535/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	53.343	9.075	8.455	8.633	24.000		24.000			UBND xã Phúc Thịnh	
19	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N5-11) từ Chợ lập ghép đến trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ Đông Anh	1	2025-2028	ĐA-3618/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	100.001	10.118	9.748	9.779	18.000		18.000			UBND xã Phúc Thịnh	
20	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-08) phía Tây Bắc thôn Tăng Mỹ xã Nam Hồng	1	2025-2028	ĐA-3911/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	186.529	22.390	21.690	22.058	35.000		35.000			UBND xã Phúc Thịnh	
21	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N3-03) từ chân cầu Vượt Nam Hồng đi đường trục đô thị Mễ Linh	1	2025-2027	ĐA-7616/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	166.072	17.261	17.261	17.337	32.500		32.500			UBND xã Phúc Thịnh	
22	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N3-04) từ Nam thôn Đoài đi qua đường trục đô thị Mễ Linh	1	2025-2027	ĐA-7618/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	166.600	24.224	24.224	24.225	33.000		33.000			UBND xã Phúc Thịnh	
*	Lĩnh vực khác	5			1.118.963	302.893	87.675	268.992	188.535		188.535				
**	Lĩnh vực khác - Lĩnh vực HTKT tái định cư	5			1.118.963	302.893	87.675	268.992	188.535		188.535				
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất A2, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	1	2024-2027	3823/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	215.848	52.413	1.106	31.952	36.235		36.235			UBND xã Phúc Thịnh	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất A3, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	1	2024-2027	QĐ số 6241/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	152.476	35.923	814	23.592	36.198		36.198			UBND xã Phúc Thịnh	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất A4, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	1	2024-2027	ĐA-10120/QĐ-UBND ngày 08/10/2024	383.116	51.610	50.116	52.162	62.309		62.309			UBND xã Phúc Thịnh	
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất B3, phần Đông Nam thôn Tiên Khu, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	1	2024-2027	11851/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	307.344	140.106	30.898	140.801	53.293		53.293			UBND xã Phúc Thịnh	
5	Xây dựng HTKT thôn Đoài 4, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh để đầu giá QSD đất	1	2024-2026	số 275/QĐ-UBND ngày 13/2/2023	60.179	22.841	4.741	20.484	500		500			UBND xã Phúc Thịnh	

Phụ lục số 14.72

KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND Xã Thiên Lộc

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025	Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG	32			5.024.560	1.361.455	736.164	1.256.063	860.394	350.358	510.036	4	2		
A	DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ	7			2.442.557	554.878	326.620	519.679	350.358	350.358		1			
I	ĐÀ ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ DO CẤP HUYỆN THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	5			1.814.942	447.858	221.200	412.411	287.000	287.000					
**	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	5			1.814.942	447.858	221.200	412.411	287.000	287.000					
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả Hồng đoạn từ K48+165 đến K64+126 thuộc địa bàn huyện Đông Anh	1	2025-2027	5835/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	478.000	204.400	35.200	204.400	120.000	120.000				UBND xã Thiên Lộc	
2	Dự án thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Đông Anh thuộc dự án Đầu tư xây dựng cầu Thượng Cát và đường hai đầu cầu	1	2025-2027	41/NQ-HĐND của TP. Hà Nội ngày 8/12/2023	522.393	20.400		384	50.000	50.000				UBND xã Thiên Lộc	
3	Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối với khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 3)	1	2024-2027	QĐ số 6236/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	125.141	49.524	25.000	42.941	25.000	25.000				UBND xã Thiên Lộc	
4	Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối với khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 1)	1	2024-2027	6235/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	215.757	81.932	71.000	73.087	42.000	42.000				UBND xã Thiên Lộc	
5	Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối với khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 2)	1	2024-2027	12433/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	473.651	91.602	90.000	91.599	50.000	50.000				UBND xã Thiên Lộc	
II	DỰ ÁN SỬ DỤNG NSTP MỤC TIÊU THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	1			70.378	47.020	45.420	46.318	23.358	23.358		1			
II.1	THPT	1			70.378	47.020	45.420	46.318	23.358	23.358		1			
1	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Bắc Thăng Long	1	2024-2027	10187/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	70.378	47.020	45.420	46.318	23.358	23.358		1		UBND xã Thiên Lộc	
III	DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP	1			557.237	60.000	60.000	60.950	40.000	40.000					
**	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	1			557.237	60.000	60.000	60.950	40.000	40.000					
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom chân đê tả sông Hồng đoạn từ ngã 3 đường Hải Bối đến hết địa phận huyện Đông Anh đi Mê Linh	1	2025-2028	ĐA-7596/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	557.237	60.000	60.000	60.950	40.000	40.000				UBND xã Thiên Lộc	
B	DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NSTP HỖ TRỢ MỤC TIÊU	25			2.582.003	806.577	409.544	736.384	510.036	510.036		3	2		
I	DỰ ÁN SỬ DỤNG NSTP MỤC TIÊU THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	1			139.803	105.374	27.674	105.217	30.986	30.986		1	1		
I.1	Mâm non, Tiểu học, THCS	1			139.803	105.374	27.674	105.217	30.986	30.986		1	1		

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025	Ước lý kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Xây dựng trường tiểu học thôn Hậu Đường	1	2021-2026	3989/QĐ-UBND 15/7/2020; 9082/QĐ-UBND 12/10/2023; QĐ 11428/QĐ-UBND 20/6/2025	139.803	105.374	27.674	105.217	30.986		30.986	1	1	UBND xã Thiên Lộc	
II	DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH HUYỆN TRƯỚC SÁP XẾP	23			2.435.182	699.803	380.470	629.768	476.050		476.050	2	1		
*	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	6			572.023	178.569	133.394	169.164	98.200		98.200	2			
1	Xây dựng trường mầm non thôn Vồng La, xã Vồng La	1	2022-2028	2716/QĐ-UBND ngày 22/5/2020; 3057/QĐ-UBND ngày 22/4/2022; 3319 ngày 13/11/2025	99.418	33.100	300	23.518	10.000		10.000			UBND xã Thiên Lộc	
2	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Đại Mạch	1	2024-2026	ĐA-12196/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	48.534	15.270	15.000	15.170	15.000		15.000	1		UBND xã Thiên Lộc	
3	Xây dựng trường tiểu học thôn Đại Độ, xã Vồng La	1	2025-2027	11048/QĐ-UBND 30/12/2019; 12441/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	129.397	32.499	31.794	32.899	30.000		30.000			UBND xã Thiên Lộc	
4	Xây dựng trường THCS tại thôn Hậu Đường, xã Kim Chung	1	2021-2028	3831/QĐ-UBND 8/7/2020; 10030/QĐ-UBND ngày 03/10/2024; 3318/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	143.443	60.600	50.000	60.582	10.000		10.000	1		UBND xã Thiên Lộc	
5	Xây dựng trường Mầm non Hậu Đường	1	2025-2028	7567/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	83.159	20.000	19.500	19.895	15.000		15.000			UBND xã Thiên Lộc	
6	Xây dựng điểm trường Mầm non thôn Mai Châu, xã Đại Mạch	1	2025-2028	7570/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	68.072	17.100	16.800	17.100	18.200		18.200			UBND xã Thiên Lộc	
*	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	5			484.067	64.398	62.850	64.003	87.000		87.000				
**	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	5			484.067	64.398	62.850	64.003	87.000		87.000				
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N4-14) từ Nhà máy nước Bắc Thăng Long đến Khu đầu giữ quyền sử dụng đất X2, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	1	2025-2028	ĐA-3614/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	142.869	31.400	31.000	31.265	36.000		36.000			UBND xã Thiên Lộc	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ thôn Hậu Đường, xã Kim Chung đến đường gom Võ Văn Kiệt theo quy hoạch	1	2025-2028	ĐA-3617/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	129.590	13.900	13.800	13.895	30.000		30.000			UBND xã Thiên Lộc	
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường bao phủ Tây Bắc thôn Đại Đồng, xã Đại Mạch theo quy hoạch	1	2025-2027	ĐA-7617/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	39.032	3.500	3.500	3.565	15.000		15.000			UBND xã Thiên Lộc	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025	Ước lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4	Đầu tư xây dựng tuyến đường liên xã Kim Nỗ - Kim Chung theo quy hoạch (đoạn từ đường sắt đến cầu thôn Nhuế)	1	2023-2026	696/QĐ-UBND ngày 08/3/2023; 3315/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	84.076	598	500	568	3.000		3.000			UBND xã Thiên Lộc	
5	Xây dựng tuyến đường xung quanh thôn Nhuế, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	1	2024-2027	2656/QĐ-UBND ngày 14/4/2022; DA-1525/QĐ-UBND ngày 28/02/2024	88.500	15.000	14.050	14.710	3.000		3.000			UBND xã Thiên Lộc	
*	Lĩnh vực khác	12			1.379.092	456.836	184.226	396.601	290.850		290.850		1		
**	Lĩnh vực khác	6			558.621	178.514	98.214	163.863	194.600		194.600		1		
1	Xây dựng hoàn thiện HTKT tại điểm X7, thôn Đông, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	1	2024-2026	2330/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	49.900	34.680	6.930	21.129	19.000		19.000			UBND xã Thiên Lộc	
2	Xây dựng hoàn thiện HTKT phía Nam thôn Nhuế, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	1	2023-2026	Số 14772/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	67.441	46.050	16.600	46.050	14.800		14.800		1	UBND xã Thiên Lộc	
3	Xây dựng Hoàn thiện HTKT Vòng La 5, xã Vòng La, huyện Đông Anh	1	2024-2027	Số 4350/QĐ-UBND ngày 09/6/2023; 8852/QĐ-UBND ngày 14/8/2024	82.560	20.170	1.320	20.170	10.000		10.000			UBND xã Thiên Lộc	
4	Xây dựng Hoàn thiện HTKT Vòng La 6, xã Vòng La, huyện Đông Anh	1	2024-2027	Số 4351/QĐ-UBND ngày 09/6/2023; 10103/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	87.040	14.444	12.344	13.444	40.800		40.800			UBND xã Thiên Lộc	
5	Xây dựng Hoàn thiện HTKT Vòng La 3, xã Vòng La, huyện Đông Anh	1	2024-2027	13638/QĐ-UBND ngày 6/12/2024	94.310	10.870	10.020	10.770	35.000		35.000			UBND xã Thiên Lộc	
6	Xây dựng hoàn thiện HTKT phía Đông Bắc thôn Mạch Lũng, xã Đại Mạch, huyện Đông Anh	1	2025-2028	CTĐT số: 4939/QĐ-UBND ngày 30/5/2024; QĐPDDA số: 12591 ngày 28/11/2024	177.370	52.300	51.000	52.300	75.000		75.000			UBND xã Thiên Lộc	
**	Lĩnh vực khác - Lĩnh vực HTKT tái định cư	6			828.471	278.322	86.012	232.738	96.250		96.250				
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất phía Đông Nam thôn Bàu, xã Kim Chung, huyện Đông Anh	1	GD 1: 2024-2026 GD 2: 2026-2027	3824/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	306.411	116.300	40.000	85.761	30.000		30.000			UBND xã Thiên Lộc	
2	Xây dựng HTKT tại điểm X4, thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đầu giá QSD đất	1	2023-2026	Số 14776/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	80.899	38.416	1.366	37.598	5.550		5.550			UBND xã Thiên Lộc	
3	Xây dựng HTKT tại điểm X10, xóm Trại, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đầu giá QSD đất	1	2024-2027	Số 10596/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	107.622	55.331	8.781	41.288	20.000		20.000			UBND xã Thiên Lộc	
4	Xây dựng khu đầu giá QSD đất Vòng La 4, xã Vòng La, huyện Đông Anh	1	2025-2028	2519/QĐ-UBND ngày 28/3/2024	129.272	15.870	15.140	15.770	15.000		15.000			UBND xã Thiên Lộc	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2021-2025	KHV năm 2025	Ước lỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Vòng La 1, xã Vòng La, huyện Đông Anh	1	2025-2028	Số 4024/QĐ-UBND ngày 01/6/2023; 13637/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	105.083	16.210	15.280	16.126	20.000		20.000			UBND xã Thiên Lộc	
6	Xây dựng HTKT tại điểm X2, thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh để đấu giá QSD đất	1	2023-2026	Số 7314/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	91.184	36.195	5.445	36.195	5.700		5.700			UBND xã Thiên Lộc	
IV	DỰ ÁN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỒ TRỢ XÃ (DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN HỖ TRỢ MỤC TIÊU TRƯỚC SẮP XẾP)	1			7.018	1.400	1.400	1.400	3.000		3.000				
*	Lĩnh vực văn hóa thông tin (đa lịch)	1			7.018	1.400	1.400	1.400	3.000		3.000				
1	Cải tạo nung cấp điểm sinh hoạt cộng đồng sân kho thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ	1	2025-2027	5897 ngày 23/4/2025	7.018	1.400	1.400	1.400	3.000		3.000			UBND xã Thiên Lộc	

Phụ lục số 14.73
KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
 (Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND Xã Vĩnh Thanh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trung đo					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
*	TỔNG CỘNG (A+B)	29			1.531.889	463.257	302.110	441.790	488.106		488.106	19	1		
A	DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ														
B	DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ MỤC TIÊU	29			1.531.889	463.257	302.110	441.790	488.106		488.106	19	1		
I	DỰ ÁN SỬ DỤNG NSTP MỤC TIÊU THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP	1			10.174	7.400	3.000	7.400	1.400		1.400				
I.1	HTKT và nhà văn hóa thôn	1			10.174	7.400	3.000	7.400	1.400		1.400				
1	Cải tạo, nâng cấp chợ Dấu	1	2024-2026	10027/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	10.174	7.400	3.000	7.400	1.400		1.400			UBND xã Vĩnh Thanh	
II	DỰ ÁN SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH HUYỆN TRƯỚC SẮP XẾP	8			1.236.192	388.577	232.890	367.640	343.200		343.200	3	1		
*	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	5			677.628	287.487	198.800	287.015	244.900		244.900	2			
1	Xây dựng trường mầm non thôn Hải Bối	1	2024-2027	10186/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	89.448	46.700	45.000	46.190	34.400		34.400	1		UBND xã Vĩnh Thanh	
2	Xây dựng trường tiểu học Vĩnh Ngọc	1	2024-2027	ĐA- 12065/QĐ-UBND ngày 08/12/2023; TĐT-1784/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	214.550	166.737	80.500	166.924	20.000		20.000			UBND xã Vĩnh Thanh	
3	Cải tạo, sửa chữa trường trung học cơ sở Hải Bối	1	2024-2027	ĐA-14380/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	87.977	30.400	30.000	30.400	43.800		43.800			UBND xã Vĩnh Thanh	
4	Xây dựng trường THCS Vĩnh Ngọc 2	1	2024-2027	ĐA-7575/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	215.048	27.950	27.900	27.900	100.000		100.000			UBND xã Vĩnh Thanh	
5	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Vĩnh Ngọc	1	2024-2027	Quyết định số 7577/QĐ-UBND ngày 20/5/2025 của UBND	70.605	15.700	15.400	15.600	46.700		46.700	1		UBND xã Vĩnh Thanh	
*	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	2			359.135	100.990	33.990	80.525	68.300		68.300	1	1		
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trạm xử lý nước thải qua thôn Cổ Điện lên đê sông Hồng, xã Hải Bối theo quy hoạch	1	2023-2026	2587/QĐ-UBND ngày 05/5/2023	38.113	27.470	12.170	23.468	11.100		11.100	1	1	UBND xã Vĩnh Thanh	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom chân đê từ sông Hồng đoạn từ ngã 3 vào UBND xã Xuân Canh đến ngã 3 vào UBND xã Hải Bối	1	2024-2028	3825/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	321.022	73.520	21.820	57.057	57.200		57.200			UBND xã Vĩnh Thanh	
*	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực công trình công cộng tại các đô thị	1			199.429	100	100	100	30.000		30.000				
1	Xây dựng khu công viên, cây xanh khu vực hồ điều hoà Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh	1	Sau năm 2025	7524/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	199.429	100	100	100	30.000		30.000			UBND xã Vĩnh Thanh	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lầy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
III	DỰ AN NGAN SACH THANH PHO HO TRU XA (DU AN CẤP XA SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN HỖ TRỢ MỤC TIÊU TRƯỚC SÁP XẾP)	20			285.524	67.280	66.220	66.750	143.506		143.506	16			
*	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực di tích	3			92.990	8.400	7.900	8.400	33.200		33.200	2			
1	Tu bổ, tôn tạo di tích miếu Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh	1	2025-2027	874/QĐ-UBND ngày 14/2/2025	17.432	8.300	7.800	8.300	7.800		7.800	1		UBND xã Vĩnh Thanh	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Cổ Điện (Khánh Đức Tự), thôn Cổ Điện, xã Hải Bối	1	2026-2028	5521/QĐ-UBND ngày 18/4/2025; 2680/QĐ-UBND ngày 8/11/2025	41.842	50	50	50	12.970		12.970			UBND xã Vĩnh Thanh	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Hải Bối (Bạch Khôi Tự), thôn Hải Bối, xã Hải Bối	1	2026-2028	5522/QĐ-UBND ngày 18/4/2025; 2681/QĐ-UBND ngày 8/11/2025	33.716	50	50	50	12.430		12.430	1		UBND xã Vĩnh Thanh	
*	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Nhà văn hóa thôn	3			15.060	4.600	4.600	4.600	9.400		9.400	3			
1	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng khu ven sân bóng thôn Vĩnh Thanh	1	2025-2027	7592/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	3.568	1.040	1.040	1.040	2.200		2.200	1		UBND xã Vĩnh Thanh	
2	Xây dựng sân chơi, điểm sinh hoạt cộng đồng khu chợ thôn Cổ Điện, xã Hải Bối	1	2025-2027	1423/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	2.639	1.030	1.030	1.030	1.500		1.500	1		UBND xã Vĩnh Thanh	
3	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng, kết hợp trồng cây xanh khu đất dọc theo tuyến đường trục chính thôn Yên Hà, xã Hải Bối	1	2024-2026	6429/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	8.853	2.530	2.530	2.530	5.700		5.700	1		UBND xã Vĩnh Thanh	
*	Lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin	1			3.826	1.020	1.020	1.020	2.806		2.806				
1	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh trên địa bàn xã Hải Bối	1	2025-2027	4999/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	3.826	1.020	1.020	1.020	2.806		2.806			UBND xã Vĩnh Thanh	
*	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	10			149.853	45.600	45.570	45.600	83.100		83.100	8			
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 1 thôn Cổ Điện, xã Hải Bối	1	2025-2027	3336/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	29.674	18.570	18.540	18.570	2.400		2.400			UBND xã Vĩnh Thanh	
2	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến ngõ còn lại thôn Cổ Điện, xã Hải Bối	1	2025-2027	7439/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	14.975	4.030	4.030	4.030	9.900		9.900	1		UBND xã Vĩnh Thanh	
3	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến ngõ dân sinh phía Đông thôn Ngọc Giang, xã Vĩnh Ngọc	1	2025-2027	7286/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	14.957	4.040	4.040	4.040	9.800		9.800	1		UBND xã Vĩnh Thanh	
4	Cải tạo, nâng cấp đường và hệ thống thoát nước từ nhà Tỷ Huệ đến nhà Chính Mơ thôn Phương Trạch, xã Vĩnh Ngọc	1	2025-2027	5829/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	7.040	3.040	3.040	3.040	3.600		3.600	1		UBND xã Vĩnh Thanh	
5	Cải tạo, nâng cấp đường và hệ thống thoát nước xung quanh trường Mầm non thôn Phương Trạch, xã Vĩnh Ngọc	1	2025-2027	7434/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	5.620	1.740	1.740	1.740	3.300		3.300	1		UBND xã Vĩnh Thanh	
6	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè tuyến đường ô tô đoạn qua khu dân cư thôn Phương Trạch, xã Vĩnh Ngọc	1	2025-2027	7604/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	6.973	2.040	2.040	2.040	4.500		4.500	1		UBND xã Vĩnh Thanh	
7	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường từ chợ cũ đi Ngăn hàng Công thương thôn Cổ Điện, xã Hải Bối	1	2025-2027	2091/QĐ-UBND ngày 06/3/2025	12.733	2.030	2.030	2.030	9.600		9.600	1		UBND xã Vĩnh Thanh	
8	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè tuyến đường ô tô đoạn từ nút giao đường Võ Văn Kiệt đến khu dân cư thôn Cổ Điện, xã Hải Bối	1	2025-2027	2092/QĐ-UBND ngày 06/3/2025	11.966	2.030	2.030	2.030	8.900		8.900	1		UBND xã Vĩnh Thanh	
9	Cải tạo, chỉnh trang đường và hệ thống hạ tầng tuyến phố Tây trường tiểu học Hải Bối	1	2025-2027	1385/QĐ-UBND ngày 21/02/2024	14.970	30	30	30	10.500		10.500			UBND xã Vĩnh Thanh	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
10	Cải tạo, chỉnh trang đường 6 cây đoạn qua khu dân cư thôn Đồng Nhân và đường Hải Bối, xã Hải Bối	1	2025-2027	9545/QĐ-UBND ngày 19/9/2024	30.945	8.050	8.050	8.050	20.600		20.600	1		UBND xã Vĩnh Thanh	
	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực công trình công cộng tại các đô thị	3			23.795	7.660	7.130	7.130	15.000		15.000	3			
1	Hoàn thiện hạ tầng và trồng cây xanh tại khu vực giáp chùa Khánh Long, thôn Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Ngọc	1	2025-2027	7239/QĐ-UBND ngày 16/5/2025	4.521	2.050	2.050	2.050	2.200		2.200	1		UBND xã Vĩnh Thanh	
2	Đầu tư xây dựng công viên mini, điểm sinh hoạt cộng đồng khu Mãng Kết, thôn Ngọc Giang	1	2025-2027	7433/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	16.524	4.550	4.050	4.050	11.300		11.300	1		UBND xã Vĩnh Thanh	
3	Xây dựng công viên mini kết hợp trồng cây xanh tại khu vực thôn Phương Trách	1	2025-2027	7488/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	2.750	1.060	1.030	1.030	1.500		1.500	1		UBND xã Vĩnh Thanh	

Phụ lục 14.74

KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND xã Mỹ Đức

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lý kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kế đầu tư thời gian bổ trợ vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
TỔNG CỘNG		18			616.326	241.552	168.752	241.552	180.900	7.000	173.900	13	2		
A DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ		1			58.000	45.400	25.400	45.400	7.000	7.000		1			
I PLL4 ĐA SỬ DỤNG NSTP hỗ trợ mục tiêu thực hiện trước sắp xếp		1			58.000	45.400	25.400	45.400	7.000	7.000		1			
LI CÁC DỰ ÁN TRƯỜNG THPT		1			58.000	45.400	25.400	45.400	7.000	7.000		1			
LI.1 Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề		1			58.000	45.400	25.400	45.400	7.000	7.000		1			
1	Xây dựng, mở rộng Trường THPT Hợp Thành, huyện Mỹ Đức	1	2023-2026	3475/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	58.000	45.400	25.400	45.400	7.000	7.000		1		UBND xã Mỹ Đức	
B DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ HỖ TRỢ MỤC TIÊU		17			558.326	196.152	143.352	196.152	173.900		173.900	12	2		
I ĐA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN ĐỒNG BỀN ĐẾN TỨC MIỀN NÚI THỰC HIỆN TRƯỚC SẮP XẾP		2			96.975	51.900	43.300	51.900	15.000		15.000		1		
LI Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề		2			96.975	51.900	43.300	51.900	15.000		15.000		1		
1	Trường Tiểu học An Phú khu Thanh Hà	1	2022-2026	số 4734/QĐ-UBND ngày 23/11/2022; Đ/C thời gian 2731/QĐ-UBND ngày 08/11/2025	46.575	26.100	17.500	26.100	5.000		5.000		1	UBND xã Mỹ Đức	
2	Trường Mầm non An Phú A (Điểm trường Thanh Hà)	1	2023-2026	số 2567/QĐ-UBND ngày 31/08/2023; 5296/QĐ-UBND 27/9/2024	50.400	25.800	25.800	25.800	10.000		10.000			UBND xã Mỹ Đức	
II PLL4 ĐA SỬ DỤNG NSTP hỗ trợ mục tiêu thực hiện trước sắp xếp		2			90.000	45.000	3.000	45.000	14.000		14.000	2	1		
II.1 CÁC DỰ ÁN TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS		1			20.000	3.000	3.000	3.000	8.000		8.000	1			
II.1.1 Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề		1			20.000	3.000	3.000	3.000	8.000		8.000	1			
1	Trường mầm non Tế Tiêu	1	2023 - 2026	6441/QĐ-UBND ngày 15/11/2024; đ/c thời gian 2723/QĐ-UBND ngày 07/11/2025	20.000	3.000	3.000	3.000	8.000		8.000	1		UBND xã Mỹ Đức	
II.2 CÁC DỰ ÁN LĨNH VỰC HTKT		1			70.000	42.000		42.000	6.000		6.000	1	1		
II.2.1 Lĩnh vực các hoạt động kinh tế		1			70.000	42.000		42.000	6.000		6.000	1	1		
Lĩnh vực giao thông		1			70.000	42.000		42.000	6.000		6.000	1	1		
1	Đường giao thông từ xã Hợp Thành đi đường Đổ Xá-Quan Sơn	1	2023-2026	4526 /QĐ-UBND ngày 21/11/2022; 2858/QĐ-UBND 15/11/2025	70.000	42.000		42.000	6.000		6.000	1	1	UBND xã Mỹ Đức	
III Dự án sử dụng 100% NS Huyện trước sắp xếp		13			371.351	99.252	97.052	99.252	144.900		144.900	10			
III.1 Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề		2			88.260	21.000	20.000	21.000	35.000		35.000	1			
1	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Phú Lưu Tế	1	2023-2026	4056 28/11/2023; đ/c thời gian 2724/QĐ-UBND ngày 07/11/2025	23.135	5.500	5.000	5.500	15.000		15.000	1		UBND xã Mỹ Đức	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước tỷ lệ giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hợp Thành A	1	2024 - 2027	5588 08/10/2024	65.126	15.500	15.000	15.500	20.000		20.000			UBND xã Mỹ Đức	
III.2	Lĩnh vực môi trường	1			9.992	4.208	3.008	4.208	900		900	1			
1	Xây dựng trạm Trung chuyển rác thải các xã Hợp Tiên, Hợp Thành	1	2024-2026	5616 09/10/2024	9.992	4.208	3.008	4.208	900		900	1		UBND xã Mỹ Đức	
III.3	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	8			197.234	72.744	72.744	72.744	87.500		87.500	8			
III.3.1	Lĩnh vực đô thị	2			18.697	2.544	2.544	2.544	6.000		6.000	2			
1	Kê gia cố chống sạt lở nhà thờ Phú Cốc, thôn Góc Báng, xã An Phú, huyện Mỹ Đức	1	2024-2026	7791/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 1397/QĐ-UBND ngày 04/2/2025	3.698	1.044	1.044	1.044	2.000		2.000	1		UBND xã Mỹ Đức	
2	Kê chống sạt lở sông đê vùng Quin Mai (gột 2), xã An Phú	1	2022-2026	3622/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 2730/QĐ-UBND ngày 08/12/2025	14.999	1.500	1.500	1.500	4.000		4.000	1		UBND xã Mỹ Đức	
III.3.2	Lĩnh vực giao thông	6			178.537	70.200	70.200	70.200	81.500		81.500	6			
1	Đường từ tỉnh lộ 419 đi đời Hà Xá, đời Thọ Sơn, đời Thượng Tiết và các tuyến nhánh	1	2024-2026	7352 07/12/2024	26.775	13.000	13.000	13.000	10.000		10.000	1		UBND xã Mỹ Đức	
2	Cải tạo, nâng cấp đường trục giao thông liên xã Hợp Thành - An Phú (điểm đầu thôn Phú Hiền xã Hợp Thành đi dọc Bò Phái sông Mỹ Hà, điểm cuối đầu làng thôn Đồng Chiếm xã An Phú, xã An Phú, huyện Mỹ Đức)	1	2023-2026	4114 30/11/2023	49.942	18.000	18.000	18.000	25.000		25.000	1		UBND xã Mỹ Đức	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hợp Thành (điểm đầu nối vào đường trục xã đoạn đi qua chùa Kim Quy, điểm cuối nối với xã An Phú huyện Mỹ Đức và xã Thanh Cao huyện Lương Sơn)	1	2024-2026	4147*25/7/2024	60.000	20.800	20.800	20.800	30.000		30.000	1		UBND xã Mỹ Đức	
4	Đường giao thông từ Đồng Một đi Máng Nải, xã Hợp Thành	1	2023-2026	2963 30/04/2025	14.500	6.200	6.200	6.200	6.500		6.500	1		UBND xã Mỹ Đức	
5	Đường giao thông Đồng Thuận đi Dồi Dục, xã Hợp Thành	1	2023-2026	2964 30/04/2025	12.820	6.000	6.000	6.000	5.000		5.000	1		UBND xã Mỹ Đức	
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục chính thôn Đồng Chiếm, xã An Phú	1	2024-2026	6991 03/12/2024	14.500	6.200	6.200	6.200	5.000		5.000	1		UBND xã Mỹ Đức	
III.4	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực di tích	2			75.885	1.300	1.300	1.300	21.500		21.500				
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Văn Giang, thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức	1	2025-2027	4151/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	31.176	500	500	500	9.500		9.500			UBND xã Mỹ Đức	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Hà Xá, xã Đại Hưng	1	2024-2026	3159/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	44.689	800	800	800	12.000		12.000			UBND xã Mỹ Đức	

Handwritten notes in the top left corner, possibly including a date or page number.



Phụ lục số 14.75

KẾ HOẠCH VỐN 2026 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ DO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị: UBND xã Hồng Sơn

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước tỷ lệ giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHIV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng	93			2.160.896	915.796	700.723	700.723	660.980	173.000	487.980	34	1		
A	DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ	3			713.875	221.900	139.900	139.900	173.000	173.000					
I	ĐA đầu tư công cấp Thành phố do cấp huyện thực hiện trước cấp xã	2			623.875	140.000	78.000	78.000	170.000	170.000					
-	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	2			623.875	140.000	78.000	78.000	170.000	170.000					
1	Dự án Cầu tạo, nâng cấp tuyến tỉnh lộ 424 đoạn từ Đõ Xã Quan Sơn ngã 5 Tề Tiêu đến cầu đép trên Cầu Đầm, huyện Mỹ Đức	1	2024-2026	Số 4223/QĐ ngày 15/8/2024	293.839	140.000	78.000	78.000	100.000	100.000				UBND xã Hồng Sơn	
2	Dự án cầu tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 419 đoạn Km0+55 đến Km53+552 (đoạn đi trùng tuyến đường trục phát triển kinh tế Miêu Môn - Hương Sơn), huyện Mỹ Đức	1	2025-2028	QĐ số 1885/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	330.036				70.000	70.000				UBND xã Hồng Sơn	
II	PLL4 DA sử dụng NSTP hỗ trợ mục tiêu thực hiện trước cấp xã	1			90.000	81.900	61.900	61.900	3.000	3.000					
-	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1			90.000	81.900	61.900	61.900	3.000	3.000					
1	Trường THPT Mỹ Đức B, huyện Mỹ Đức	1	2023-2026	1803* 16/6/2023; 3539* 30/10/2023; 2459* 28/05/2024	90.000	81.900	61.900	61.900	3.000	3.000				UBND xã Hồng Sơn	
B	DỰ ÁN CẤP XÃ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ MỤC TIÊU	90			1.447.021	693.896	560.823	560.823	487.980		487.980	34	1		
I	PLL4 DA sử dụng NSTP hỗ trợ mục tiêu thực hiện trước cấp xã	8			240.989	194.551	93.984	93.984	29.200		29.200		1		
-	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	5			189.039	150.351	68.484	68.484	21.200		21.200		1		
1	Xây dựng Trường Mầm non Lê Thanh B	1	2021-2026	2551/QĐ-UBND ngày 26/10/2021; 4139/QĐ-UBND ngày 09/11/2022; QĐ điều chỉnh thời gian 589/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	65.059	58.000	3.000	3.000	1.000		1.000		1	UBND xã Hồng Sơn	
2	Trường mầm non Phùng Xá	1	2022-2026	4001/QĐ-UBND ngày 31/10/2022; 2412/QĐ-UBND ngày 14/8/2023; QĐ điều chỉnh thời gian 589/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	25.000	21.000	21.000	21.000	3.500		3.500			UBND xã Hồng Sơn	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước tính số giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian hỗ trợ vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHIV	Trong đó						
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
3	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Hồng Sơn đạt chuẩn mức độ 2	1	2022-2026	3252/QĐ-UBND ngày 26/08/2022; QĐ điều chỉnh thời gian 589/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	40.000	30.800	30.800	30.800	1.000		1.000				UBND xã Hồng Sơn	
4	Trường mầm non An Mỹ, huyện Mỹ Đức	1	2022-2026	4371/QĐ-UBND ngày 12/12/2023; QĐ điều chỉnh thời gian 589/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	14.980	13.684	8.684	8.684	700		700				UBND xã Hồng Sơn	
5	Trường tiểu học Phùng Xá	1	2022-2026	4694/QĐ-UBND ngày 21/11/2022; 3874/QĐ-UBND ngày 21/11/2023; QĐ điều chỉnh thời gian 589/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	44.000	26.867	5.000	5.000	15.000		15.000				UBND xã Hồng Sơn	
-	Lĩnh vực văn hóa thông tin (dự lịch) - Lĩnh vực di tích	2			46.000	31.000	25.000	25.000	7.000		7.000					
1	Dinh Ấng Hạ, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức	1	2023-2026	3148/QĐ-UBND ngày 21/06/2024	20.000	14.500	14.500	14.500	2.000		2.000				UBND xã Hồng Sơn	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Dinh Ấng Thượng, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức	1	2023-2026	2444/QĐ-UBND ngày 23/05/2024	26.000	16.500	10.500	10.500	5.000		5.000				UBND xã Hồng Sơn	
-	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	1			14.950	13.200	500	500	1.000		1.000					
1	Trạm y tế xã Hợp Tiến	1	2022-2026	4071/QĐ-UBND ngày 03/11/2022; QĐ điều chỉnh thời gian 589/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	14.950	13.200	500	500	1.000		1.000				UBND xã Hồng Sơn	
II	Dự án sử dụng 100% NS Huyện trước sắp xếp	82			1.197.032	499.345	466.839	466.839	458.780		458.780	34				
-	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	4			184.846	31.608	30.608	30.608	76.000		76.000					
1	Cải tạo, nâng cấp trường Trung học cơ sở Lê Thanh (bổ sung theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 và Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020)	1	2020-2026	3942/QĐ-UBND ngày 11/2020; 589/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	38.589	15.700	15.700	15.700	3.000		3.000				UBND xã Hồng Sơn	
2	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Hợp Tiến B	1	2024-2026	4939 12/9/2024	39.192	7.800	7.300	7.300	20.000		20.000				UBND xã Hồng Sơn	
3	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Hợp Tiến B	1	2024-2027	5672/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	50.365	7.800	7.300	7.300	28.000		28.000				UBND xã Hồng Sơn	
4	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Xuy Xá	1	2024-2026	2971/QĐ-UBND ngày 13/6/2024	56.700	300	300	300	25.000		25.000				UBND xã Hồng Sơn	
-	Lĩnh vực văn hóa thông tin (dự lịch)	10			107.453	57.409	55.209	55.209	37.500		37.500	3				
-	Lĩnh vực văn hóa thông tin (dự lịch) - Nhà văn hóa thôn	10			107.453	57.409	55.209	55.209	37.500		37.500	3				
1	Xây dựng tường bao, nhà báo vệ, mua sắm trang thiết bị và các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa thôn Thượng 1	1	2024-2026	76 04/01/2024; QĐ điều chỉnh thời gian 589/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	10.500	6.500	6.500	6.500	4.000		4.000				UBND xã Hồng Sơn	
2	Nhà văn hóa thôn Phú Liên, xã Hợp Tiến	1	2024-2026	5529 03/10/2024	9.498	6.509	5.000	5.000	900		900				UBND xã Hồng Sơn	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lý kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian hỗ trợ vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHIV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hạ Quát, xã Hợp Tiến	1	2024-2026	5133 20/9/2024	9.500	11.100	5.900	5.900	500		500			UBND xã Hồng Sơn	
4	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thượng và các hạng mục phụ trợ	1	2024-2026	3275 17/10/2023; 5518/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	10.000	3.500	3.500	3.500	5.000		5.000			UBND xã Hồng Sơn	
5	Nhà văn hóa thôn Lê Xá, xã Lê Thanh (giai đoạn 2)	1	2022-2026	188 16/02/2023; QĐ điều chỉnh thời gian 589/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	7.500	1.500	1.500	1.500	5.500		5.500	1		UBND xã Hồng Sơn	
6	Nhà văn hóa thôn Thượng 1, xã Phùng Xá	1	2022-2026	1882 28/3/2022; QĐ điều chỉnh thời gian 589/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	11.000	2.500	2.500	2.500	7.500		7.500	1		UBND xã Hồng Sơn	
7	Xây dựng hệ thống sân vườn, tường rào và các hạng mục phụ trợ nhà văn hoá thôn Đông, xã Hồng Sơn	1	2025-2027	1696*20/3/2025	13.865	7.500	7.500	7.500	4.000		4.000			UBND xã Hồng Sơn	
8	Nhà văn hóa thôn Trung UBND xã Hồng Sơn	1	2021-2026	Số 2070/QĐ-UBND ngày 31/8/2021; QĐ điều chỉnh thời gian 589/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	9.617	8.000	8.000	8.000	500		500			UBND xã Hồng Sơn	
9	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Bình Lạng, UBND xã Hồng Sơn	1	2023-2026	Số 22/QĐ-UBND ngày 01/4/2024; QĐ điều chỉnh thời gian 589/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	10.981	5.800	10.300	10.300	600		600	1		UBND xã Hồng Sơn	
10	Hệ thống công, tường rào, sân nền và các hạng mục phụ trợ Nhà văn hóa xã Phùng Xá	1	2022-2026	3626/QĐ-UBND ngày 05/10/2022; 6895/QĐ-UBND 3/12/2024	14.992	4.500	4.500	4.500	9.000		9.000			UBND xã Hồng Sơn	
-	Lĩnh vực môi trường	1			7.350	5.059	5.059	5.059	1.500		1.500	1			
1	Diễn trung chuyển rác thải sinh hoạt xã An Mỹ	1	2024-2026	8637*31/12/2024	7.350	5.059	5.059	5.059	1.500		1.500	1		UBND xã Hồng Sơn	
-	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể (bao gồm trụ sở)	2			49.368	34.447	23.747	23.747	13.500		13.500				
1	Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND UBND xã Hồng Sơn	1	2022-2026	4273/QĐ-UBND ngày 11/11/2022; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	44.950	32.947	22.247	22.247	12.000		12.000			UBND xã Hồng Sơn	
2	Xây dựng mới nhà kho, nhà bếp tại trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Xuy Xá	1	2024-2026	6428 15/11/2024	4.418	1.500	1.500	1.500	1.500		1.500			UBND xã Hồng Sơn	
-	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	65			848.015	370.830	352.233	352.233	330.280		330.280	30			
-	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực thương mại	1			7.000	4.000	3.000	3.000	2.700		2.700				
1	Cải tạo, nâng cấp chợ La Đông, xã Hợp Tiến	1	2024-2026	5704 16/10/2024	7.000	4.000	3.000	3.000	2.700		2.700			UBND xã Hồng Sơn	
-	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	2			164.062	69.000	69.000	69.000	40.600		40.600				
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu tư quyền sử dụng đất ở tại khu lố 3 Đồng Chứa, thôn Kinh Đào, xã An Mỹ	1	20224-2026	94 10/01/2024	49.750	28.000	28.000	28.000	2.600		2.600			UBND xã Hồng Sơn	

STT	Tên dự án	Tầng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lý kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kết quả thẩm định giá	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHVV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Cải tạo, nâng cấp đường trục giao thông liên xã Hợp Tiến - Hợp Thành (điểm đầu nối với xã Thanh Cao, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, điểm cuối nối với đường trục xã Hợp Thành)	1	2022-2026		114.312	41.000	41.000	41.000	38.000		38.000			UBND xã Hồng Sơn	
-	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	62			676.953	297.836	280.233	280.233	286.986		286.986	30			
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Công Chúa đi Đồng Dâm thôn Phú Liên	1	2024-2026	3772 14/1/2023	8.400	5.300	5.300	5.300	2.600		2.600	1		UBND xã Hồng Sơn	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ tỉnh lộ 424 đi xã Đông Rạng 1 thôn Phú Liên xã Hợp Tiến	1	2024-2026	3810 15/1/2023	7.670	4.800	4.800	4.800	2.440		2.440	1		UBND xã Hồng Sơn	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ TL 424 đi xã Nội Độ thôn Phú Liên, xã Hợp Tiến	1	2024-2026	3657 03/1/2023	7.600	4.800	4.800	4.800	2.380		2.380	1		UBND xã Hồng Sơn	
4	Cải tạo, nâng cấp mở rộng lề đường GTNT từ cầu Hạ Quát đi ngã ba giáp nhà ông Hường; mở rộng lề đường trước cửa nhà văn hóa và xây cầu sang Đồng Đình, huyện Mỹ Đức	1	2024-2026	5112 19/9/2024	6.000	4.500	3.000	3.000	1.250		1.250			UBND xã Hồng Sơn	
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTND từ ngõ ông Thạch đi nhà trung nhân dân thôn Viêm Khê	1	2024-2026	4426 12/8/2024	4.996	2.701	2.500	2.500	1.950		1.950	1		UBND xã Hồng Sơn	
6	Đường từ Gò Bùn Hạ đi Gò Đồi và tuyến nhánh xã Hợp Tiến	1	2024-2026	5032*16/9/2024	8.000	7.200	7.200	7.200	680		680	1		UBND xã Hồng Sơn	
7	Tuyến đường ngõ ông Mã đi giáp trường mầm non trung tâm xã Hợp Tiến	1	2024-2026	4881*09/9/2024	7.300	6.500	6.500	6.500	680		680	1		UBND xã Hồng Sơn	
8	Đường giao thông nội đồng xã Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức; Tuyến 1: đường từ TL424 đi Đồng Bộ Ái thôn Viêm Khê; Tuyến 2: đường từ TL424 đi Nhà trung nhân dân thôn Viêm Khê	1	2023-2026	3926*21/1/2023; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	14.299	3.500	3.500	3.500	9.100		9.100			UBND xã Hồng Sơn	
9	Đường giao thông nông thôn từ TL424 đi nhà văn hóa thôn Thượng Quát, xã Hợp Tiến	1	2023-2026	3927*21/1/2023; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	14.988	3.500	3.500	3.500	9.700		9.700			UBND xã Hồng Sơn	
10	Đường GTND tuyến từ Đồng Trục đi thôn Gò Mãi, xã Hợp Tiến	1	2021-2026	2211*22/09/2021; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	7.787	1.000	1.000	1.000	6.600		6.600	1		UBND xã Hồng Sơn	
11	Cải tạo nâng cấp đường trục thôn Phú Liên (từ cầu Phú Liên đi cầu đập tràn Quan Sơn)	1	2024-2026	5128*19/09/2024; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	9.000	1.000	1.000	1.000	8.500		8.500	1		UBND xã Hồng Sơn	
12	Đường liên xã từ đường 419 đi Xuy Xá	1	2021-2026	2565 26/10/2021; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	70.000	27.759	22.000	22.000	27.000		27.000			UBND xã Hồng Sơn	
13	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ TL 419 đi khu trang trại, UBND xã Hồng Sơn, xã An Mỹ	1	2024-2026	2239/QĐ-UBND 14/5/2024, 2239 14/5/2024	22.500	9.000	12.000	12.000	9.000		9.000	1		UBND xã Hồng Sơn	
14	Đường từ công đồng Dồi đi về hồ Quan Sơn	1	2023-2026	1761 30/6/2023; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	14.950	5.000	7.000	7.000	6.500		6.500	1		UBND xã Hồng Sơn	
15	Đường giao thông từ Hai Lãm Thượng đi Hợp Tiến, thôn Nghĩa, xã Xuy Xá	1	2023-2026	3077 05/10/2023; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	14.900	7.687	10.687	10.687	3.700		3.700	1		UBND xã Hồng Sơn	
16	ng cấp tuyến đường giao thông nội đồng Xóm Dò - Đường Diab xã Phùng Xá	1	2022-2026	2398 08/10/2021; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	4.509	3.000	3.000	3.000	1.000		1.000			UBND xã Hồng Sơn	
17	Cải tạo nâng cấp tuyến đường giao thông nội đồng tuyến Ba Cùn - Dưng Thượng xã Phùng Xá	1	2023-2026	2344 04/10/2021; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	3.170	2.500	2.500	2.500	500		500			UBND xã Hồng Sơn	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước lỳ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trung đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
18	Đường giao thông liên thôn khu dân cư tháng 10 đi Xuy Xá, xã Phùng Xá	1	2022-2026	1893*28/3/2022; 7671*12/12/2024; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	9.800	3.741	3.741	3.741	5.000		5.000	1		UBND xã Hồng Sơn	
19	Đường giao thông liên thôn ngõ ba Dung Tân đi ngõ ba ông Bốn Ninh, xã Phùng Xá	1	2022-2026	1892* 28/3/2022; 7672* 12/12/2024; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	10.700	3.800	3.800	3.800	6.000		6.000			UBND xã Hồng Sơn	
20	Đường giao thông Cửa Chợ đi Đồng Năm, xã Lê Thanh	1	2024-2026	681*21/01/2025	6.539	3.000	3.000	3.000	3.200		3.200	1		UBND xã Hồng Sơn	
21	Đường giao thông khoảng 3 đi khoảng 4 Thuyên Đà, xã Lê Thanh	1	2024-2026	682*21/01/2025	5.917	3.000	3.000	3.000	2.500		2.500	1		UBND xã Hồng Sơn	
22	Đường GTND tuyến từ Trám Thượng Ngoài đi mương Ba xã, xã Lê Thanh	1	2022-2026	1591*28/01/2022; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	14.995	5.500	5.500	5.500	9.000		9.000	1		UBND xã Hồng Sơn	
23	Đường GTND tuyến từ Cầu Mối đi mương Ba xã, xã Lê Thanh	1	2022-2026	1590*28/01/2022; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	14.990	5.500	5.500	5.500	9.000		9.000	1		UBND xã Hồng Sơn	
24	Đường giao thông Đông Gia Hạ, từ đầu đồng Gia Hạ đến cuối đồng Gia Hạ xã Xuy Xá	1	2024-2026	7914 18/12/2024	6.884	4.200	4.200	4.200	2.000		2.000	1		UBND xã Hồng Sơn	
25	Đường giao thông Đông Gia Thượng, từ đầu đồng Gia Thượng đến cuối đồng Gia Thượng xã Xuy Xá	1	2024-2026	7913 18/12/2024	7.288	4.500	4.500	4.500	2.300		2.300	1		UBND xã Hồng Sơn	
26	Đường giao thông Chuồn Khôi Thượng đi Chuồn Khôi Hạ xã Xuy Xá	1	2024-2026	7815 17/12/2024	5.914	4.000	4.000	4.000	1.000		1.000			UBND xã Hồng Sơn	
27	Cải tạo, nâng cấp Ao xóm Đông thôn Đoài xã Xuy Xá	1	2024-2026	6903 29/11/2024	8.000	4.000	4.000	4.000	3.000		3.000			UBND xã Hồng Sơn	
28	Đường giao thông nội đồng tuyến từ Vòng Thượng đi Đồng Phôi xã Xuy Xá	1	2024-2026	3234 26/6/2024	8.394	4.500	4.500	4.500	3.000		3.000			UBND xã Hồng Sơn	
29	Đường GTND tuyến Công Sỏi - Trám Sâu - Trám Hạ, xã Phùng Xá	1	2022 - 2026	1894 28/3/2022; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	14.800	6.500	6.500	6.500	6.000		6.000			UBND xã Hồng Sơn	
30	Đường GTND tuyến Công Địa - Xuýt Thượng - Đồng Sen - Đồng Kiều - Bò Cát, xã Phùng Xá	1	2022 - 2026	1880 28/3/2022; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	14.650	6.500	6.500	6.500	7.000		7.000	1		UBND xã Hồng Sơn	
31	Đường giao thông nội đồng tuyến Côi Hạ đi núi Yên Ngựa, xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức	1	2021-2026	891*23/4/2021; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	6.739	3.000	3.000	3.000	2.000		2.000			UBND xã Hồng Sơn	
32	Đường GTND tuyến Côi Trung đi thôn Thanh Lợi xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức	1	2021-2026	890*23/4/2021; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	4.998	3.000	3.000	3.000	1.200		1.200			UBND xã Hồng Sơn	
33	Đường GTND tuyến từ đường liên xã đi mương Ba xã, xã Hồng Sơn	1	2021-2026	1910* 11/8/2021; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	4.452	2.900	2.900	2.900	1.000		1.000			UBND xã Hồng Sơn	
34	Đường GTND tuyến từ Đồng Ô đi mương Thanh Bình xã Hồng Sơn	1	2021-2026	1911*11/8/2021; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	5.886	2.500	2.500	2.500	2.000		2.000			UBND xã Hồng Sơn	
35	Đường GTND tuyến từ Đồng Gạch - Đồng Sục xã Hồng Sơn	1	2021-2026	1954*16/8/2021; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	8.426	3.000	3.000	3.000	3.000		3.000			UBND xã Hồng Sơn	
36	Đường trục chính nội đồng tuyến ngang + dọc Láng Thượng trong ngoài xã Hồng Sơn	1	2022-2026	1889*28/3/2022; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	9.704	4.500	4.500	4.500	3.000		3.000			UBND xã Hồng Sơn	
37	Đường trục chính nội đồng tuyến Côi Đồng Gánh - Núi Yên Ngựa - Đồng Né xã Hồng Sơn	1	2022-2026	1890*28/3/2022; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	7.120	4.000	4.000	4.000	3.000		3.000	1		UBND xã Hồng Sơn	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước tỷ lệ giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian bố trí vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trung đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
38	Hoàn thiện đường bê tông, rãnh thoát nước đường trục chính thôn Thượng xã Hồng Sơn	1	2024-2026	5756*17/10/2024	14.983	3.500	3.500	3.500	5.000		5.000			UBND xã Hồng Sơn	
39	Hoàn thiện bê tông mặt đường, rãnh thoát nước đường trục chính thôn Bình Lạng xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức	1	2024-2026	1433*26/3/2024	14.862	3.500	3.500	3.500	8.000		8.000			UBND xã Hồng Sơn	
40	Đường giao thông nội đồng thôn Thượng, từ đường trục Xã đến Đồng Vông, Đồng Miến; từ Máng Phô Đồng đến Núi Yên Nươc, xã Hồng Sơn	1	2025-2026	1431*06/03/2025	6.329	3.000	3.000	3.000	2.000		2.000			UBND xã Hồng Sơn	
41	Đường giao thông nội đồng thôn Vĩnh An, từ đường trục Xã đến Trại 202; từ Đập thôn Vĩnh An đến Đồn Ma, xã Hồng Sơn	1	2025-2026	1430*06/03/2025	6.141	3.000	3.000	3.000	2.000		2.000			UBND xã Hồng Sơn	
42	Đường GTND tuyến đường Thái Dương 1 - Đều Cầu xã Xuy Xá	1	2025-2026	2760* 24/4/2025	14.980	5.200	5.200	5.200	8.000		8.000			UBND xã Hồng Sơn	
43	Đường GTND tuyến Đường Đù - Đồng Giã Mạ xã Xuy Xá	1	2025-2026	2759* 24/4/2025	14.950	5.200	5.200	5.200	8.000		8.000			UBND xã Hồng Sơn	
44	Đường GTND tuyến Đồng Giã Thượng - Cây Sỏi xã Xuy Xá	1	2025-2026	2761* 24/4/2025	14.960	5.200	5.200	5.200	8.000		8.000			UBND xã Hồng Sơn	
45	Đường giao thông Đội 7 thôn Thượng xã Xuy Xá	1	2025-2026	2762* 24/4/2025	8.900	4.200	4.200	4.200	3.500		3.500			UBND xã Hồng Sơn	
46	Đường giao thông từ Trường THCS đi thôn Thượng, xã Xuy Xá	1	2025-2026	2462 14/04/2025	4.600	1.000	1.000	1.000	3.200		3.200	1		UBND xã Hồng Sơn	
47	Sửa chữa đường giao thông đội 6 thôn Thượng xã Xuy Xá	1	2025-2026	2917 29/4/2025	5.900	3.000	3.000	3.000	2.200		2.200			UBND xã Hồng Sơn	
48	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Sân vận động đi mương nội xã Xuy Xá	1	2025-2026	2984 06/05/2025	14.600	4.500	4.500	4.500	9.000		9.000	1		UBND xã Hồng Sơn	
49	Đường giao thông nội đồng tuyến từ cuối đồng Đò đi đồng Bùn xã Xuy Xá	1	2025-2026	2343 08/04/2025	7.608	4.000	4.000	4.000	3.200		3.200	1		UBND xã Hồng Sơn	
50	Đường giao thông nội đồng tuyến từ Bãi Trùng đi mương Thượng xã Xuy Xá	1	2024-2026	3225 26/06/2024	5.244	3.000	3.000	3.000	1.800		1.800	1		UBND xã Hồng Sơn	
51	Đường giao thông từ Cửa Đình Nghĩa đi Chuối Khoui Hạ, thôn Nghĩa, xã Xuy Xá	1	2025-2026	2586 16/04/2025	14.945	3.500	3.500	3.500	8.500		8.500	1		UBND xã Hồng Sơn	
52	Đường giao thông nội đồng thôn Trung - Hạ Sò, xã Hồng Sơn	1	2025-2026	1578 14/03/2025	14.950	6.905	6.905	6.905	7.000		7.000	1		UBND xã Hồng Sơn	
53	Tuyến đường GTND từ xã đồng Quan Mạ đi xã đồng Đồng Quan xã Hồng Sơn	1	2025-2026	2145 31/03/2025	4.900	2.500	2.500	2.500	1.500		1.500	1		UBND xã Hồng Sơn	
54	Tuyến đường từ TL419 - liên xã (Lâm Báu)	1	2025-2026	2144 31/3/2025	4.950	2.200	2.200	2.200	2.300		2.300	1		UBND xã Hồng Sơn	
55	Đường giao thông từ thôn Thanh Lợi đi TL419, xã Hồng Sơn	1	2025-2026	3065 8/5/2025	14.850	6.700	6.700	6.700	6.500		6.500			UBND xã Hồng Sơn	
56	Đường giao thông Đồng Trâm Mạ đi Đồng Biều, xã Hồng Sơn	1	2025-2026	3015 7/5/2025	14.980	6.700	6.700	6.700	6.000		6.000			UBND xã Hồng Sơn	
57	Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn Gò Mài (Đoạn từ Hồ Quan Sơn qua núi Thò đi thôn Thanh Lợi, UBND xã Hồng Sơn)	1	2024-2026	5129 19/09/2024	12.000	2.500	2.500	2.500	9.000		9.000	1		UBND xã Hồng Sơn	
58	Đường GTND tuyến Lò Ngòi - Đồng Võ kết hợp kênh tiêu	1	2022-2026	4085 4/11/2022; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	10.999	4.200	2.000	2.000	6.000		6.000			UBND xã Hồng Sơn	
59	Đường nội đồng Góc Trôi đi Đầm Thu, xã Lê Thanh	1	2022-2026	5572*22/12/2022; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	3.148	1.800	1.800	1.800	1.000		1.000	1		UBND xã Hồng Sơn	
60	Đường giao thông đầu mương ba xã đi bãi rác thôn Thượng Quát, xã Hợp Tiến	1	2025-2026	4029 27/11/2023; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	14.950	9.000	7.000	7.000	3.000		3.000			UBND xã Hồng Sơn	

STT	Tên dự án	Tổng số dự án	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Ước tỶ lệ giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2026			Công trình hoàn thành	Chấp thuận kéo dài thời gian hỗ trợ vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng KHV	Trong đó					
										Ngân sách TP	Ngân sách TP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
61	Đường giao thông gốc đạ Gia Nông đĩ TL424, xã Hợp Tiến	1	2023-2026	4028 27/11/2023; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	14.980	10.500	5.500	5.500	1.500		1.500			UBND xã Hồng Sơn	
62	Đường giao thông từ đống Vông Hạ đi đống Phú, thôn Nội, xã Xuy Xá	1	2023-2026	3962*23/11/2023; 589/QĐ-UBND 17/10/2025	14.980	9.637	700	700	3.000		3.000			UBND xã Hồng Sơn	